

Technical analysis

Phân tích kỹ thuật-P.1

Thị trường chứng khoán đang trở thành một điểm nóng thu hút sự quan tâm rất lớn của một đối tượng trong xã hội. Cùng với sự quan tâm đó, giới tham gia thị trường chứng khoán cũng bắt đầu quan tâm đến những kỹ thuật ứng dụng trong phân tích và đánh giá để đưa ra quyết định đầu tư phù hợp. Hai hệ thống kỹ thuật phân tích được nói đến nhiều nhất là phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật. Trong khi đa số chúng ta đều ít nhiều có những kiến thức nhất định về phân tích cơ bản thì số lượng người hiểu và nắm về phân tích kỹ thuật còn hạn chế, hơn thế nữa khả năng ứng dụng và tính chính xác của nó còn là một vấn đề đang bàn cãi hàng trăm năm nay. Để thành viên Saga cũng có kiến thức nhất định về khía cạnh phân tích kỹ thuật, chúng tôi quyết định cung cấp loạt bài nghiên cứu về phân tích cơ bản. Đây là loạt bài lấy từ bài nghiên cứu của hai thành viên của Saga. Hy vọng có thể giúp các bạn một chút về kiến thức và nhận được góp ý của các Saganors.

Lịch sử hình thành

Lịch sử của Phân tích kỹ thuật bắt nguồn từ cách đây hơn 100 năm, từ một người tên là Charles H. Dow. Ông là người đã sáng lập lên tạp chí phố Wall (The Wall Street Journal). Sau nhiều năm nghiên cứu, năm 1884 ông đưa ra chỉ số bình quân của giá đóng cửa của 11 cổ phiếu quan trọng nhất thị trường Mĩ thời gian đó. William Peter Hamilton là người thực sự mang lại sức sống cho những nghiên cứu của Dow bằng việc tiếp tục nghiên cứu và xuất bản cuốn sách “The Stock Market Barometer” (Phong vũ biểu thị trường chứng khoán) vào năm 1922. Suốt những năm 1920 và 1930, Richard W. Schabacker là người đã đi sâu vào những nghiên cứu của Dow và Hamilton, Schabacker là người đã đưa ra khái niệm đầu tiên về Phân tích kỹ thuật. Schabacker từng là chủ biên của tạp chí Forbes nổi tiếng. Ông chỉ ra rằng những dấu hiệu mà lý thuyết Dow đưa ra được với chỉ số bình quân thị trường vẫn giữ nguyên giá trị và tầm quan trọng khi áp dụng vào đồ thị của từng cổ phiếu riêng lẻ. Điều này đã được ông thể hiện và chứng minh trong cuốn sách của mình: “Stock Market Theory and Practice, Technical Market Analysis and Stock Market Profit”. Như vậy những cơ sở đầu tiên của Phân tích kỹ thuật đã xuất hiện từ trong lý thuyết Dow, nhưng phải đến Schabacker – người cha của Phân tích kỹ thuật hiện đại tiếp đó là Edward và Magee với “Technical Analysis of Stock Trend” (cuốn sách đã được tái bản 8 lần) và ngày nay là John Murphy, Jack Schwager, Martin Pring, ... thì mới thực sự ra đời cái tên “Phân tích kỹ thuật” và được nâng cao, tổng kết thành một hệ thống lý luận quan trọng trong phân tích đầu tư trên thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính nói chung.

Các quan điểm về Phân tích kỹ thuật

Nguyên lý của thành công trong đầu tư chứng khoán là dựa trên giả định rằng trong tương lai người ta sẽ tiếp tục lặp lại những sai lầm mà họ đã mắc phải trong quá khứ.

(Edwin Lefevre, Reminiscences of a Stock Operator)

Thị trường chứng khoán hay bất kì thị trường nào đều không bao giờ phản ánh đúng giá trị thực của một hàng hóa được trao đổi bên trong đó mà nó phản ánh giá trị mà nhà đầu tư nhận thức được và cho rằng nó đáng giá như thế.

Giá của bất kì một chứng khoán đã cho nào đều không chỉ ra mối quan hệ thực tế giữa cung và cầu mà là phản ánh kỳ vọng tương lai của cung và cầu.

Vậy “Phân tích kỹ thuật” là gì? Nhiều nhà quan sát coi Phân tích kỹ thuật là một tập hợp những mảnh khoe và cần đến sự tập luyện nghiêm túc thực sự. Những người vận dụng kết quả sau quá trình tập luyện ấy còn được gọi là “pháp sư”. Nhiều người hiểu về tính đúng đắn của công việc này nhưng họ vẫn đặt ra câu hỏi về tính chính xác trong dự báo các xu thế chính trên thị trường chứng khoán và thị trường các loại hàng hóa khác. Bản thân trong những người sử dụng Phân tích kỹ thuật cũng không có một sự thống nhất về quan điểm về bản chất của Phân tích kỹ thuật vì Phân tích kỹ thuật có thể được hiểu thuần túy là một khoa học mà cũng có thể được hiểu là một nghệ thuật.

Hiểu một cách rộng nhất thì Phân tích kỹ thuật luôn cố gắng nghiên cứu tình trạng “sức khỏe hiện tại của toàn thị trường hay của mỗi chứng khoán với mục đích là nhằm dự báo biến động tương lai của giá bằng cách dựa trên những kinh nghiệm

có được với các hình mẫu kỹ thuật (hay mô hình kỹ thuật) thị trường đã xuất hiện trong quá khứ và áp dụng lại khi có mô hình tương tự xuất hiện. Giả thuyết căn bản trong Phân tích kỹ thuật là những kiến thức đã có về giá và hình mẫu đồ thị trong quá khứ sẽ được sử dụng “tham khảo” nhằm xác định giá có xu thế như thế nào trong tương lai đối với mỗi thị trường cụ thể.

Ta sẽ xem xét một số định nghĩa đã được đưa ra về Phân tích kỹ thuật :

Nick và Barbara Apostolous định nghĩa Phân tích kỹ thuật là “*quá trình dự báo biến động giá chứng khoán trong tương lai dựa trên cơ sở phân tích những biến động trong quá khứ của giá và các áp lực cung cầu có ảnh hưởng đến giá*”. Tuy nhiên định nghĩa này làm cho Phân tích kỹ thuật dường như trở lên gần tương đương với phân tích cơ bản - là quá trình ước lượng giá trị chứng khoán hay hàng hóa bằng cách phân tích các điều kiện kinh tế tài chính cơ bản mỗi công ty, mỗi ngành, ... ”

Norman Fosback, trong cuốn “Stock Market Logic”:

“*Nếu như bản chất của phân tích cơ bản là việc xác định giá trị và xác định mua hay bán cổ phiếu khi giá trên thị trường sai lệch khỏi giá trị thực, thì Phân tích kỹ thuật lại dựa trên 2 giả thuyết cơ bản khác hoàn toàn. Thứ nhất, những ước lượng mang tính chủ quan là quá mơ hồ và không thích hợp và thứ hai là dao động giá trong tương lai có thể dự đoán được qua việc phân tích biến động giá trong quá khứ, phân tích mối quan hệ cung - cầu và một số yếu tố khác có ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả thị trường* ”

Clifford Pistolese đã đưa ra định nghĩa khá đầy đủ như sau: “*Phân tích kỹ thuật là việc sử dụng biểu đồ giá và khối lượng giao dịch làm cơ sở cho các quyết định đầu tư. Cơ sở căn bản cho hướng tiếp cận này là ở chỗ các thông tin về giá và khối lượng trên biểu đồ phản ánh tất cả những gì diễn ra về việc mua hay bán một loại cổ phiếu. Vì biểu đồ cổ phiếu tóm tắt và phản ánh kết quả thực của các giao dịch đã thực hiện nên Phân tích kỹ thuật là cơ sở duy nhất cho việc ra các quyết định đầu tư*”

R. W. Schabacker, người cha đẻ của Phân tích kỹ thuật hiện đại đã mô tả Phân tích kỹ thuật như “*một môn khoa học mới*”. Schabacker giải thích rằng tất cả những yếu tố phân tích cơ bản hợp lý đều mang đến tình trạng thị trường đi xuống và chúng được đánh giá, tự động đưa vào và lưu lại trong các mức cân bằng thực trên biểu đồ chứng khoán. Ông còn mô tả sâu hơn đặc tính của biểu đồ cổ phiếu hay biểu đồ các loại hàng hóa khác như là một bộ nhớ hoàn hảo của thị trường và khẳng định chắc chắn rằng giá trị chủ yếu của một biểu đồ giá vượt ra ngoài ý nghĩa thực tế là một bức tranh ghi lại những giao dịch trong quá khứ.

Định nghĩa cụ thể của Schabacker như sau:

“*Việc Phân tích kỹ thuật các biến động thị trường là một khía cạnh của phân tích, dựa trên cơ sở những hiện tượng phát sinh từ chính thị trường, bỏ qua những tác động của các yếu tố trong phân tích cơ bản và các yếu tố khác. Trên thực tế Phân tích kỹ thuật có thể được giải thích đơn giản chỉ là phát biểu một cách đối lập lại với việc xem xét theo trường phái phân tích cơ bản. Khía cạnh cơ bản của phân tích thị trường nhằm mối quan tâm đặc biệt vào những yếu tố như doanh nghiệp phát hành cổ phiếu, việc kinh doanh của doanh nghiệp, tiềm năng, hoạt động trong quá khứ, thu nhập hiện tại và tương lai, bảng cân đối kế toán, sức mạnh tài chính, chất lượng của đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, ... Các yếu tố kỹ thuật là những gì có thể được coi là tổng thể các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng biến động về giá cổ phiếu sau khi đã bỏ qua các yếu tố thuộc phân tích cơ bản và những yếu tố không thực sự có ảnh hưởng.* ”

Còn theo **Edward và Magee** thì:

“*Phân tích kỹ thuật là môn khoa học của sự ghi nhận lại, thường là dưới dạng đồ thị, những hoạt động giao dịch diễn ra trong quá khứ gây lên những thay đổi về giá, khối lượng giao dịch, ... của một chứng khoán bất kì hay với chung toàn bộ thị trường và sau đó sẽ dựa trên “bức tranh về quá khứ” đó để suy luận ra xu thế có thể xảy ra trong tương lai*”

Không phải ngẫu nhiên mà cuốn sách “**Technical Analysis of Stock Trend**” của Edward và Magee lại được tái bản tới 8 lần, đây là quyển sách mang tính đầy đủ nhất và cơ bản nhất khi tìm hiểu về Phân tích kỹ thuật , vì vậy để có thể hiểu rõ

thì rất cần nghiên cứu kỹ cuốn sách này. ở đây sẽ trích dẫn thêm một số đoạn nhằm giúp người đọc hiểu kỹ hơn "...những nhà Phân tích kỹ thuật luôn phát biểu với lý luận đầy đủ còn lượng thông tin, dữ liệu mà phân tích cơ bản nghiên cứu là quá cũ và không con giá trị sử dụng. Bởi vì tâm lý thị trường không quan tâm đến quá khứ và thậm chí là cả hiện tại, thị trường luôn hướng về phía trước, cố gắng phản ánh những tăng trưởng trong tương lai, xem xét đo lường và làm cân bằng tất cả những ước lượng, dự đoán của hàng trăm nhà đầu tư - những người cùng nhìn vào tương lai nhưng dưới những góc độ hoàn toàn khác nhau và với những cặp kính nhiều màu sắc. Tóm lại, giá thị trường được tạo lên bởi bản thân thị trường, bao gồm tất cả những thông tin thuộc về cơ bản mà những người phân tích thông kê muốn tìm hiểu cùng với nhiều những nguồn thông tin khác có tầm quan trọng ngang hoặc lớn hơn nhiều..."

Edward và Magee còn đưa ra 4 điểm căn bản sau về Phân tích kỹ thuật:

- Giá trị thị trường của một chứng khoán được xác định duy nhất thông qua tác động qua lại giữa cung và cầu.
- Cung và cầu chịu ảnh hưởng, ở bất kỳ thời điểm nào, bởi hàng trăm những yếu tố, một số là ảnh hưởng hợp lý, một số hầu như phi lý. Thông tin, ý kiến, tâm lý, dự đoán,...(có thể đúng, có thể sai,...) về tương lai kết hợp và trộn lẫn với nhau và với những yếu tố cần thiết khác để tạo thành sự cân bằng chung của toàn thị trường. Không một cá nhân nào có thể nắm lấy và định lượng những điều này mà thị trường sẽ tự thực hiện.
- Bỏ qua những dao động nhỏ thì giá nhìn chung sẽ vận động theo những xu thế giá chung của thị trường, những xu thế này là ổn định trong một khoảng thời gian tương đối dài.
- Những thay đổi trong xu thế thị trường thể hiện qua sự dịch chuyển của điểm cân bằng cung cầu dù là vì bất kỳ nguyên nhân nào đều có thể xác định sớm hơn hoặc muộn hơn thời điểm thị trường biến động.

Cuối cùng ta sẽ xem xét định nghĩa của **Steven B. Achelis**, tác giả của cuốn sách "**Technical Analysis from A to Z**":

"Phân tích kỹ thuật là việc nghiên cứu giá, với công cụ cơ bản là biểu đồ, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư..."

Xét cho cùng định nghĩa về Phân tích kỹ thuật cũng chỉ cần đơn giản như vậy còn cụ thể bản chất, cách thực hiện sẽ được nghiên cứu ở các phần tiếp theo đặc biệt là phần **lý thuyết Dow**.

Phân tích kỹ thuật P.2

Những giả định cơ sở và những bàn luận xung quanh việc áp dụng Phân tích kỹ thuật vào thị trường chứng khoán.

1. Những giả định cơ sở

2. Phân tích kỹ thuật là sự nghiên cứu biến động của thị trường, chủ yếu thông qua việc sử dụng các đồ thị nhằm mục đích dự đoán các xu thế biến động của giá trong tương lai.

Thuật ngữ "*biến động của thị trường*" ám chỉ ba yếu tố biến động chính cung cấp thông tin cho quá trình Phân tích kỹ thuật là giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán (open interest).

Có 3 giả định làm cơ sở cho việc tiếp cận Phân tích kỹ thuật:

Biến động thị trường phản ánh tất cả

Giá dịch chuyển theo xu thế chung

Lịch sử sẽ tự lặp lại

Biến động thị trường phản ánh tất cả.

Đây có thể coi là **nền tảng** của Phân tích kỹ thuật. Mọi lý thuyết, phân tích khác muốn được chấp nhận thì trước tiên phải hiểu và chấp nhận giả định này. Các nhà Phân tích kỹ thuật cho rằng bất cứ yếu tố nào có khả năng ảnh hưởng đến giá

như tâm lý, chính trị hay các yếu tố tài chính của doanh nghiệp, tổ chức. . . đều được phản ánh rõ trong giá thị trường. Do đó có người cho rằng việc nghiên cứu biến động của giá là tất cả những gì ta cần và thực sự không thể phản đối lại ý kiến này.

Trên cơ sở nhận thức chung về việc giá phản ánh những biến động trong cung, cầu. Các nhà Phân tích kỹ thuật chỉ ra rằng khi giá tăng dù vì bất kì lý do gì thì cầu phải vượt cung và thị trường tăng giá. Chúng ta cũng đều biết và đồng ý rằng động lực chính của cung và cầu là những yếu tố kinh tế căn bản, chúng làm hình thành lên Bull Market hay Bear Market, còn đồ thị thì không tự nó làm cho thị trường dịch chuyển lên hay xuống. Đồ thị chỉ có thể phản ánh tình hình thị trường mà thôi.

Giá vận động theo xu thế

Khái niệm về xu thế là khái niệm vô cùng quan trọng trong Phân tích kỹ thuật do đó cần hiểu kĩ về giá định này trước khi muốn tìm hiểu sâu thêm về nó. Mục đích của việc xác lập đồ thị mô tả những biến động giá trên thị trường là nhằm xác định được sớm những xu thế giá, từ đó sẽ tham gia giao dịch trên cơ sở những xu thế này. Trên thực tế những kĩ thuật ở đây đều mang tính lặp lại những xu thế giá có từ trước tức là mục đích của Phân tích kỹ thuật là nhằm xác định sự lặp lại của những dạng biến động của giá đã xuất hiện trong quá khứ để có thể tận dụng kinh nghiệm và đưa ra những quyết định phù hợp.

Từ giả định này chúng ta còn có một hệ quả là “*một xu thế giá đang vận động sẽ tiếp tục theo xu thế của nó và ít khi có đảo chiều*”. Hệ quả này rút ra từ định luật 1 về sự vận động của Newton, do đó nó cách phát biểu khác như sau: “*một xu thế đang vận động sẽ tiếp tục theo xu thế của nó cho đến khi nó đảo chiều*”. Nhìn chung tất cả những nghiên cứu nhằm tiếp cận theo các xu thế đều nhằm để đi theo những xu thế giá hiện tại cho đến khi có dấu hiệu đảo chiều.

Lịch sử sẽ tự lặp lại.

Phần lớn nội dung của Phân tích kỹ thuật và việc nghiên cứu biến động thị trường đều phải nhằm vào nghiên cứu tâm lý con người. Chẳng hạn như những mô hình giá, những mô hình này đã được xác định và chứng minh từ hơn 100 năm nay, chúng giống như những bức tranh về đồ thị biến động giá. Những bức tranh này chỉ ra tâm lý của thị trường đang là lên giá hay xuống giá. Việc áp dụng những mô hình này đã phát huy hiệu quả trong quá khứ và được giả định rằng sẽ vẫn tiếp tục có hiệu quả trong tương lai bởi chúng dựa trên phân tích nghiên cứu tâm lý con người mà tâm lý con người thì thường không thay đổi. Như thế giả định này có thể được phát biểu là : “*Chìa khóa để nắm bắt tương lai nằm trong việc nghiên cứu quá khứ*” hay “*tương lai chỉ là sự lặp lại của quá khứ*”

2. Những bàn luận xung quanh việc áp dụng Phân tích kỹ thuật vào thị trường chứng khoán

Dự đoán trong phân tích cơ bản đối lập với trong Phân tích kỹ thuật

Trong khi Phân tích kỹ thuật tập trung vào việc nghiên cứu biến động thị trường thì Phân tích cơ bản lại tập trung vào các động lực kinh tế của cung và cầu - những nguyên nhân gây ra sự vận động của giá. Phân tích cơ bản tiếp cận theo hướng phân tích các thành tố có liên quan ảnh hưởng đến giá thị trường nhằm xác định giá trị thực của một loại chứng khoán - giá trị được xác định thông qua cung cầu và cuối cùng là để xác định các điểm thị trường bán trên giá trị thực tế (overprice) và các điểm thị trường bán dưới giá trị thực (underprice). Cả hai hướng tiếp cận theo Phân tích cơ bản và Phân tích kỹ thuật đều nhằm xác định xu thế mà giá có thể vận động tuy nhiên cách tiếp cận là khác nhau: những nhà phân tích cơ bản thì nghiên cứu nguyên nhân của những biến động thị trường trong khi những nhà Phân tích kỹ thuật lại nghiên cứu tác động của các biến động ấy.

Một số nhà đầu tư tự coi mình là người theo Phân tích cơ bản hay Phân tích kỹ thuật nhưng thực tế có rất nhiều sự trùng lặp: nhiều nhà Phân tích cơ bản có áp dụng những nguyên lý của Phân tích kỹ thuật trong công việc của mình trong khi hầu hết các nhà Phân tích kỹ thuật lại ít nhiều đều có thời kỳ đi theo Phân tích cơ bản.

Thường thì vào những giai đoạn bắt đầu của một số biến động quan trọng của thị trường những nhà Phân tích cơ bản không giải thích và không ủng hộ những gì mà thị trường chuẩn bị diễn ra. Chính tại những thời điểm nhạy cảm này mà hai trường phái phân tích tỏ ra khác nhau nhất. Hai trường phái này rồi sẽ lại giống nhau ở một số điểm nhưng nếu nhà đầu tư nào muốn dựa vào những điểm đó để làm cơ sở chắc chắn cho các quyết định của mình thì nó sẽ là quá muộn.

Một cách giải thích cho mâu thuẫn này là “giá thị trường có vai trò chỉ dẫn cho những người nghiên cứu Phân tích cơ bản” hoặc có thể nói giá thị trường là chỉ số dẫn đạo cho những nhà phân tích cơ bản. Những người có nghiên cứu về Phân tích kỹ thuật đều có thể nhận thấy những thay đổi về giá có tác động đến thị trường, hay là họ đã theo nhịp của thị trường, còn những người theo phân tích cơ bản lại chịu ảnh hưởng từ những biến động ấy. *Những thời điểm thị trường lên giá mạnh và giảm giá trầm trọng được ghi nhận trong lịch sử thường do sự không nhận thức được hoặc nhận thức được quá ít những thay đổi thị trường và cho đến khi những biến động ấy được nhận thức rộng rãi thì bản thân nó đã chuyển hướng và vận động theo hướng khác rồi.*

Phân tích và chọn thời điểm có đối lập với nhau không?

Quay lại với Phân tích kỹ thuật, quá trình ra quyết định có thể được chia thành 2 giai đoạn là phân tích và chọn thời điểm. Với những thị trường có “tác động đòn bẩy” lớn chẳng hạn như thị trường tương lai (thị trường có các công cụ phái sinh như: hợp đồng tương lai - futures và hợp đồng quyền chọn - Options) thì việc xác định thời điểm tham gia vào có vai trò rất quan trọng bởi hoàn toàn có trường hợp bạn đã phân tích và theo đúng tình hình thị trường nhưng bạn vẫn có thể mất tiền của mình. Cho dù mức tiền đặt cọc đối với thị trường tương lai là nhỏ (chỉ khoảng 10%) thì dù chỉ một lượng rất nhỏ giá vận động sai hướng có thể tác động đẩy nhà đầu tư ra khỏi thị trường và mất toàn bộ mức tiền đặt cọc ấy. Trái lại trong giao dịch trên thị trường chứng khoán, khi một nhà đầu tư nhận thấy mình đang lệch khỏi thị trường đối với một loại cổ phiếu nào đó thì anh ta chỉ việc đơn giản là giữ lại cổ phiếu đó và đợi cho đến khi cổ phiếu đó quay lại xu thế thị trường. Những người đầu tư vào thị trường tương lai sẽ không có đặc quyền ấy. Chiến lược “mua và nắm giữ” không thể áp dụng để đầu tư kiếm lời trên thị trường tương lai.

Khi phân tích ta có thể áp dụng theo cơ bản hay kỹ thuật, nhưng để trả lời câu hỏi về xác định thời điểm tham gia vào hay thoát ra khỏi thị trường thì câu trả lời nằm hoàn toàn trong Phân tích kỹ thuật. Việc xác định thời điểm có ý nghĩa rất quan trọng với quyết định mua hay bán. Do đó khi xem xét các bước tiến hành của nhà đầu tư trước khi đưa ra quyết định cuối cùng ta có thể thấy việc áp dụng các nguyên lý của Phân tích kỹ thuật là không thể bỏ qua tại một số thời điểm của quá trình ra quyết định cho dù ở phần đầu của quá trình này khi tiến hành phân tích nhà đầu tư có thể áp dụng theo phân tích cơ bản.

Tính linh hoạt và tính thích dụng của Phân tích kỹ thuật.

Một trong những thế mạnh lớn của Phân tích kỹ thuật là sự thích dụng của nó trong bất kì phương thức giao dịch nào và vào với bất kì khoản thời gian giao dịch nào. Không có một phần nào trong giao dịch chứng khoán hay các chứng khoán phái sinh mà Phân tích kỹ thuật không thể ứng dụng được.

Một nhà phân tích đồ thị có thể sử dụng đồ thị trong bất kì và bao nhiêu thị trường tùy thích, nhưng điều này là không thể với một người sử dụng Phân tích cơ bản. Điều này là do với mỗi thị trường một người áp dụng Phân tích cơ bản sẽ phải xử lý một khối lượng dữ liệu khổng lồ, nó cũng nói lên tại sao một người Phân tích cơ bản chỉ có thể chuyên vào một hay một nhóm nhỏ chứng khoán nhất định - những ưu thế này của Phân tích kỹ thuật là không thể bỏ qua.

Mỗi thị trường đều phải trải qua những thời kỳ thị trường biến động mạnh và những thời kỳ trầm lắng, những giai đoạn mà giá biến động theo những xu thế rõ ràng và những giai đoạn mà xu thế của giá rất mờ nhạt thậm chí là không có một xu thế cụ thể nào. Khi đó những nhà Phân tích kỹ thuật có thể tập trung sự quan tâm cũng như những nguồn lực của mình vào những thị trường có cụ thể vận động rõ ràng hơn và bỏ qua những thị trường loại kia. Điều này có nghĩa là họ có thể chuyên hướng đầu tư để tận dụng tính luân phiên tự nhiên của các thị trường. Vào những thời điểm khác nhau có những thị trường trôi lên “nóng”, có xu thế rõ ràng. Thông thường, tiếp theo những thời kỳ có xu thế giá cụ thể ấy là những thời kỳ giá biến động khá trầm và hầu như không có xu thế nào rõ rệt, trong khi đó ở một hay một nhóm thị trường khác lại có những dấu

hiệu biến động nóng. Tóm lại, một nhà Phân tích kỹ thuật có thể tìm và tham gia những thị trường mà họ thấy có khả năng kiếm lời nhanh chóng, còn những nhà Phân tích cơ bản thì không có tính linh hoạt ấy do tính chuyên sâu vào một loại thị trường như đã nói ở trên. Mặc dù họ hoàn toàn có quyền chuyển hướng quan tâm của mình vào một thị trường khác, nhưng điều ấy cũng có nghĩa là họ phải đối mặt với việc xử lý một khối lượng lớn các dữ liệu của thị trường mới này và rõ ràng là họ sẽ mất rất nhiều thời gian.

Một lợi thế khác của các chuyên gia Phân tích kỹ thuật là họ có “bức tranh tổng thể về thị trường”. Bởi vì họ theo dõi và nghiên cứu nhiều loại thị trường khác nhau nên họ luôn có được cảm nhận rất tốt về những biến động chung nhất của toàn thị trường, tránh được rơi vào tình trạng có những cái nhìn bó hẹp về thị trường - điều rất dễ xảy ra nếu chỉ chú trọng vào một hay một nhóm nhỏ thị trường nhất định. Đồng thời bởi vì mỗi thị trường đều xây dựng trên cơ sở những mối quan hệ kinh tế và cùng phản ứng lại những nhân tố kinh tế theo cách tương tự nhau cho nên biến động giá ở một hay một nhóm thị trường này có thể là những gợi ý cho việc dự đoán giá ở một hay một số thị trường khác.

Ứng dụng Phân tích kỹ thuật vào các hình thức giao dịch khác nhau.

Các nguyên lý của phân tích kỹ thuật có thể áp dụng trên thị trường chứng khoán cũng như trên thị trường tương lai. Các hợp đồng tài chính, bao gồm cả các hợp đồng về lãi suất và ngoại tệ trở nên vô cùng phổ biến trong những thập kỉ gần đây và đã chứng minh chúng là những đối tượng cần quan tâm mới cho phân tích biểu đồ. Trong giao dịch Options các nguyên lý của Phân tích kỹ thuật đóng vai trò rất lớn, rồi trong các giao dịch mang tính phòng vệ đầu tư (hedging) việc áp dụng Phân tích kỹ thuật cũng mang lại những lợi thế rất lớn.

Phân tích kỹ thuật áp dụng vào những khoảng thời gian có độ dài khác nhau.

Đây là một trong những sức mạnh của Phân tích kỹ thuật. Cho dù nhà đầu tư tham gia vào những giao dịch ngắn chỉ trong một ngày trong đó quan tâm đến từng biến động nhỏ hay đầu tư theo phân tích xu thế giá thì những nguyên lý chung chưa bao giờ tỏ ra vô giá trị. Ý tưởng cho rằng biểu đồ chỉ hữu ích cho phân tích trong ngắn hạn là sai bởi người ta luôn nói đến những khoảng thời gian dài trong dự báo của Phân tích kỹ thuật. Cho dù người ta luôn nói rằng để phân tích trong dài hạn thì nên áp dụng phân tích cơ bản nhưng thực tế cho thấy những dự báo sử dụng Phân tích kỹ thuật trong các biểu đồ tuần, tháng, năm có giá trị không kém chút nào. Một người khi đã nắm vững Phân tích kỹ thuật thì hoàn toàn có thể áp dụng rất đa dạng và linh hoạt trên bất cứ thị trường hay lĩnh vực đầu tư nào. Phân tích kỹ thuật có thể dùng không chỉ để dự báo giá chứng khoán mà có thể áp dụng dự đoán biến động của các loại hàng hóa, các biến động của nền kinh tế, của lạm phát, lãi suất....

Quá khứ có thể được dùng để dự đoán tương lai hay không?

Hầu hết những người phản đối Phân tích kỹ thuật đều đưa ra câu hỏi về vấn đề này. Nhưng hãy thử nhìn lại hầu hết những hình thức dự báo mà chúng ta đã biết đều hoàn toàn dựa trên những nghiên cứu đối với những dữ liệu trong quá khứ chẳng hạn như dự báo thời tiết hay kể cả Phân tích cơ bản. Liệu còn loại dữ liệu nào khác để sử dụng trong phân tích?

Trong thống kê có hai loại là thống kê mô tả và thống kê quy nạp. Thống kê mô tả nhằm đưa ra dữ liệu dưới các dạng biểu đồ khác nhau. Còn thống kê quy nạp lại mang tính tổng quát hoá, dự đoán, ngoại suy, ước lượng tức là những thông tin được suy ra từ việc phân tích dữ liệu. Như vậy các biểu đồ giá mang tính chất và đáng đáp của phân tích mô tả, còn những nhà Phân tích kỹ thuật lại thực hiện công việc xử lý những dữ liệu về giá cần đến thống kê quy nạp.

Trong một cuốn sách về thống kê có viết “ bước đầu tiên của dự đoán hoạt động kinh doanh hay dự đoán một hiện tượng kinh tế trong tương lai là tập hợp các quan sát ghi nhận được trong quá khứ”. *Phân tích đồ thị cũng chỉ là cũng chỉ là một dạng của phân tích chuỗi thời gian, đều dựa trên cơ sở phân tích quá khứ - đó là tất cả những gì ta cần khi phân tích một chuỗi thời gian.* Dạng thông tin duy nhất mà chúng ta có thể sử dụng là những thông tin trong quá khứ. Chúng ta chỉ có thể dự tính tương lai bằng cách áp dụng vào tương lai đó những kinh nghiệm có được trong quá khứ. Bất kì một ai nếu cứ dựa vào đây để phản đối lại Phân tích kỹ thuật thì người đó cũng nên đặt câu hỏi với tính chính xác của mọi dự báo trong phân tích cơ bản bởi chúng cũng đều dựa trên dữ liệu trong quá khứ.

Lý thuyết “Bước đi ngẫu nhiên” - random walk

Lý thuyết “bước đi ngẫu nhiên” cho rằng những biến động của giá là một chuỗi hoàn toàn độc lập và những biến động trong quá khứ của giá hoàn toàn không phải là một chỉ số đáng tin cậy cho việc dự đoán xu thế tương lai. Tóm lại biến động của giá là ngẫu nhiên và hoàn toàn không thể dự đoán được. Lý thuyết này dựa trên cơ sở lý thuyết “Thị trường hiệu quả”, trong đó cho rằng giá thị trường sẽ dao động xung quanh giá trị thực của nó. Thuyết này cũng cho rằng chiến lược đầu tư tốt nhất vào thị trường chỉ đơn giản là mua và nắm giữ, cũng có nghĩa là nó chống lại tất cả những cố gắng muốn “chiến thắng” thị trường. Lẽ dĩ nhiên trong bất kì thị trường nào cũng có những yếu tố ngẫu nhiên hay còn gọi là độ nhiễu, những rõ ràng nếu nói tất cả các biến động của giá đều là ngẫu nhiên thì khó có thể đồng tình. Đây có lẽ là một trong những phần mà những quan sát thực nghiệm, những kinh nghiệm thực hành có giá trị hơn những kĩ thuật thống kê công phu, kinh nghiệm là cái giúp cho mỗi người tự chứng minh cho suy nghĩ của riêng mình. ở đây khái niệm ngẫu nhiên cần được hiểu đơn giản là việc không thể xác định được các hình mẫu kĩ thuật đã có trong hệ thống, tức là những hình mẫu đồ thị giá mà người ta dùng để dự đoán xu thế tương lai của giá là hoàn toàn không thể nhận ra được. Tuy nhiên cho dù kể cả những chuyên gia giảng dạy trong lĩnh vực trong lĩnh vực này cũng đôi khi không thể xác định được sự xuất hiện của các hình mẫu kĩ thuật thì điều này cũng không có nghĩa là những hình mẫu giá đó không tồn tại.

Điều này dẫn ra một câu hỏi là liệu xu thế thị trường có thực sự có ích lợi với những người đang hàng ngày phân tích hay tham gia vào thị trường nơi những xu thế (nếu có) đang hiện diện thực tế. Nhưng nếu nhìn bất cứ một đồ thị nào ta đều có thể thấy một xu thế của giá. Làm sao những người ủng hộ cho thuyết “bước ngẫu nhiên” giải thích cho những xu thế giá này nếu giá là ngẫu nhiên liên tục - nghĩa là những gì xảy ra vào ngày hôm qua, vào tuần trước, ... đều không có ảnh hưởng vào những gì có thể xảy hôm nay và ngày mai? Làm sao họ giải thích được khả năng sinh lời thực tế của rất nhiều những chiến lược kinh doanh theo xu thế thị trường?

Và nhiều câu hỏi khác:

- Làm sao chiến lược mua và nắm giữ cổ phiếu có thể sử dụng trong thị trường giao dịch các hợp đồng tương lai, nơi mà việc xác định thời điểm tham gia và rút lui khỏi thị trường là yếu tố sống còn?
- Liệu những hợp đồng dài hạn có thể được nắm giữ suốt thời kì thị trường đi xuống?
- Làm sao nhà đầu tư có thể biết được sự khác biệt giữa một Bull Market và một Bear Market nếu như giá biến động hoàn toàn không theo qui luật và không theo xu thế nào?
- Thậm chí là có tồn tại Bull Market hay Bear Market hay không nếu không tồn tại các xu thế giá trên thị trường?

Khó có thể xác định liệu mọi kết quả thống kê có thể hoàn toàn chứng minh hay bác bỏ lý thuyết “bước ngẫu nhiên”. Dẫu sao thì ý tưởng thị trường mang tính ngẫu nhiên là hoàn toàn bị bác bỏ trong “cộng đồng Phân tích kỹ thuật”. Trong khi không thể bác bỏ tính hợp lý của việc tiếp cận thị trường theo khuynh hướng kĩ thuật thì bản thân thuyết “Thị trường hiệu quả” lại có nội dung rất gần với giả thuyết cơ bản của Phân tích kỹ thuật là “thị trường phản ánh tất cả”. Những nhà nghiên cứu cho rằng bởi vì thị trường phản ánh quá nhanh (gần như ngay lập tức) tất cả các thông tin nên không có cách nào để tận dụng ưu thế của thông tin trên thị trường. Cơ sở của Phân tích kỹ thuật như đã nói ở trên cho rằng những thông tin quan trọng về thị trường đều đã được phản ánh từ lâu trong các biến động giá trước khi nó được mọi người biết đến. Mọi chuyên gia đều cho rằng cần phải nghiên cứu và theo dõi kĩ biến động của giá chứ không thể dựa vào những thông tin tài chính căn bản để hi vọng kiếm lời.

Nhìn chung việc quan sát đồ thị và nhận thấy sự ngẫu nhiên hay tính nhiễu của thị trường chỉ xảy ra với những người không hiểu sâu sắc qui trình hoạt động của thị trường. *Nó cũng giống như một điện tâm đồ, với một người không được đào tạo thì anh ta sẽ hoàn toàn không biết ý nghĩa của nó là gì, nhưng với một bác sĩ thì lại khác, những đốm sáng tối trên đó chắc chắn sẽ cung cấp được rất nhiều thông tin.* Như thế sự cảm nhận về tính ngẫu nhiên hay tính nhiễu của thị trường sẽ dần mất đi khi trình độ phân tích biểu đồ của một người ngày càng tăng.

Phân tích kĩ thuật P.3

Các khái niệm và công cụ cơ bản sử dụng trong quá trình Phân tích kỹ thuật.

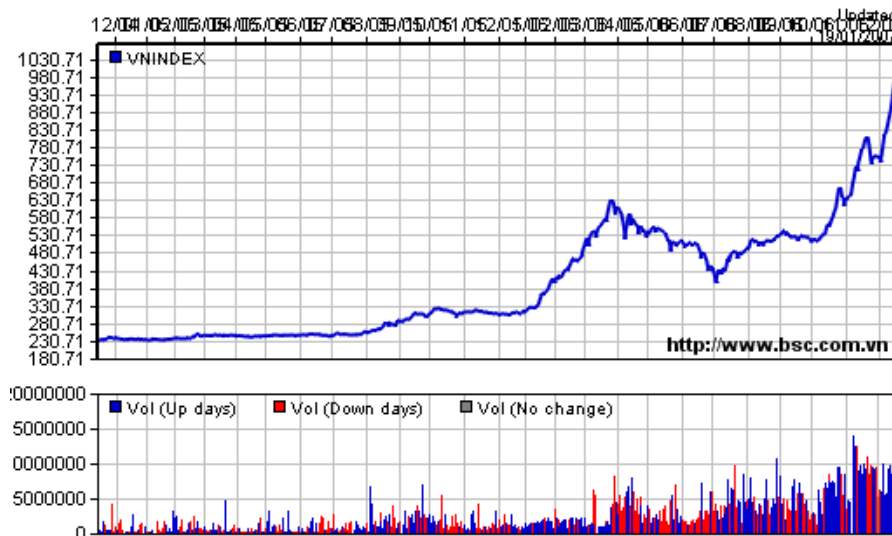
Các loại biểu đồ.

Hiện nay trên Thị trường chứng khoán các chuyên viên phân tích dùng rất nhiều các loại biểu đồ khác nhau để phân tích, trong đó có 3 loại biểu đồ được dùng một cách phổ biến nhất đó là: biểu đồ dạng đường (Line chart), biểu đồ dạng then chắn (Bar chart), biểu đồ dạng ống (Candlestick chart).

Biểu đồ dạng đường (Line chart).

Dạng biểu đồ này từ trước tới nay thường được sử dụng trên Thị trường chứng khoán, và cũng là loại biểu đồ được dùng một cách phổ biến nhất trong các ngành khoa học khác dùng để mô phỏng các hiện tượng kinh tế và xã hội... và nó cũng là loại biểu đồ được con người dùng trong thời gian lâu dài nhất. Nhưng hiện nay trên Thị trường chứng khoán do khoa học kỹ thuật phát triển, diễn biến của Thị trường chứng khoán ngày càng phức tạp cho nên loại biểu đồ này ngày càng ít được sử dụng nhất là trên các Thị trường chứng khoán hiện đại. Hiện nay nó chủ yếu được sử dụng trên các Thị trường chứng khoán mới đi vào hoạt động trong thời gian ngắn, khớp lệnh theo phương pháp khớp lệnh định kỳ theo từng phiên hoặc nhiều lần trong một phiên nhưng mức độ giao dịch chưa thể đạt được như Thị trường chứng khoán dùng phương pháp khớp lệnh liên tục. Ưu điểm của loại biểu đồ này là dễ sử dụng, lý do chính là vì nó được sử dụng trên tất cả các Thị trường chứng khoán trên khắp thế giới từ trước tới nay. Hiện nay loại biểu đồ này ít được sử dụng để phân tích trên các Thị trường chứng khoán hiện đại vì các Thị trường chứng khoán hiện đại ngày nay thường diễn biến khá phức tạp, mức độ dao động trong thời gian ngắn với độ lệch khá cao, nếu dùng loại biểu đồ này để phân tích thì thường mang lại hiệu quả thấp trong phân tích.

Ví dụ về dạng biểu đồ dạng đường (line chart):



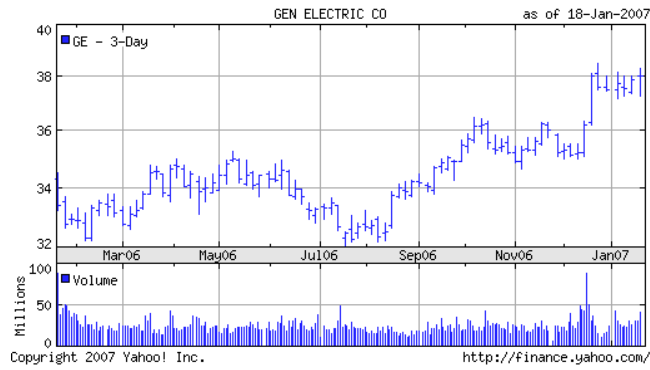
Đồ thị biến động VNIndex

(tính đến ngày 18/01/2007 - bsc.com.vn)

Hiện nay trên các Thị trường chứng khoán hiện đại đang dùng một số loại biểu đồ trong Phân tích kỹ thuật mang lại hiệu quả cao đó là Bar chart và Candlestick chart.

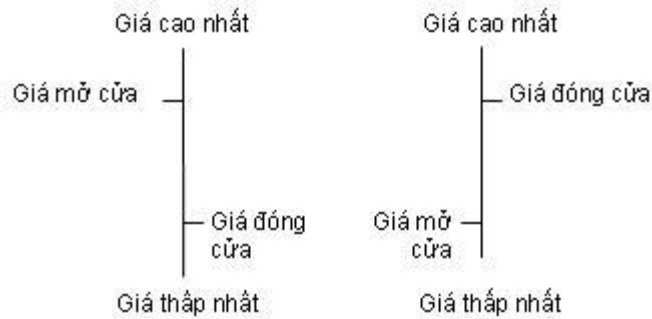
Biểu đồ dạng then chắn (Bar chart)

Ví dụ về dạng biểu đồ dạng then chắn (Bar chart):



Cổ phiếu General Electric

Trên các Thị trường chứng khoán hiện đại trên thế giới hiện nay các chuyên viên phân tích thường dùng loại biểu đồ này trong phân tích là chủ yếu lý do chính vì tính ưu việt của nó đó là sự phản ánh rõ nét sự biến động của giá chứng khoán. Hai kí tự mà dạng biểu đồ này sử dụng đó là:



Loại biểu đồ này thường được áp dụng để phân tích trên các Thị trường chứng khoán hiện đại khớp lệnh theo hình thức khớp lệnh liên tục, độ dao động của giá chứng khoán trong một phiên giao dịch là tương đối lớn.

Biểu đồ dạng ống (Candlestick chart)

Ví dụ về dạng biểu đồ dạng ống (Candlestick chart):

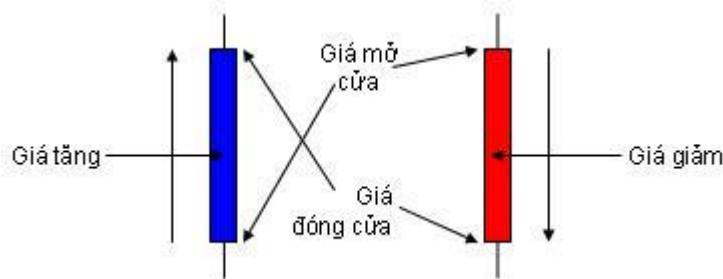


Đồ thị biến động giá của YAHOO, 18/1/2007

(nguồn: <http://www.stockcharts.com>)

Đây là dạng biểu đồ cải tiến của biểu đồ dạng then chắn (Bar chart), nó được người Nhật Bản khám phá và áp dụng trên Thị trường chứng khoán của họ đầu tiên. Giờ đây nó đang dần được phổ biến hầu hết trên các Thị trường chứng khoán hiện đại trên toàn thế giới. Dạng biểu đồ này phản ánh rõ nét nhất về sự biến động của giá chứng khoán trên thị trường chứng khoán khớp lệnh theo hình thức khớp lệnh định kỳ.

Hai ký tự mà loại biểu đồ này sử dụng là:



Phân tích kỹ thuật - P.4

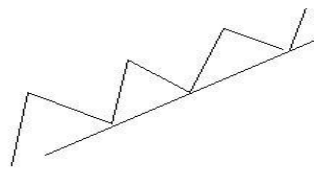
Xu thế, Đường xu thế, Kênh

Xu thế

Khái niệm xu thế sẽ được giới thiệu kỹ hơn trong phần Lý thuyết Dow. Xu thế gồm có cả xu thế giá tăng và xu thế giá giảm. Xu thế giá tăng gồm liên tiếp những đỉnh giá cao dần và đáy giá cao dần (đỉnh trước cao hơn đỉnh sau và đáy trước cao hơn đáy sau). Một xu thế giá tăng sẽ được coi là vẫn duy trì cho đến khi xuất hiện một đáy mới thấp hơn đáy trước nó. Ngược lại xu thế giá giảm cũng sẽ được coi là vẫn đang tiếp diễn cho đến khi xuất hiện một đỉnh mới cao hơn đỉnh trước nó.

Đường xu thế

Xu thế giá tăng và xu thế giá giảm cũng được nghiên cứu dưới dạng các đường xu thế. Với xu thế giá tăng ta có đường xu thế giá tăng, đây là đường nối các điểm đáy cao dần lên và đường xu thế giảm là đường nối các đỉnh thấp dần. Đường xu thế có thể kéo dài thậm chí nhiều năm. Qui trình vẽ một đường xu thế khá đơn giản nhưng cũng rất dễ nhầm. Điều căn bản là phải có những dấu hiệu chắc chắn về sự xuất hiện một xu thế giá. Khi muốn vẽ một xu thế giá tăng ta phải có ít nhất hai điểm đáy mà đáy sau cao hơn đáy trước. Tất nhiên điều kiện cần và đủ để có thể vẽ được một đường thẳng là phải có hai điểm, tuy nhiên người ta thường đợi cho đến khi xuất hiện một đáy thứ ba cao hơn hai đáy trước và đường xu thế đi qua cả 3 đáy (một cách tương đối). Điều này có nghĩa là đường xu thế có thể không đi qua đáy thứ ba mà chỉ đi sát, nhìn chung như thế là đạt yêu cầu. Nhưng một đường xu thế đi qua cả đáy bao giờ cũng được coi là một đường xu thế chính xác và có độ tin cậy cao.

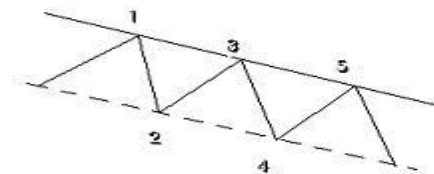


Khi một đường xu thế đã được xác nhận về độ chính xác thì nó sẽ trở nên rất hữu ích bởi tính chính xác ấy đảm bảo chắc chắn hướng chuyển động ổn định của giá. Với xu thế giá tăng, sau mỗi đợt tăng biến động điều chỉnh xuất hiện sẽ kéo giá xuống sát hoặc đến đúng đường xu thế những sẽ không xuống thấp hơn nếu xu thế thị trường vẫn đang ổn định. Đường xu thế lúc này là biên thấp nhất của dao động giá. Tương tự, với thị trường đang có xu thế giá giảm thì đường xu thế sẽ là biên cao nhất cho mọi dao động giá. Như thế, các đường xu thế chính xác của thị trường sẽ là các biên dao động cơ sở để xác định mức giá mua và bán tối đa và tối thiểu hợp lý.

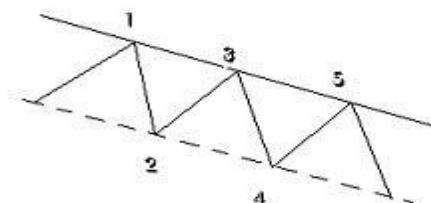
Nếu chuyển động của đồ thị vượt lên đường xu thế giảm hoặc xuống dưới đường xu thế giá tăng thì đây là dấu hiệu, có thể nói là sớm nhất, cho sự thay đổi trong xu thế thị trường.

Kênh

Kênh là khoảng giao động của giá, nếu giá sẽ dao động trong một dải thì dải đó gọi là kênh. Dải dao động đó được xác định bởi hai đường biên là đường xu thế và đường kênh (channel line), hai đường này song song với nhau. Vấn đề là làm sao có thể xác định được hai đường này.



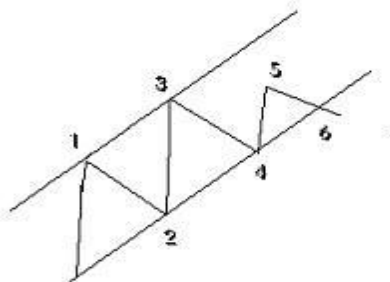
Sau khi đã xác định được đường xu thế như trên, giả sử với xu thế giá tăng, ta vẽ đường kênh là một đường song song với đường xu thế và đi qua đỉnh giá rõ nhất đầu tiên. Nếu ở lần tăng giá tiếp theo giá tăng đến gần hoặc chạm vào đường kênh rồi lại giảm xuống đến gần đường xu thế thì khả năng có thể tồn tại một kênh dao động của giá. Với xu thế giá giảm việc vẽ và xác định kênh là hoàn toàn tương tự, tất nhiên là theo hướng ngược lại.



Mỗi lần giá chạm vào hoặc đến gần đường kênh rồi quay trở lại xuống đến đường xu thế là một lần kênh được kiểm tra thành công. Kênh tồn tại càng lâu với càng nhiều lần thử thành công thì vai trò cũng như độ tin cậy của nó càng lớn. Kênh có thể sử dụng cho kiếm lời trong ngắn hạn và thậm chí một số nhà đầu tư táo bạo còn sử dụng đường kênh để tiến hành những giao dịch ngược hướng với xu thế thị trường nhằm tìm kiếm những khoản lợi lớn hơn cho dù giao dịch ngược hướng thị trường có thể là một chiến thuật nguy hiểm và phải trả giá đắt.

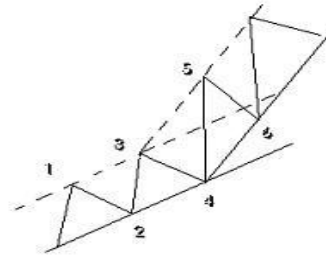
Khi chuyển động của giá trên thị trường phá vỡ đường xu thế thì có thể gây ra sự đảo chiều của xu thế thị trường, nhưng nếu đường kênh bị chuyển động của giá phá vỡ (khi giá vượt ra ngoài đường kênh) thì tác động lại hoàn toàn ngược lại: đây là dấu hiệu cho sự gia tăng sức mạnh của xu thế hiện tại, thậm chí một số nhà đầu tư tin tưởng rằng việc giá chuyển động làm mất đi đường kênh sẽ xác nhận cho một xu thế ổn định trong thời gian dài và là cơ hội cho những nhà đầu tư thực hiện những hợp đồng dài hạn.

Ngược lại, khi giá không lên được đến đường kênh mà quay ngược trở lại quá sớm thì đây lại là dấu hiệu dự báo sớm sự suy giảm của xu thế hiện tại và là dấu hiệu cho thấy có thể chuyển động của giá sẽ phá vỡ đường xu thế.

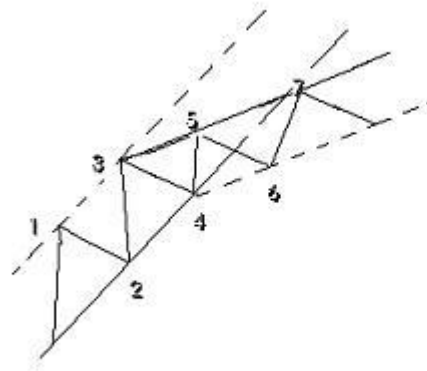


Nói chung việc chuyển động của giá không thể đạt đến sát một trong hai đường biên của kênh có thể là một dấu hiệu sớm cho thấy xu thế giá có thể thay đổi và khả năng chuyển động của giá có khả năng sẽ phá vỡ đường biên còn lại của kênh. Với xu thế giá tăng, có thể có hai trường hợp (trong các hình vẽ ở hai trường hợp này ta giả định ban đầu kênh đang có xu thế hướng lên- xu thế tăng giá, hoàn toàn tương tự nếu muốn xem xét đối với xu thế giá giảm).

Nếu chuyển động của giá vượt qua đường kênh một khoảng lớn thì đây là dấu hiệu cho thấy xu thế lên giá đang mạnh lên, thường ta sẽ phải vẽ một đường xu thế mới dốc hơn từ điểm đáy cuối cùng song song với đường kênh mới. Thực tế cho thấy đường xu thế mới này hoạt động tốt hơn đường cũ.



Nếu giá không đạt được đến đường kênh và chuyển động phá vỡ đường xu thế thì điều này chỉ ra rằng xu thế thị trường đổi chiều thành xu thế giá giảm. Hai đỉnh mới xuất hiện (đỉnh 5 và 7) sẽ là cơ sở để vẽ đường xu thế giá giảm, tương tự ta sẽ vẽ đường kênh song song đường xu thế và đi qua đáy 4. Chú ý là ở đây có sự đổi vai trò đường xu thế ban đầu trở thành đường kênh và ngược lại.



Ngoài ra kênh và các đường kênh còn mang một ý nghĩa khác: Khi giá chuyển động phá vỡ xu thế hiện tại - xuất hiện 'breakout' từ kênh hiện tại, giá thường sẽ chuyển động một khoảng bằng với độ rộng của kênh đó.

Như thế, để xác định điểm dừng của chuyển động này ta có thể tính tương đối chính xác bằng cách đo độ rộng của kênh vừa bị phá vỡ và dự kiến điểm dừng từ điểm giá vượt ra ngoài kênh (Tuy nhiên cần luôn luôn lưu ý rằng trong hai đường biên của kênh thì đường xu thế luôn có vai trò quan trọng và đáng tin cậy hơn, đường kênh chỉ là một công cụ kỹ thuật xuất phát từ đường xu thế).

Phân tích kỹ thuật P.5

Mức hoàn lại - Khung giao dịch - Hỗ trợ và Kháng cự

Mức hoàn lại.

Trong bất kỳ một đồ thị nào ta đều thấy sau một giai đoạn giá chuyển động theo xu thế của thị trường thì giá sẽ hoàn lại một chút trước khi quay trở lại chuyển động theo xu thế cũ. Những chuyển động ngược xu thế này thường có độ lớn ở vào những khoản có thể dự đoán được và được gọi là mức hoàn lại. Mức hoàn lại trung bình thường gấp nhất là 50%. Bên cạnh đó còn có các mức hoàn lại thường thấy khác đó là các mức 1/3 và 2/3. Nói cách khác, nếu chia một xu thế giá thành ba phần thì nói mức hoàn lại thấp nhất là 33% và cao nhất là 66% có nghĩa là ở giai đoạn điều chỉnh của xu thế đó giá sẽ hoàn lại ít nhất 1/3 mức tăng (hay giảm) mà nó đạt được trong xu thế trước đó và mức hoàn lại đó không vượt quá 2/3 mức tăng (hay giảm) trước đó đạt được. Nếu mức hoàn lại cao hơn thì khả năng sẽ xảy ra sự đảo chiều thị trường tức là giá sẽ chuyển động theo xu thế đảo ngược xu thế trước mà không quay lại chuyển động theo xu thế đó.

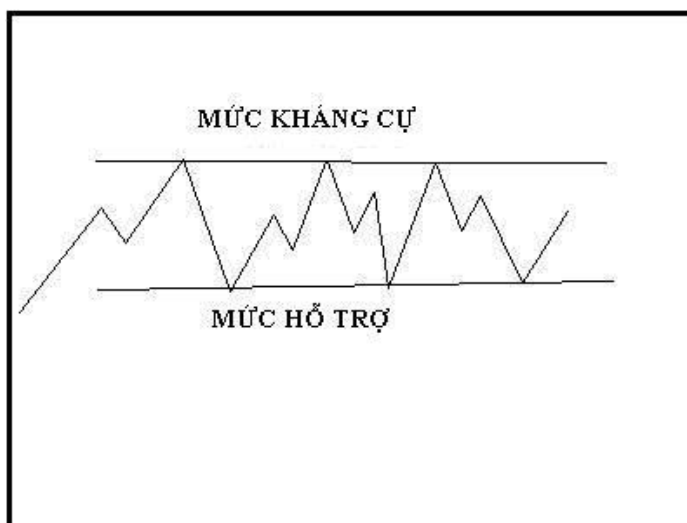
Khung Giao Dịch.

Thị trường có thể ở một trong 3 xu thế là xu thế tăng, xu thế giảm và xu thế dao động ngang. Nhiều người cho rằng thị trường chỉ có thể tăng hoặc giảm, nhưng thực tế có đến 1/3 thời gian giá chuyển động theo một hình mẫu dạng ‘phẳng’ nằm ngang gọi là khung giao dịch. Khung giao dịch là một dải nằm ngang trên đồ thị trong đó bao gồm các dao động của giá trong một giai đoạn dài. Nói chung hầu hết các biến động của thị trường sẽ diễn ra bên trong khung giao dịch. Tuy nhiên khi thị trường có biến động dạng khung giao dịch thì lại rất khó kiếm được lợi nhuận. Khung giao dịch phản ánh thời kỳ mà áp lực cung cầu là tương đối cân bằng và giá duy trì ở mức cân bằng thị trường. Đôi khi người ta còn gọi thời kỳ mà giá biến động theo khung giao dịch là thời kỳ không có xu thế thị trường. Hầu hết các công cụ kinh tế đều được tạo ra để có thể áp dụng vào các thị trường có xu thế tăng hoặc giảm rõ rệt còn khi thị trường ở dạng không có xu thế rõ rệt thì các công cụ này nhìn chung hoạt động kém hiệu quả, thậm chí là không thể áp dụng. Đây cũng chính là thời kỳ gây khó chịu nhất cho những người đi theo Phân tích kỹ thuật và gây ra nhiều lỗ nhất. Trong những tình huống ấy nhà đầu tư luôn phải đối mặt với một trong ba quyết định là mua, bán hay đứng ngoài không tham gia vào thị trường và thông thường thì quyết định không tham gia vào thị trường luôn là quyết định sáng suốt nhất.

Thực tế cũng có một số phương pháp có thể áp dụng để kiếm lời khi thị trường xuất hiện dạng khung giao dịch, chẳng hạn như sử dụng các chỉ số dao động thị trường (Oscillators) mà ta sẽ nghiên cứu ở phần sau. Nhìn chung rất khó có thể dự đoán sự xuất hiện trong tương lai của mô hình khung giao dịch. Mô hình này cũng có thể kéo dài trong nhiều tháng, một năm hay nhiều năm. Cũng giống như kênh, khung giao dịch cũng có các đường biên bên trên và bên dưới, đây chính là các đường kháng cự và hỗ trợ của khung (ta sẽ nghiên cứu về kháng cự và hỗ trợ ở phần sau). Những “sự phá vỡ” (break out) ra ngoài khung có thể là các dấu hiệu quan trọng để tiến hành các giao dịch. Tuy nhiên cũng cần lưu ý bởi giá cũng thường dao động vượt ra ngoài khung nhưng chỉ với một lượng nhỏ, sau đó quay trở lại bên trong khung. Đôi khi nguyên nhân của hiện tượng này là do những lệnh dừng mà nhà đầu tư đã đặt và những lệnh này tác động đến những vùng giá nằm ngoài khung. Khi những lệnh này kết thúc thì giá sẽ trở lại dao động bên trong khung giao dịch nếu không có những lý do liên quan đến những yếu tố tài chính cơ bản hay có sự xuất hiện khối lượng giao dịch lớn duy trì sự vượt ra ấy. Nhìn chung nhà đầu tư không nên đi theo ngay những “breakout” mới xuất hiện mà nên chờ thêm một dao động tiếp theo xác nhận “breakout” này cho dù điều này có thể làm chậm lại một chút nhưng sẽ tránh được rất nhiều dấu hiệu sai và tránh được những khoản lỗ.

Hỗ trợ và kháng cự

Việc nghiên cứu về mức hỗ trợ và kháng cự là một trong những vấn đề khá quan trọng đối với Phân tích kỹ thuật. Nó cho phép người nghiên cứu có thêm những cơ sở mới trong việc chọn các loại cổ phiếu để mua hay bán, trong dự đoán các biến động tiềm năng, trong việc chỉ ra những thời điểm mà thị trường có thể gây ra rắc rối cho nhà đầu tư. Trên thực tế, nhiều nhà đầu tư có kinh nghiệm đã xây dựng cho họ một “hệ thống đầu tư” riêng dựa hầu hết vào những nguyên lý về mức kháng cự và hỗ trợ. Việc nghiên cứu về mức kháng cự và hỗ trợ một cách đầy đủ cần rất nhiều thời gian và cần thêm nhiều yếu tố khác, người viết chỉ xin đưa ra một số khía cạnh cơ bản nhất với mục đích đưa ra cơ sở lý thuyết cơ bản nhất về khái niệm quan trọng này của Phân tích kỹ thuật.



Mức kháng cự và hỗ trợ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nghiên cứu phân tích các hình mẫu kỹ thuật. Những kiến thức cơ bản về mức kháng cự và hỗ trợ sẽ giúp người nghiên cứu dễ dàng hiểu bản chất và các ứng dụng của các hình mẫu đó.

Mức hỗ trợ thường được dùng khá thông dụng. Trên thị trường phố Wall, bạn có thể nghe thấy việc một nhóm nhà đầu tư luôn sẵn sàng hỗ trợ thị trường bằng cách mua tất cả các chứng khoán chào bán nếu giá giảm 5 điểm. Vậy mức hỗ trợ là gì? Ta có thể định nghĩa mức hỗ trợ là việc mua thực tế hay khả năng mua với khối lượng đủ để làm ngưng lại xu thế giảm giá trong một thời kỳ đáng kể (tương đối dài). Mức kháng cự lại ngược lại với mức hỗ trợ: đó là việc bán, trong thực tế hay tiềm năng, một khối lượng đủ để thỏa mãn tất cả các mức chào mua, do đó, làm giá ngừng không tăng nữa trong một khoảng thời gian nhất định. Như thế mức kháng cự và hỗ trợ là gần giống theo thứ tự với khối lượng cầu và khối lượng cung. Mức hỗ trợ là mức giá ở đó mức cầu cho một cổ phiếu là đủ để, ít nhất là, làm dừng xu thế giảm giá của thị trường và cũng có thể đổi chiều xu thế đó, tức là làm xu thế giá đi xuống quay ngược đi lên. Từ đó ta có định nghĩa về mức kháng cự, đó là mức giá mà ở đó lượng cung đủ để giá sẽ ngừng không tăng nữa và có thể chuyển động ngược lại đi xuống. Theo lý thuyết thì mỗi mức giá có một lượng cung và cầu nhất định. Nhưng khoản hỗ trợ thể hiện sự tập trung của cầu còn khoảng kháng cự thể hiện sự tập trung của cung. Như vậy với một hình mẫu giá nhất định, chẳng hạn ta xét với hình mẫu dạng hình chữ nhật (mô hình này phản ánh giai đoạn thị trường gồm rất nhiều những dao động nhỏ của giá theo hướng ngang đồ thị chứ không hướng lên hay hướng xuống rõ rệt, hai đường nối các đỉnh và các đáy của thị trường trong giai đoạn này gần như song song, không cần thiết phải song song 100% nhưng độ lệch phải rất nhỏ, hay có thể nói là một dạng của khung giao dịch), đường nối các đỉnh có thể coi là mức kháng cự, còn đường nối các đáy được coi là mức hỗ trợ.

Nhìn chung trong giai đoạn hai mức này còn phát huy hiệu lực thì giá sẽ không vượt quá mức kháng cự và không xuống dưới mức hỗ trợ. Nhưng với tư cách một nhà đầu tư ta sẽ quan tâm hơn đến việc xác định tại sao và yếu tố nào làm xuất hiện các mức kháng cự và hỗ trợ ở một mức giá nhất định. Các chuyên gia còn tập trung nghiên cứu thời điểm giá lên đạt đến mức kháng cự và khi nào giá xuống đến mức hỗ trợ.

Cơ sở của những dự đoán này cũng là những dữ liệu cơ bản hình thành nên lý thuyết về hỗ trợ và kháng cự, đó là khi giá trị giao dịch có xu hướng bị tập trung tại một số mức giá có khối lượng các cổ phiếu được giao dịch lớn. Điều đáng chú ý là tại bất kỳ mức giá nào xuất hiện mức khối lượng giao dịch lớn thường đều trở thành điểm đảo chiều đối với xu thế hiện tại của thị trường và mọi điểm đảo chiều đều có xu hướng lặp đi lặp lại thường xuyên và hoàn toàn mang tính tự nhiên. Có một thực tế quan trọng mà nhiều khi một số người quan sát và phân tích biểu đồ một cách ngẫu nhiên không nhận ra đó là: những mức giá đó đang dần dần chuyển vai trò từ hỗ trợ thành kháng cự và ngược lại từ kháng cự thành hỗ trợ. Nếu như biến động của giá vượt qua một đỉnh giá đã được hình thành trước đó thì đỉnh này sẽ đóng vai trò là khoảng đáy của xu thế giảm giá (điều chỉnh) sẽ xuất hiện sau xu thế tăng hiện tại và một đáy sau khi đã bị giá vượt xuống dưới sẽ trở thành khoảng đỉnh của xu thế tăng sẽ xuất hiện ngay sau đó.

Quá trình hình thành một xu thế thông thường.

Ta sẽ xem xét các ví dụ:

Giả sử một cổ phiếu đang trong xu thế tăng mạnh và tăng từ mức giá 12 lên đến 24, đồng thời trên thị trường cũng đang có một khối lượng cổ phiếu lớn đang được chào bán. Kết quả của việc này là thị trường có thể phản ứng và hình thành một xu thế điều chỉnh trung gian (tạm thời), làm giá giảm xuống còn 18, hoặc cũng có thể phản ứng của thị trường làm xuất hiện hàng loạt những dao động nhỏ quanh mức, chẳng hạn, từ 24 xuống đến 21 tạo thành một dạng hình mẫu mang tính củng cố xu thế hiện tại. Sau thời gian điều chỉnh hoặc củng cố này sẽ xuất hiện một đợt tăng giá mới và đưa giá lên đến 30, tại đó củng cố lại đây và dư, làm ngưng lại đợt tăng giá này. Lúc đó lại có thể xuất hiện một trong hai dạng mô hình điều chỉnh hay củng cố. Nếu xảy ra điều chỉnh, câu hỏi đặt ra là xu thế giảm tạm thời này sẽ xuất hiện ở mức nào? Câu trả lời là mức giá 24, đây là đỉnh đầu tiên của xu thế tăng giá chính (cấp 1) trên thị trường - mức giá này thấp hơn mức giá hiện tại và tại đó lại xuất hiện tổng giá trị giao dịch rất lớn. Khi đó nó đóng vai trò và hoạt động như một mức kháng cự, tạo ra sự ngưng tăng hay đảo chiều của đợt tăng giá đầu tiên. Sau khi bị vượt qua thì vai trò của nó lại là mức hỗ trợ, làm ngưng hay có thể đảo chiều, dù rất ít xu thế giảm giá đang diễn ra trên thị trường.

Một ví dụ tương tự đưa ra với một cổ phiếu đang trong xu thế giá giảm. Giả sử cổ phiếu đang ở một đỉnh lớn của toàn thị trường ở mức giá 70, giá giảm xuống còn 50. ở tại mức 50 xuất hiện một đỉnh điểm diễn ra các giao dịch nhưng chỉ mang tính tạm thời. Thị trường có tổng khối lượng giao dịch lớn, giá tăng lên, có thể lại trượt xuống một chút như một dạng kiểm tra mức giá 50 có thực sự là một điểm dừng quan trọng của thị trường hay không. Sau đó xuất hiện giai đoạn hồi phục đưa giá lên 60. Tại mức 60 sức mua yếu dần, xu thế giá đảo lại và đi xuống, giá sẽ giảm mạnh hơn ở đợt giảm mới này và làm xuất hiện một mức đáy thấp hơn là 42. Đến đây, lặp lại thời kỳ trước, nhu cầu mua lại tăng lên và lại xuất hiện quá trình hồi phục lần hai. Chúng ta có thể tự tin chờ đợt hồi phục từ mức giá 42 này lên sẽ tăng lên đến mức kháng cự (đã được kiểm tra là “mạnh”) đó là mức giá 50. ở đợt giảm lần đầu mức giá này đóng vai trò mức hỗ trợ, bây giờ nó đóng vai trò mức kháng cự, mức đáy lúc trước trở thành mức đỉnh của thị trường.

Vậy ta đặt ra câu hỏi tại sao có sự chuyển vai trò ở hai ví dụ trên? Ta bắt với ví dụ thứ 2 trước. Giá đầu tiên giảm xuống đến 50 và xuất hiện khối lượng giao dịch tương đối lớn, rồi lại đảo chiều tăng lên 60 nhưng lực tăng yếu dần. Ở mức giá 50, rất nhiều cổ phiếu đã được giao dịch, với mỗi người bán đều có ít nhất một người mua tương ứng. Một số người đã mua nhưng với chủ định nắm giữ trong ngắn hạn và đã bán đi, bây giờ họ không còn quan tâm đến loại cổ phiếu này. Một số khác là những nhà đầu tư ngắn hạn và thậm chí cả một số chuyên gia có thể đã mua ở mức giá 50 bởi đơn giản là họ thấy thị trường đang ở một mức đáy tạm thời và mua với mong muốn kiếm lãi khi giá tăng lên theo dự kiến của họ, hoàn toàn có thể giả sử họ đã thực hiện được mục đích của mình và đã thoát ra khỏi thị trường trước khi giá tụt xuống dưới mức 50. Với đa số những nhà đầu tư còn lại, quyết định mua của họ là do họ thấy mức giá 50 là mức giá thấp đủ thỏa mãn họ bởi chỉ vài tháng trước giá cổ phiếu được bán trên mức 70, rõ ràng 50 là một mức giá hời, đồng thời họ cũng cho rằng giá sẽ lại lên và lên nữa trong thời gian dài.

Nhưng hãy đặt mình vào vị trí của những người vừa mua cổ phiếu đó. Họ nhìn thấy giá tăng hàng ngày, lên 55 rồi lên 58 rồi đến 60, những nhận định của họ lúc trước có vẻ đúng và họ vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu. Rồi xu thế tăng này yếu đi, giá lại giảm xuống còn 57, 55 rồi 52 rồi lại về 50. Họ có lo lắng một chút những rồi lại vẫn cho rằng 50 là mức rất rẻ, vẫn hời, đặc biệt khi thị trường dừng lại ở mức giá 50 trong một thời gian ngắn.

Rồi giá lại giảm tiếp phá vỡ mức giá 50. Lúc đầu có thể họ vẫn hi vọng đây chỉ là mức giảm tạm thời, là một chút biến động của giá và thị trường sẽ hồi phục nhanh chóng. Thế nhưng hi vọng ấy mất đi khi xu thế giảm giá vẫn tiếp tục và không hề tỏ ra là sẽ có điều chỉnh. Những nhà đầu tư bắt đầu tỏ ra lo lắng, có điều gì đó không ổn đã xảy ra. Cho đến khi giá giảm còn 45, mức giá hời lúc trước không còn là một quả cam ngọt nữa mà là một quả chanh.

Với ví dụ thứ nhất về xu thế tăng giá của thị trường. Khi giá tăng từ 12 đến 24 các nhà đầu tư đều cho rằng 24 là mức giá tương đối cao so với 12 (mức giá mà họ đã mua vào) do đó họ bán, khi mà sau đó giá giảm xuống một chút đến 20, họ đều tự chúc mừng cho sự sáng suốt của mình. Nhưng rồi xu thế giá lại đảo chiều, giá tăng vọt lên 30, họ sẽ không còn cảm thấy như vậy nữa. Họ ước gì mình vẫn nắm giữ cổ phiếu đó và có thể muốn mua lại cổ phiếu này, tất nhiên là không mua cao hơn 24, rõ ràng nếu giá giảm xuống còn 24 sẽ có rất nhiều nhà đầu tư lại mua vào với hi vọng kiếm lời nhiều hơn.

Những ví dụ trên đây phản ánh một cách chung nhất tâm lý của những nhà đầu tư trên thị trường và tác động của họ tới việc hình thành cũng như sự chuyển vai trò của mức kháng cự và hỗ trợ. Qua đó ta cũng nhận thấy rằng tại một mức giá kháng cự hay hỗ trợ, nếu giá dao động quanh nó càng lâu thì vai trò và sức mạnh của nó càng lớn và một xu thế giá phải thực sự mạnh mới có thể phá vỡ hay vượt qua được nó. Một mức kháng cự hay hỗ trợ được duy trì càng lâu thì những biến động có khả năng vượt qua nó càng có ý nghĩa và có thể được coi là những dấu hiệu cho những biến động lớn của thị trường.

Thêm một nhận xét nữa là khối lượng giao dịch cũng có ý nghĩa rất quan trọng trong xác định các mức kháng cự và hỗ trợ. Nếu mức kháng cự hay hỗ trợ hình thành mà không có dấu hiệu gì về sự thay đổi trong khối lượng giao dịch thì mức độ tin cậy cũng như độ bền vững của chúng là không cao. Trái lại nếu một mức hỗ trợ chẳng hạn được hình thành với khối lượng giao dịch rất lớn, điều này có nghĩa là tại đó nhu cầu giao dịch là rất lớn, rõ ràng mức độ phản ánh cũng như ý nghĩa của nó là cao và quan trọng hơn nhiều.

Phân tích kỹ thuật P.6

Các hình mẫu kỹ thuật (Chart Patterns)

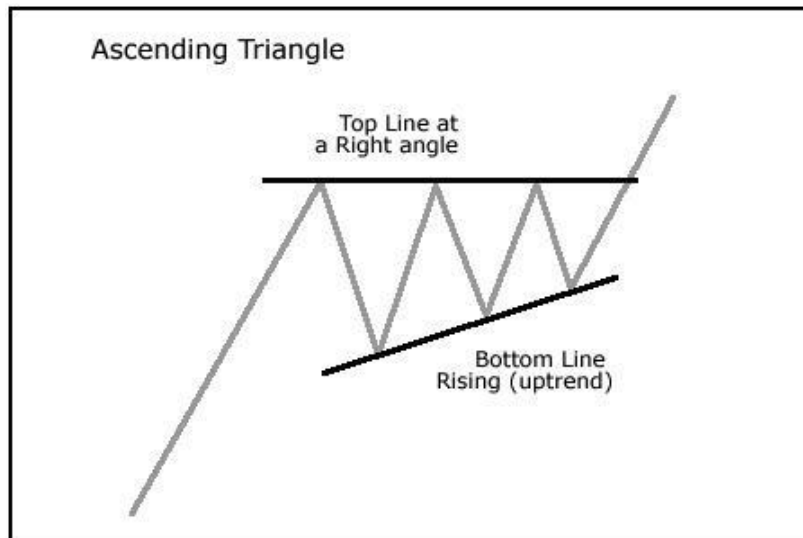
Hình mẫu kỹ thuật hay còn gọi là các mô hình giá hoặc hình mẫu giá là các “bức tranh” hay các mô hình biến động nhất định của giá xuất hiện trên biểu đồ giá thị trường. Trong Phân tích kỹ thuật, các hình mẫu kỹ thuật có vai trò vô cùng quan trọng bởi mục tiêu sau cùng của các nhà phân tích là tìm ra được sự lặp lại của một dạng biến động nhất định của giá đã xuất hiện trong quá khứ ở hiện tại và tận dụng những kinh nghiệm có được trong quá khứ về mô hình này cũng như những kết quả đã thống kê được để có một phương án tốt nhất cho quyết định đầu tư trong hiện tại.

Hình mẫu kỹ thuật dù được áp dụng khá rộng rãi với nhiều đối tượng chứ không chỉ riêng chứng khoán chẳng hạn như áp dụng trong các giao dịch ngoại hối, trong phân tích các thị trường Futures của các hàng hoá thông thường... và còn áp dụng trong cả dài hạn lẫn ngắn hạn, tuy nhiên ta có thể phân chia một cách tổng thể nhất thành hai loại là mô hình mang tính cung cố hay duy trì xu thế hiện tại của thị trường và mô hình làm đảo chiều xu thế hiện.

Dưới đây ta cũng chỉ nghiên cứu được những mô hình chủ yếu và quan trọng nhất trong phân tích kỹ thuật còn rất nhiều dạng khác đều là biến thể của các dạng cơ bản này.

Ascending triangle - Tam giác hướng lên

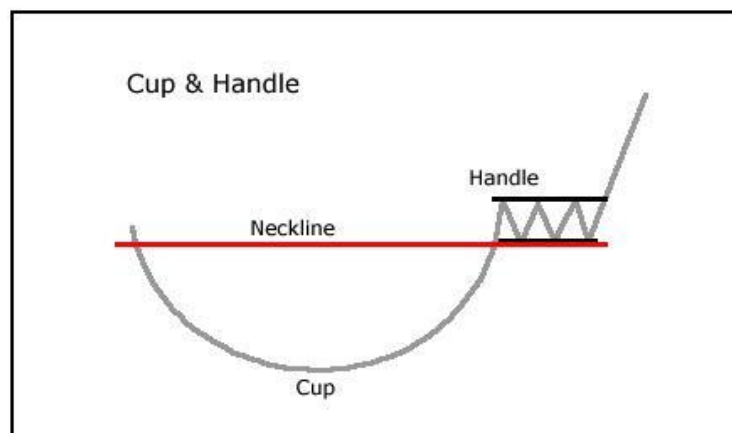
Mô hình tam giác hướng lên nhìn chung được coi là một dạng mô hình trung gian mang tính cung cố hay báo hiệu sự tiếp tục xu thế hiện tại của thị trường. Tuy nhiên đôi khi nó cũng mang tính đảo ngược. Thường thì mô hình này cần ít hơn ba tháng để hoàn thiện và khi xuất hiện thường kèm theo sự gia tăng của khối lượng giao dịch. Với mô hình này ta có thể nhận thấy sự hội tụ của hai đường kháng cự và hỗ trợ thể hiện bằng sự thu hẹp khoảng cách giữa các đỉnh và các đáy của thị trường, kéo dài hai đường kháng cự và hỗ trợ chúng sẽ cắt nhau ở đỉnh tam giác ở phía phải đồ thị. Đường kháng cự nằm ngang và đường hỗ trợ hướng lên cho thấy các mức giá cao có xu thế giữ nguyên còn các mức giá thấp nhất lại có xu thế tăng dần lên, điều này cũng có nghĩa là người mua có động cơ mạnh hơn người bán.



“Breakout” (break-out có nghĩa là điểm xuất hiện sự đảo chiều của xu thế thị trường, ở đây sẽ dùng nguyên văn tiếng Anh) sẽ xuất hiện ở khoảng giữa điểm 2/3 và 3/4 chiều ngang của mô hình (tính từ điểm bắt đầu mô hình đến điểm cắt nhau của hai đường kháng cự và hỗ trợ). “Breakout” phá vỡ đường kháng cự sẽ chứng tỏ mô hình mang tính củng cố còn nếu phá vỡ đường hỗ trợ sẽ chỉ ra rằng mô hình mang tính đảo chiều. Có một cách để ước lượng mức giá mục tiêu thấp nhất mà sự đột phá ra ngoài mô hình này có thể đạt tới là xác định mức giá của điểm giao nhau dự kiến của hai đường kháng cự và hỗ trợ kéo dài. Tiếp đó ta đo chiều cao của mô hình tam giác tức là khoảng cách (đo theo chiều thẳng đứng) giữa điểm cao nhất của đường kháng cự và điểm thấp nhất của đường hỗ trợ, rồi cộng khoảng này vào mức giá của giao điểm vừa đo ở trên nếu là “breakout” hướng lên và sẽ lấy mức giá của giao điểm trừ đi khoảng này nếu là “breakout” hướng xuống.

Cup and Handle (mô hình cốc và chuỗi):

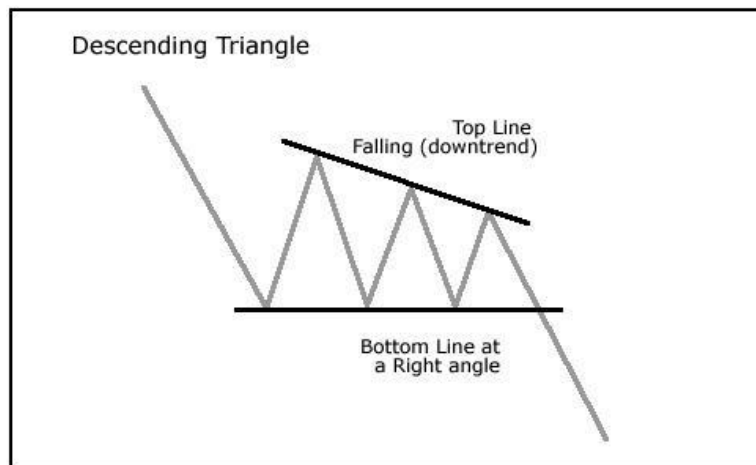
Mô hình cốc và chuỗi xuất hiện khi thị trường đang trong xu thế lên giá và nó củng cố xu thế đó của thị trường. Mô hình này gồm hai phần: phần “cốc” và phần cái “chuỗi”, mô hình “cốc” kéo dài trong 1 đến 6 tháng còn mô hình chuỗi kéo dài trong 1 đến 4 tuần. Phần cốc hình thành sau một đợt tăng giá của thị trường và có dạng đáy vòng xuống. Khi mô hình “cốc” hoàn thành một mô hình khung giao dịch sẽ tiếp tục hình thành ở phía bên phải và tạo nên cái “chuỗi” (như hình vẽ).



Thường thì tính củng cố của mô hình sẽ được đảm bảo hơn nếu xu thế tăng giá ban đầu kéo dài trong vài tháng tức là đảm bảo nó không quá yếu. Cũng cần lưu ý với dạng của mô hình cốc: đáy của nó càng vòng càng tốt và nếu như nó quá nhọn và gần giống với chữ V thì rất dễ chuyển tính chất thành mô hình đảo chiều. Một mô hình cốc hoàn hảo sẽ có hai thành cốc cao ngang nhau, độ sâu của nó hoàn lại khoảng 1/3 hoặc ít hơn mức tăng giá trước đó, tất nhiên điều này ít khi xảy ra. Với thị trường có độ bất ổn lớn (volatile) thì mức hoàn lại có thể trong khoảng 1/3 đến 1/2, thậm chí có thể đạt đến 2/3.

Mô hình “chuôi” làm cho đợt gia tăng giá ở bên phải “cốc” ngừng lại và biến động nhỏ trong một khung giao dịch và có thể kéo lùi giá lại một chút so với thành “cốc”. Toàn bộ chiều cao của khung thường đạt mức 1/3 chiều cao “cốc”. "Breakout" xuất hiện sẽ phá vỡ mức kháng cự và tiếp tục xu thế tăng giá của thị trường.

Descending Triangles - tam giác hướng xuống

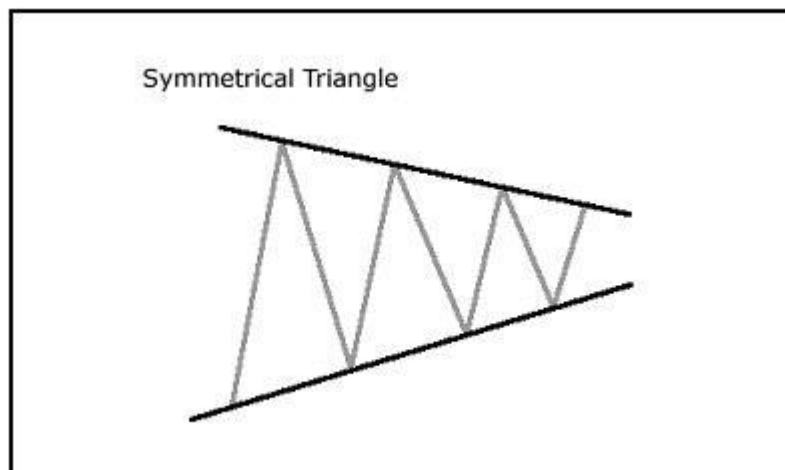


Mô hình tam giác thường xuất hiện trong thị trường xuống giá và cũng mang tính củng cố (hay duy trì) xu thế hiện tại. Thời gian tồn tại của mô hình này là khoảng 1 đến 3 tháng. Hai đường kháng cự và hỗ trợ có xu hướng hội tụ, đường kháng cự hướng xuống còn đường hỗ trợ nằm ngang.

Về điểm xuất hiện "breakout", điểm giá mục tiêu sau "breakout" cũng như mối quan hệ giữa điểm hội tụ hai đường kháng cự, hỗ trợ và độ dài của mô hình ta có thể xem ở phần mô hình tam giác hướng lên.

Mô hình này phản ánh tâm lý người mua cho rằng cổ phiếu đang vượt quá giá trị thực của nó và mức giá hợp lý phải thấp hơn do đó mà đường kháng cự đi xuống trong khi đường hỗ trợ nằm ngang. Rõ ràng nếu xuất hiện "breakout" thì giá sẽ tiếp tục giảm. Điểm khác biệt với mô hình tam giác hướng lên là ở chỗ khối lượng giao dịch sẽ ít dần đi và càng ít khi tiến gần đến điểm hội tụ.

Symmetrical triangle - hình mẫu kỹ thuật tam giác cân

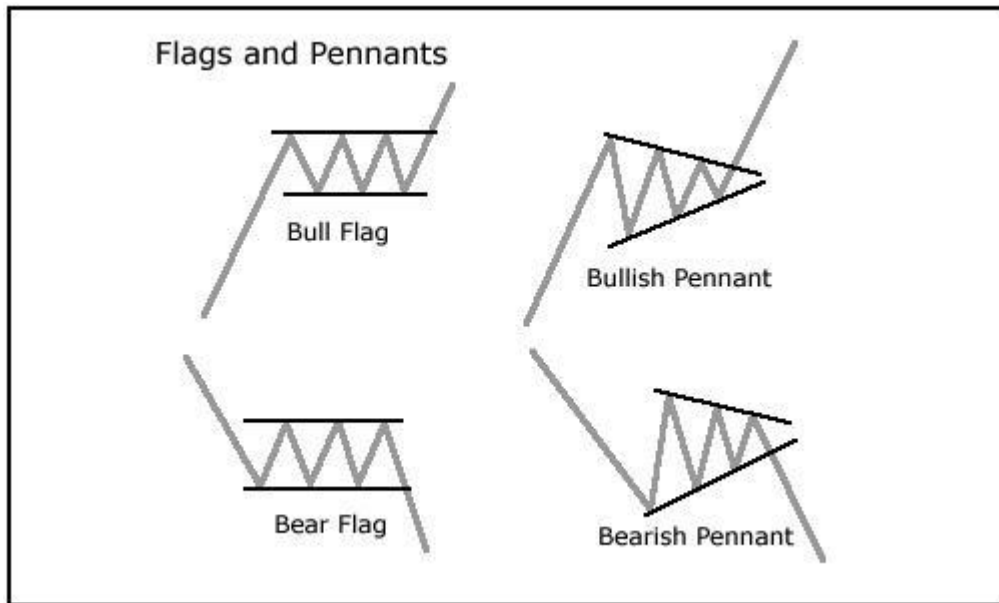


Nói chung một hình mẫu tam giác được xem xét như là một hình mẫu dạng tiếp tục xu thế của thị trường hoặc là một hình mẫu củng cố của xu thế. Tuy nhiên, đôi khi nó đánh dấu một sự đảo ngược của khuynh hướng. Nói chung hình mẫu kỹ thuật “tam giác cân” được xem xét như là những mẫu trung gian chuyển tiếp của xu thế biến động giá chứng khoán. Thông

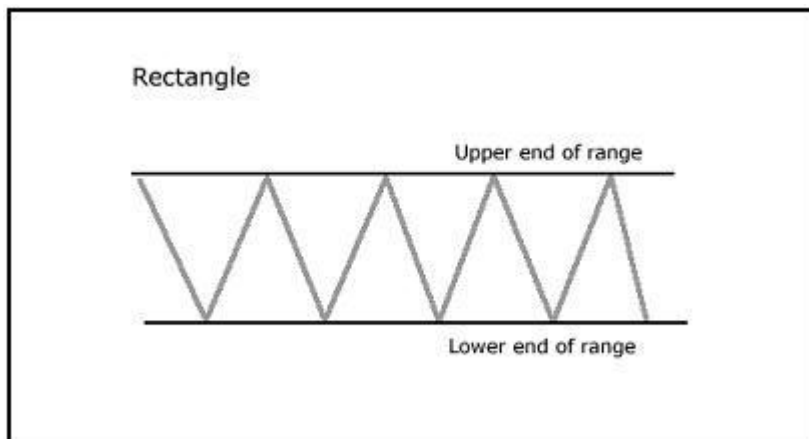
thường nó cần khoảng một tháng để hình thành, ít khi nó cần đến ba tháng để hình thành. Sự hội tụ của hai đường kháng cự và hỗ trợ đã mang lại cho chúng ta hình dáng của hình mẫu kỹ thuật “tam giác cân”. Trên thị trường chứng khoán dạng hình mẫu kỹ thuật này khá dễ dàng để nhận biết nó, ngoài ra hình mẫu kỹ thuật này cũng được các chuyên viên Phân tích dùng như một công cụ đáng tin cậy để giao dịch, nhưng các chuyên viên cũng cảnh báo rằng tín hiệu đáng tin cậy để giao dịch đó là sự xuyên chéo một trong hai đường trendline bởi đường biểu diễn sự biến động giá chứng khoán một cách rõ ràng.

Flags and Pennants - Mô hình cờ chữ nhật và cờ đuôi nheo

Hình mẫu kỹ thuật Flags & Pennants là những mô hình continuation - tiếp tục xu thế của thị trường trong ngắn hạn, nó đánh dấu một bước củng cố để tiếp tục lấy lại xu thế của thị trường. Thông thường trước khi xảy ra những hình mẫu kỹ thuật này thì được xác nhận bằng sự tăng hoặc giảm giá mạnh kết hợp với khối lượng giao dịch lớn, nó đánh dấu điểm chính giữa của xu thế biến động giá (thực chất nó là những hình mẫu kỹ thuật mang tính chất củng cố của xu hướng biến động giá chứng khoán). Để được xem xét là một hình mẫu kỹ thuật mang tính continuation - tiếp tục xu thế của thị trường - nó cần được xác nhận bằng một khuynh hướng diễn ra trước đó.



Rectangle - hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật

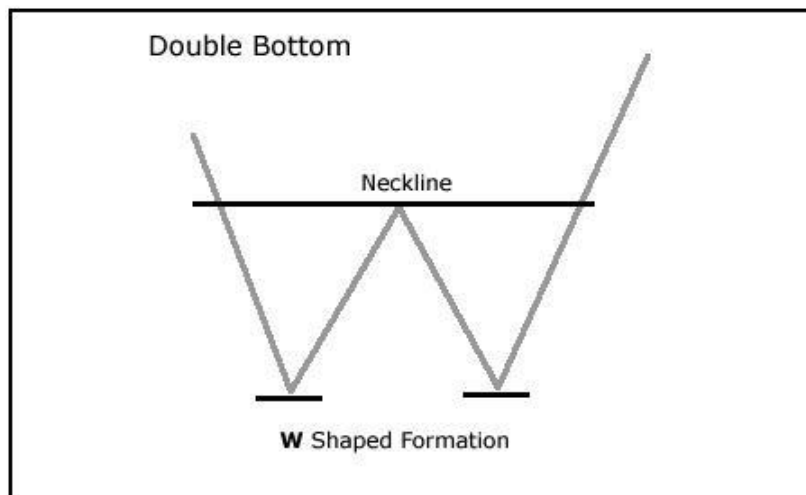


Hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật – Rectangle – là một dạng mô hình tiếp tục xu thế của thị trường, nó trông giống như trong một *kênh giao dịch* cho đến cuối của xu thế biến động giá chứng khoán. Hình mẫu kỹ thuật này có thể được nhận biết một cách rõ ràng thông qua hai đường nối các đỉnh và các đáy trong xu thế biến động giá chứng khoán. Đường nối các đỉnh và các đáy của xu thế biến động giá chứng khoán tạo thành đỉnh và đáy của hình chữ nhật. Những hình chữ nhật đôi khi được xem như những khung giao dịch, những khu vực củng cố hoặc bẻ tắc trong sự biến động của giá chứng khoán. Có nhiều sự tương đồng giữa mô hình “hình chữ nhật” – Rectangle và mô hình “tam giác cân” - Symmetrical triangle, trong khi cả hai đều là những hình mẫu kỹ thuật tiếp tục khuynh hướng của thị trường, chúng đều mang lại những thông tin khá quan trọng đó là dự báo những đỉnh và đáy của xu thế. Không như với hình mẫu kỹ thuật tam giác cân, hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật chỉ hoàn thiện cho tới khi "breakout" xuất hiện. thỉnh thoảng những tín hiệu sớm có thể được nhận biết, nhưng thường thì dấu hiệu "breakout" khó có thể xác định trước một cách sớm và chính xác. Rectangle có thể diễn ra trong một vài tuần hoặc trong vài tháng, thông thường thì hình mẫu này diễn ra trong khoảng ba tuần, trong trường hợp lý tưởng Rectangle có thể diễn ra trong khoảng ba tháng, nói chung những dấu hiệu "breakout" do những Rectangle diễn ra trong thời gian dài thường tin cậy hơn những dấu hiệu "breakout" được mang lại bởi những Rectangle diễn ra trong khoảng thời gian ngắn hơn.

Phân tích kỹ thuật P.7

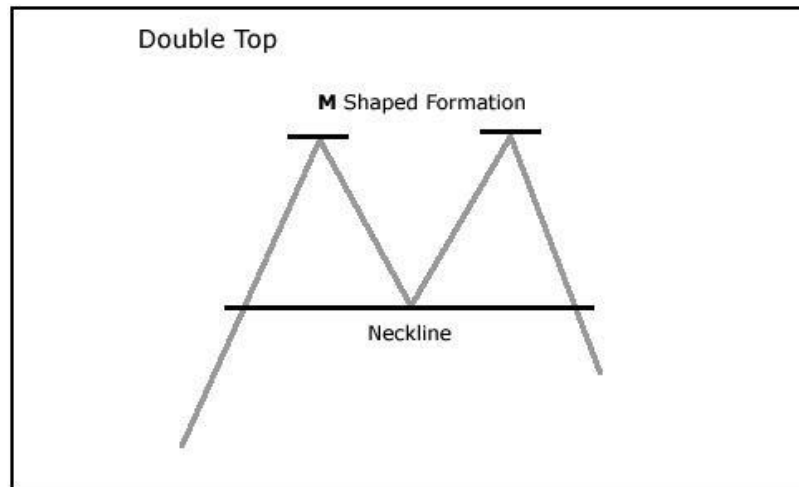
Double bottom (Mô hình hai đáy)

Mô hình hai đáy hình thành khi giá tạo thành hai điểm đáy liên tiếp trên cùng một đồ thị. Mô hình này chỉ hoàn thiện khi giá tăng vượt qua điểm bắt đầu hình thành đáy thứ hai (tức là vượt qua đường Neckline sau khi đã chạm đến đáy thứ hai). Mô hình hai đáy là thời kỳ chuyển đổi xu thế giảm giá thành xu thế tăng giá, nó mang tính đảo chiều. Có điều là mô hình này tương đối dễ nhận ra nên cũng rất dễ nhầm do đó nhà đầu tư nên cẩn thận khi quyết định tham gia trong thời kỳ này. Thực tế thống kê cho thấy nếu nhà đầu tư nóng vội tham gia ngay từ đầu thì xác suất thất bại là 64% còn nếu họ cố gắng đợi đến khi xuất hiện "breakout" (đảo chiều) thật sự thì xác suất thất bại chỉ còn 3%.



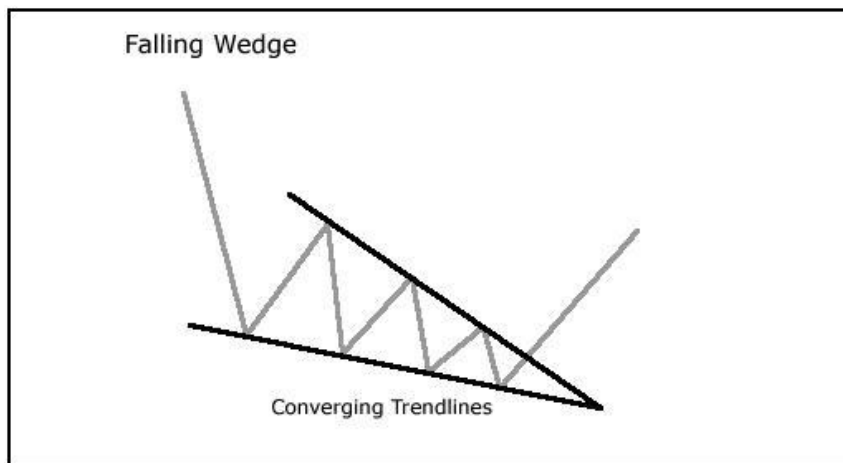
Để có thể nhận diện chính xác mô hình, nhà đầu tư nên chú ý đến một số vấn đề: đáy thứ hai không nên xuống vượt quá đáy thứ nhất; khoảng thời gian giữa hai đáy cũng là một dấu hiệu quan trọng-thời gian càng dài thì độ chính xác càng cao-ít nhất phải là một tháng và có thể kéo dài nhiều tháng.

Double top (Mô hình hai đỉnh)



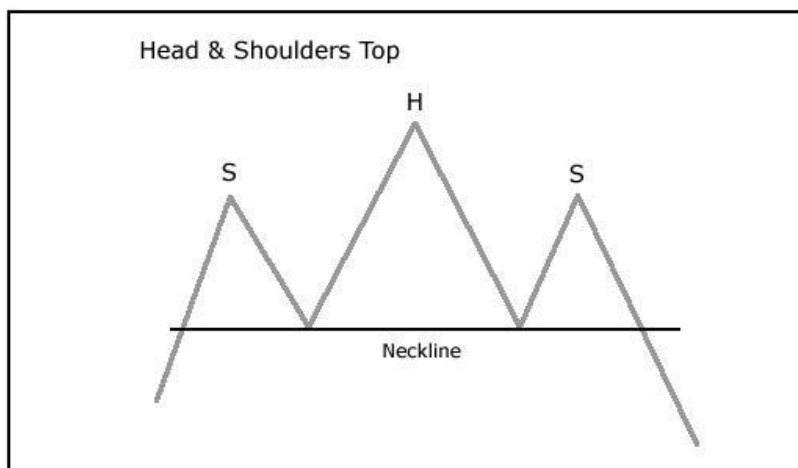
Mô hình hai đỉnh hình thành khi đường biểu diễn sự biến động của giá chứng khoán hình thành hai đỉnh trên biểu đồ. Mô hình này chỉ hoàn thiện khi giá chứng khoán rơi xuống dưới mức sàn đáy (điểm dưới cùng của đáy) của toàn mô hình. Mô hình hai đỉnh là mô hình thể hiện sự đảo ngược của xu hướng tăng giá chứng khoán – nó đánh dấu quá trình chuẩn bị cho xu hướng đi xuống của xu hướng tăng giá trong hiện tại (nó báo hiệu cho một thị trường giảm giá). Vì đây là mô hình rất hay thường gặp và rất dễ nhận ra nên khi nhận định về thị trường chúng ta nên xem xét một cách cẩn thận. Bolkowski ước tính mức thất bại của mô hình này là 65% nếu nhà đầu tư đợi đến mức đột biến giá (Breakout) mới tiến hành giao dịch thì mức rủi ro giảm xuống còn 17%.

Falling wedge (Mô hình cái nêm hướng xuống):



Mô hình Falling wedge là một hình mẫu kỹ thuật dạng bullish (chỉ báo thị trường tăng giá), mô hình bắt đầu thì biên khoảng cách giữa hai đường xu thế rộng sau đó độ rộng giảm dần khi giá chứng khoán giảm. Sự biến động của giá hình thành một hình chóp nón hướng xuống dưới do các đỉnh và đáy dần hội tụ. Hình mẫu kỹ thuật Falling wedge trượt hướng xuống phía dưới và có dấu hiệu bullish (chỉ báo thị trường tăng giá), tuy nhiên dấu hiệu bullish (chỉ báo thị trường tăng giá) này sẽ không thể được nhận ra cho đến khi có "breakout" (đảo chiều xu thế) khỏi đường kháng cự. Khi mô hình mang tính continuation (tiếp tục xu thế của thị trường), thì Falling wedge vẫn sẽ hướng xuống dưới và xu hướng này ngược với xu thế của thị trường hiện tại. Khi nó mang tính reversal (đảo ngược với xu thế của thị trường), thì Falling wedge hướng trượt xuống dưới cùng với xu thế của thị trường. Nhưng cho dù Falling wedge thuộc loại nào thì nó vẫn là hình mẫu kỹ thuật báo hiệu sự tăng giá!

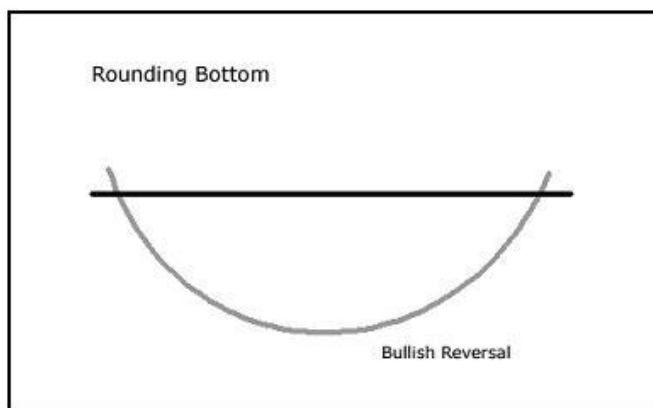
Head and shoulders top (hình mẫu kỹ thuật đỉnh đầu vai)



Đỉnh đầu vai là một hình mẫu kỹ thuật hết sức phổ biến đối với những nhà đầu tư vì nó là một hình mẫu kỹ thuật đáng tin cậy nhất trong tất cả những hình mẫu kỹ thuật được trình bày trong đề tài nghiên cứu này, đồng thời nó cũng thường được nhận ra một cách dễ dàng. Những nhà phân tích kỹ thuật ít kinh nghiệm thường mắc lỗi đối với hình mẫu kỹ thuật này vì họ nhận thấy nó xuất hiện khá phổ biến trên biểu đồ. Những nhà phân tích kỹ thuật chuyên nghiệp thường nhận biết hình mẫu kỹ thuật này thông qua những biến cố thực sự. Đỉnh đầu vai là loại hình mẫu kỹ thuật đảo ngược xu thế của thị trường. Nó là dấu hiệu quan trọng đánh dấu sự đảo chiều của xu thế biến động giá chứng khoán từ xu thế tăng giá chuyển thành xu thế giảm giá.

Hình mẫu kỹ thuật đỉnh đầu vai thực ra là sự mô phỏng theo hình dáng đầu và hai vai của con người, hình mẫu gồm ba đỉnh cao nhọn được tạo bởi ba điểm khôi phục - tăng giá trở lại sau khi giá giảm trong sự biến động của giá chứng khoán. Đỉnh đầu tiên - vai trái - xuất hiện khi giá chứng khoán tăng đạt tới đỉnh của nó và sau đó giảm xuống. Đỉnh thứ hai - cái đầu - xảy ra khi giá chứng khoán tăng lên đến một đỉnh cao mới cao hơn đỉnh của vai trái rồi sau đó lại giảm xuống. Đỉnh thứ ba - vai phải - xuất hiện khi giá chứng khoán tăng một lần nữa nhưng không cao bằng đỉnh thứ hai, rồi lại giảm xuống sau khi đã đạt được đỉnh của nó. Đỉnh của hai "vai" chắc chắn sẽ thấp hơn đỉnh của "đầu". Trong mô hình phân tích cổ điển thì hai đỉnh của hai vai phải cân bằng với nhau nhưng điều quan trọng nhất quyết định của mô hình này đó chính là đường nối hai đáy của hai vai gọi là đường "vòng cổ" - neckline - mô hình sẽ bị phá vỡ khi đường vòng cổ bị xuyên chéo bởi giá chứng khoán và giá chứng khoán tiếp tục giảm xuống dưới đường "vòng cổ" - neckline - các chuyên viên Phân tích kỹ thuật cho rằng mô hình không được khẳng định là đúng cho tới khi giá chứng khoán giảm xuống dưới đường "vòng cổ" - neckline.

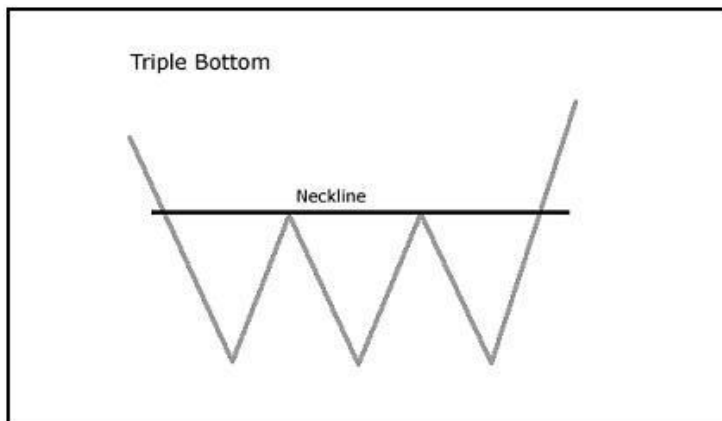
Rounding bottom (hình mẫu kỹ thuật đáy vòng cung)



Rounding bottom là một hình mẫu kỹ thuật đảo ngược xu hướng biến động thị trường - reversal - dài hạn, nó thường được dùng để phân tích với biểu đồ hàng tuần. Nó đại diện cho một thời kỳ củng cố dài hạn trong xu thế biến động của giá chứng khoán, nó là mô hình chuyển tiếp từ một khuynh hướng giảm giá liên tục - Bearish - sang một khuynh hướng tăng giá mạnh - bullish. Sự xác nhận của khuynh hướng tăng giá mới - bullish - khi khuynh hướng biến động giá chứng khoán

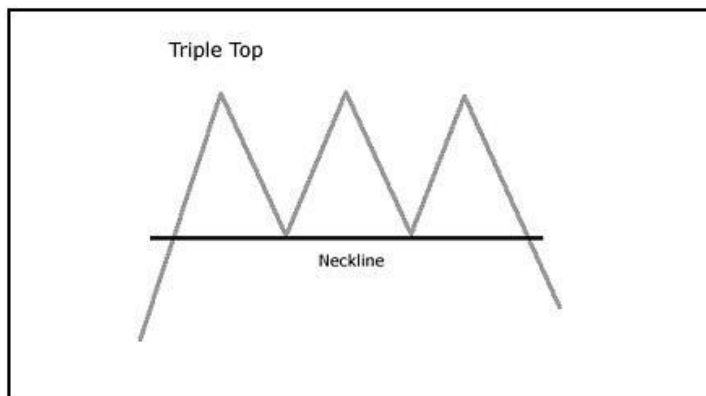
vượt qua đường miệng của vòng cung, nó đánh dấu một khuynh hướng mới trong quá trình biến động của giá chứng khoán, như một mức hỗ trợ của sự đột biến giá chứng khoán, đường này cũng được coi là mức kháng cự của xu thế mới. Tuy nhiên, Rounding bottom đại diện cho sự đảo chiều của sự biến động giá chứng khoán trong dài hạn và mức hỗ trợ mới cũng trở thành không mấy quan trọng nữa.

Triple bottom (hình mẫu kỹ thuật ba đáy)



Mô hình ba đáy được hình thành bởi ba đáy phụ riêng biệt với mức xấp xỉ bằng nhau. Mô hình ba đáy được xem như là mô hình cải tiến của mô hình đỉnh đầu vai ngược, mô hình ba đáy là hình mẫu dạng đảo ngược xu thế biến động của thị trường. Thứ duy nhất để phân biệt giữa mô hình ba đáy và mô hình đỉnh đầu vai ngược đó chính là đỉnh - “đầu” – nằm giữa hai “vai”. Mô hình ba đáy biểu diễn xu thế giảm sút trong quá trình nó trở thành một xu thế tăng giá. như vậy nó chỉ còn hợp lệ khi nó vẫn trong quá trình giảm sút so với hai đỉnh ở giữa hay là nó chưa đi xuyên chéo qua đường vòng cổ – neckline – vượt qua mức kháng cự của mô hình. Bởi vì hình mẫu kỹ thuật này rất dễ nhầm lẫn với nhiều hình mẫu kỹ thuật khác cho nên cách chuyên viên phân tích khuyên rằng để ứng dụng mô hình này một cách có hiệu quả cao nhất trong quá trình đầu tư, chúng ta nên chờ đợi một dấu hiệu "breakout" một cách rõ ràng thông qua sự xuyên chéo của đường biểu diễn giá chứng khoán với đường kháng cự của mô hình – neckline – trước khi nhận định đây có phải thực sự là hình mẫu kỹ thuật dạng “ba đáy” hay không

Triple top (hình mẫu kỹ thuật ba đỉnh)



Mô hình ba đỉnh được xem là mô hình cải tiến của mô hình đỉnh đầu vai. Tương tự như mô hình “ba đáy” thứ duy nhất để phân biệt một cách rõ ràng giữa mô hình này với mô hình đỉnh đầu vai đó chính là đỉnh “đầu” nằm giữa hai “vai”, trong mô hình “ba đỉnh” thì ba đỉnh xấp xỉ cao bằng nhau, nhưng trong mô hình “đỉnh đầu vai” thì hoàn toàn khác, đỉnh đầu cao hơn hẳn so với hai vai hai bên. Như hình minh họa ở bên dưới thì mô hình “ba đỉnh” được hình thành từ ba đỉnh sắc nhọn, cả ba đỉnh có độ cao gần bằng nhau. Một đỉnh trong bộ ba xuất hiện khi giá chứng khoán đang ở trong giai đoạn tăng giá, sự tăng giá lên tới mức kháng cự của mô hình sau đó giá chứng khoán giảm xuống mức hỗ trợ của mô hình, sau đó xuất hiện sự tăng giá trở lại nhưng chỉ đạt đến mức kháng cự ngang bằng với mức kháng cự của mô hình và lại giảm xuống, sự tăng giá trở lại mức kháng cự thứ ba trước khi giá chứng khoán bị giảm một cách nhanh chóng xuống dưới mức hỗ trợ của mô

hình. Hình mẫu kỹ thuật ba đỉnh là một hình mẫu dạng đảo chiều của thị trường nó đánh dấu một thời kỳ chuyển tiếp giữa một xu thế tăng giá và một xu thế giảm giá. Điều kiện đầu tiên của mô hình đó là phải được bắt đầu bằng một xu thế tăng giá. Các chuyên viên phân tích khuyên rằng nhà đầu tư nên đợi sự xuất hiện của sự xuyên chéo giữa đường biểu diễn giá chứng khoán với đường hỗ trợ của mô hình – neckline – một cách rõ ràng. nếu giá chứng khoán không giảm mạnh sau sự xuất hiện đỉnh thứ ba thì đó không phải là mô hình “ba đỉnh”. Đôi khi trong thực tế mô hình “ba đỉnh” không thực sự xảy ra một cách hoàn hảo ví dụ như ít khi ba đỉnh có độ cao xấp xỉ bằng nhau, mà sự bằng nhau chỉ mang tính chất có sự sai lệch có thể chấp nhận được.

Lý thuyết Dow - nền tảng của phân tích kỹ thuật

Lý thuyết Dow là cơ sở đầu tiên cho mọi nghiên cứu kỹ thuật trên thị trường. Mặc dù nó thường bị coi là trẻ so với thị trường và bị những người chống đối dựa vào đó để chỉ trích nhưng nó vẫn được đông đảo những người có quan tâm đến và tôn trọng. Rất nhiều người, dù ít hay nhiều có sử dụng lý thuyết này cho việc đề ra cho riêng mình một quan điểm đầu tư đều không nhận ra một điều là bản chất của Lý thuyết Dow là hoàn toàn mang “tính kỹ thuật”.

Cơ sở để xây dựng cũng như đối tượng nghiên cứu của lý thuyết chính là những biến động của bản thân thị trường (thể hiện trong chỉ số trung bình của thị trường) và không hề dựa trên cùng cơ sở của Phân tích cơ bản là các thống kê hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong những ghi chép của người đầu tiên đề ra lý thuyết này, ông Charles. H. Dow, có rất nhiều điều chứng tỏ rằng tác giả không hề nghĩ lý thuyết của mình sẽ trở thành một công cụ dùng cho dự báo thị trường chứng khoán hay thậm chí nó đã trở thành một hướng dẫn chung cho các nhà đầu tư. Những ghi chép ấy chỉ nói lên rằng ông muốn lý thuyết của mình thành một thước đo biến động chung của thị trường. Dow thành lập công ty “Dịch vụ thông tin tài chính Dow-Jones” và được mọi người biết đến với việc tìm ra chỉ số bình quân thị trường chứng khoán. Những nguyên lý căn bản của học thuyết (ngày nay được đặt theo tên ông) đã được ông phác thảo ra trong một bài nghiên cứu mà ông viết cho “Tạp Chí Phố Wall”. Sau khi Dow chết, năm 1902, người kế tục ông làm biên tập cho tờ nhật báo, William. P. Hamilton, đã tiếp tục việc nghiên cứu lý thuyết này, sau 27 năm nghiên cứu và viết các bài báo, ông đã tổ chức và cấu trúc lại thành Lý thuyết Dow như ngày nay. Tìm hiểu về lý thuyết của Dow, trước tiên ta phải nghiên cứu đến chỉ số trung bình của thị trường. Nhìn chung giá chứng khoán của tất cả các công ty đều cùng lên và xuống, tuy nhiên một số cổ phiếu lại chuyển động theo hướng ngược lại xu thế chung của các cổ phiếu khác cho dù là chỉ trong vài ngày hoặc vài tuần. Thực tế cho thấy khi thị trường lên giá thì giá của một số chứng khoán tăng nhanh hơn những chứng khoán khác, còn khi thị trường xuống giá thì một số chứng khoán giảm giá nhanh chóng trong khi có một số khác lại tăng lên, nhưng thực tế vẫn chứng minh rằng hầu như tất cả các chứng khoán đều dao động theo cùng một xu thế chung.

Cùng với những cố gắng nghiên cứu của mình, Charles Dow là người đã đưa ra khái niệm về “chỉ số giá bình quân” nhằm phản ánh xu thế chung của một số cổ phiếu đại diện cho thị trường. Hai loại chỉ số bình quân Dow-Jones được hình thành vào năm 1897 và vẫn còn cho đến ngày nay được Dow tìm ra và áp dụng trong các nghiên cứu của ông về xu thế chung của thị trường. Một trong hai loại chỉ số ấy là chỉ số của 20 công ty hỏa xa, loại còn lại gọi là chỉ số công nghiệp thuộc các ngành khác bao gồm 12 công ty mạnh nhất vào thời kỳ đó. Con số này tăng lên 20 công ty vào năm 1916 và đến 1928 là 30 công ty.

Khi nghiên cứu lý thuyết Dow có 12 nguyên lý quan trọng sau:

1. Chỉ số bình quân thị trường phản ánh tất cả (trừ hành động của Chúa).

Bởi vì nó phản ánh những hoạt động có liên kết với nhau của hàng nghìn nhà đầu tư, gồm cả những người có kinh nghiệm dự đoán thị trường giỏi nhất, có những thông tin tốt nhất về xu hướng và các sự kiện, những gì có thể nhận thấy trước và tất cả những gì có thể ảnh hưởng đến cung và cầu của các loại chứng khoán. Thậm chí cả những thiên tai hay thảm họa không dự tính được thì ngay khi xảy ra chúng đã được thị trường phản ánh ngay vào giá của các loại chứng khoán.

2. Ba xu thế của thị trường

Thuật ngữ thị trường nhằm chỉ giá chứng khoán nói chung, dao động của thị trường tạo thành các xu thế giá, trong đó quan trọng nhất là các xu thế cấp 1 (xu thế chính hay xu thế cơ bản). Đây là những biến động tăng hoặc giảm với qui mô lớn, thường kéo dài trong một hoặc nhiều năm và gây ra sự tăng hay giảm đến 20% giá của các cổ phiếu. Chuyển động theo xu thế cấp 1 sẽ bị ngắt quãng bởi các bởi sự xen vào của các dao động cấp 2 theo hướng đối nghịch - gọi là những phản ứng hay điều chỉnh của thị trường. Những biến động này xuất hiện khi xu hướng cấp 1 tạm thời vượt quá mức độ hiện tại của bản thân nó (gọi chung các biến động này là các biến động trung gian - biến động cấp 2). Những biến động cấp 2 bao gồm những biến động giá nhỏ hay gọi là những biến động hàng ngày và không có ý nghĩa quan trọng trong Lý thuyết Dow.

3. Xu thế cấp 1

Như đã nói đến ở phần trước, xu thế cấp 1 là những chuyển động lớn của giá, bao hàm cả thị trường, thường kéo dài hơn 1 năm và có thể là trong vài năm. Nếu như mỗi đợt tăng giá liên tiếp đều đạt đến mức cao hơn mức trước đó và mỗi điều chỉnh cấp 2 đều dừng lại ở mức đáy cao hơn mức đáy của lần điều chỉnh trước thì xu thế cấp 1 lúc này là tăng giá - thị trường lúc này là thị trường con bò tốt - Bull Market (để đảm bảo tính chính xác, trong phần còn lại của của đề án sẽ dự nguyên thuật ngữ tiếng Anh : Bull Market). Còn ngược lại nếu mỗi biến động giảm đều làm cho giá xuống những mức thấp hơn còn mỗi điều chỉnh đều không đủ mạnh để làm cho giá tăng lên đến mức đỉnh của những đợt tăng giá trước đó thì xu thế cấp 1 của thị trường lúc này là giảm giá, thị trường được gọi là thị trường con gấu-Bear Market (trong phần còn lại sẽ giữ nguyên từ tiếng Anh). Thông thường, về lý thuyết thì xu thế cấp 1 chỉ là một trong 3 loại xu thế mà một nhà đầu tư dài hạn quan tâm. Mục đích của nhà đầu tư đó là mua chứng khoán càng sớm càng tốt trong một thị trường lên giá, sớm đến mức anh ta có thể chắc chắn rằng mới có duy nhất mình anh ta bắt đầu mua và sau đó nắm giữ đến khi và chỉ khi Bull Market đã thực sự kết thúc và bắt đầu Bear Market. Nhà đầu tư hiểu rằng họ có thể bỏ qua một cách an toàn tất cả những sự xen vào của các điều chỉnh cấp 2 và các dao động nhỏ vì họ đầu tư dài hạn theo xu thế chính của thị trường. Tuy nhiên với một kinh doanh chứng khoán ngắn hạn thì những biến động của xu thế cấp 2 lại có vai trò quan trọng bởi họ kiếm lợi nhuận dựa trên những biến động ngắn hạn của thị trường.

4. Xu thế cấp 2

Xu thế cấp 2 là những điều chỉnh có tác động làm gián đoạn quá trình vận động của giá theo xu thế cấp 1. Chúng là những đợt suy giảm tạm thời (trung gian) hay còn gọi là những điều chỉnh xuất hiện ở các Bull Market; hoặc những đợt tăng giá hay còn gọi là hồi phục xuất hiện ở các Bear Market. Thường thì những biến động trung gian này kéo dài từ 3 tuần đến nhiều tháng. Chúng sẽ kéo ngược lại khoản 1/3 đến 2/3 mức tăng (hay giảm tùy loại thị trường) của giá theo xu thế cấp 1.

Do đó, chẳng hạn trong Bull Market, nếu chỉ số giá bình quân công nghiệp tăng liên tục ổn định hoặc có gián đoạn rất nhỏ và mức tăng đạt đến 30 điểm, khi đó xuất hiện xu thế điều chỉnh cấp 2, thì người ta có thể trông đợi xu thế điều chỉnh này có thể làm giảm từ 10 đến 20 điểm cho đến khi thị trường lập lại xu thế tăng cấp 1 ban đầu của nó.

Dấu sao cũng cần lưu ý là qui tắc giảm 1/3 đến 2/3 không phải là một luật lệ không thể phá vỡ mà nó đơn giản chỉ là một nhận xét về khả năng có thể xảy ra mà hầu hết các biến động cấp 2 đều bị giới hạn trong mức này. Rất nhiều trong số đó ngừng tác động ở điểm gần với mức 50% mà rất hiếm khi đạt đến mức 1/3.

Như vậy có 2 tiêu chí để nhận định một xu thế cấp 2: Tất cả những chuyển động của giá ngược hướng với xu thế cấp 1 kéo dài ít nhất 3 tuần và kéo hoàn lại ít nhất 1/3 mức biến động thức của xu thế cấp 1 (tính từ điểm kết thúc biến động cấp 2 trước đó đến biến động cấp 2 này, bỏ qua những dao động nhỏ) thì được coi là thuộc loại trung gian hay còn gọi là biến động cấp 2. Mặc dù đã có những tiêu chí để xác định một xu thế cấp 2 nhưng vẫn có những khó khăn trong việc xác định thời điểm hình thành và thời gian tồn tại của xu thế.

5. Xu thế nhỏ (Minor)



Đây là những dao động trong thời gian ngắn (dài tối đa 3 tuần, hường chỉ dưới 6 ngày) mà theo như thuyết Dow đã nói đến, bản thân chúng không thực sự có ý nghĩa nhưng chúng góp phần tạo nên các xu thế trung gian. Thông thường thì một biến động trung gian dù là một xu thế cấp 2 hay là một phần của xu thế cấp 1 xen giữa hai xu thế cấp 2 liên tiếp, đều được tạo thành từ một dãy gồm 3 hoặc nhiều hơn những dao động nhỏ khác nhau. Xu thế nhỏ là dạng duy nhất trong 3 loại xu thế có thể bị “lôi kéo” (bị tác động). Để tác động vào xu thế cấp 1 và 2 thì cần những giao dịch với khối lượng rất lớn và điều này hầu như là không thể.

Để làm rõ khái niệm về 3 xu thế của thị trường, ta có thể so sánh với biến động của sóng biển với một số điểm giống nhau như sau: Xu thế cấp 1 trong giá chứng khoán giống như những đợt thủy triều lên hoặc xuống. Có thể so sánh thị trường lên giá (Bull Market) với thủy triều lên. Thủy triều dâng nước lên bờ biển ngày càng xa vào sâu trong bờ và đến đỉnh của thủy triều thì lại quay ngược trở về biển. Khi thủy triều rút lại được so sánh với thị trường xuống giá (Bear Market). Và cho dù trong lúc thủy triều lên hay xuống thì luôn có những con sóng đập vào bờ rồi lại lùi lại về biển. Khi thủy triều lên mỗi con sóng liên tiếp nhau vào bờ, sóng sau vào sâu hơn sóng trước lại góp phần làm thủy triều vào xa hơn trong bờ, nhưng khi thủy triều xuống mỗi con sóng không mang nước ra xa bờ mà nước giảm xuống là do sóng sau vào đến bờ ở mức thấp hơn (tụt lại hơn) so với đỉnh của sóng trước, mỗi con sóng do đó sẽ trả lại dần dần bờ biển như trước khi thủy triều lên. Những con sóng này là các xu thế trung gian, có thể cấp 1 hoặc cấp 2 tùy thuộc hướng chuyển động của nó so với hướng của thủy triều vào thời điểm xảy ra xu thế đó.

Mặt biển cũng luôn luôn biến động với những gợn sóng nhấp nhô chuyển động cùng chiều, ngược chiều hoặc chuyển động ngang so với hướng của những con sóng lớn - những gợn sóng này biểu hiện cho các xu thế nhỏ (những dao động hàng ngày có vai trò không quan trọng như đã nói ở phần trên). Những đợt thủy triều, những con sóng và những gợn sóng nhỏ chính là những hình ảnh so sánh giống nhất đối với những biến giá của một thị trường. Trong những phần sau ta sẽ còn xem xét đến một lý thuyết khác về thị trường gọi là Lý thuyết Sóng Elliott, trong đó mọi biến động của thị trường đều gắn trực tiếp với các con sóng.

6. Bull Market (thị trường con bò tốt - thị trường tăng giá)

Một xu thế tăng giá cơ bản thường bao gồm 3 thời kì. Thời kì đầu tiên là quá trình “tích tụ”, trong quá trình này, những nhà đầu tư có tầm nhìn xa sẽ tiến hành xem xét các doanh nghiệp, có thể vào thời kì này doanh nghiệp đang suy thoái nhưng nhà đầu tư nhận thấy khả năng doanh nghiệp có thể chuyển biến tình hình thành tăng trưởng nhanh chóng, có thể giá cổ phiếu của nó sẽ tăng trong thời gian tới. Đây cũng là thời điểm mà cổ phiếu này đang được chào bán rất nhiều bởi những nhà đầu tư đang có tâm lý rất chán nản và lo lắng về tình trạng của những cổ phiếu của họ và để nhằm tăng dần giá chào bán của họ khi thị trường xuất hiện sự suy giảm trong khối lượng giao dịch. Các bản báo cáo tài chính của doanh nghiệp đó có thể không tốt thậm chí rất tồi. Công chúng hoàn toàn cảm thấy thất vọng khi tham gia vào thị trường chứng khoán bởi họ thấy lượng tiền đã đầu tư của họ đang giảm giá trị nhanh chóng và có nguy cơ còn giảm nữa, vì vậy mà họ muốn thoát ra khỏi thị trường. Tuy nhiên có thể nhận thấy một điều vào cuối giai đoạn thứ nhất này là trong hoạt động của công ty và trong những biến động trên thị trường đã có những biến chuyển tuy mới chỉ ở mức hạn chế, bắt đầu xuất hiện những đợt tăng giá nhỏ.

Thời kỳ thứ 2 là thời kỳ của sự tăng trưởng khá vững chắc. Hoạt động của doanh nghiệp đang theo dõi gia tăng mạnh cùng với những khởi sắc trong nội bộ doanh nghiệp và doanh thu của nó cũng tăng dần và bắt đầu thu hút các mối quan tâm trên thị trường. Đây chính là thời kì mang lại nhiều lợi nhuận cho các nhà kinh doanh chứng khoán theo trường phái Phân tích kỹ thuật.

Cuối cùng là thời kì thứ 3, trong thời kì này thị trường sôi sục với những biến động của nó. Công chúng rất háo hức với từng biến động của thị trường. Tất cả các thông tin tài chính của doanh nghiệp đưa ra đều rất tốt, giá chứng khoán tăng cao ngoài sức tưởng tượng và đang là những vấn đề nóng hổi được đưa lên trang đầu của các tờ báo ra hàng ngày. Đến thời điểm sau khoảng hai năm tính từ lúc thị trường bắt đầu đi lên, những người ít kinh nghiệm có thể mới cho rằng thị trường lúc này mới chắc chắn cho lợi nhuận của họ và muốn tham gia vào thị trường. Nhưng thực sự thì sau hai năm, giá đã tăng khá cao, câu hỏi nên đặt ra vào lúc này là “nên bán cổ phiếu nào?” chứ không còn là “nên mua cổ phiếu nào?” nữa. Vào cuối thời kì thứ 3, người ta có thể thấy nạn đầu cơ tràn lan, khối lượng giao dịch vẫn tiếp tục tăng nhưng “air-pocket-stock”

xuất hiện ngày càng nhiều, số lượng cổ phiếu có giá thấp nhưng không có giá trị đầu tư cũng gia tăng và cả những đợt phát hành trái phiếu cũng ít dần đi.

Air-pocket-stock là những cổ phiếu đột ngột giảm giá mạnh một cách bất thường - có thể là do nhà đầu tư bán ồ ạt do một tin đồn xấu. Lý do dùng khái niệm này là vì nó được so sánh với việc máy bay đột ngột mất độ cao, ngoài khả năng kiểm soát khi gặp air-pocket là những dòng khí hướng xuống, tác động làm mất chiều cao máy bay.

Tiếp tục sáu nguyên lý còn lại trong Lý thuyết Dow:

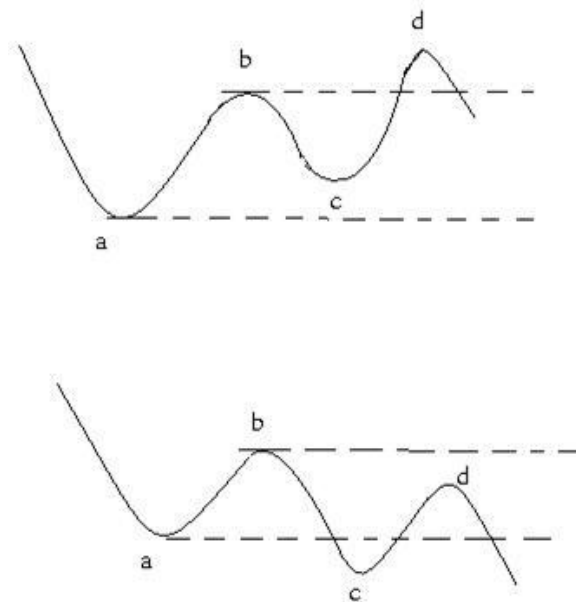
7. Bear Market (Thị trường con gấu - thị trường giảm giá)

Xu thế giảm giá của thị trường cũng được chia thành ba thời kỳ. Thời kỳ đầu tiên là thời kỳ “**phân bổ**” (thời kỳ này thực sự bắt đầu ở giai đoạn cuối của Bull Market trước đó). Trong thời kỳ này những nhà đầu tư có tầm nhìn xa đều nhận thấy rằng doanh thu (và các chỉ số kinh doanh nói chung) của những công ty mà họ đang nắm giữ cổ phiếu đều đang đạt mức cao không bình thường và họ muốn nhanh chóng thoát khỏi vị thế sở hữu cổ phiếu của những công ty này. Khối lượng giao dịch vẫn rất cao mặc dù đã có những dấu hiệu của xu hướng giảm, công chúng vẫn rất “**năng động**” nhưng cũng bắt đầu có dấu hiệu lo lắng và cũng không còn nhiều kỳ vọng kiếm lợi nhuận.

Thời kỳ thứ hai được gọi là thời kỳ “**hỗn loạn**”. Số lượng người mua bắt đầu giảm dần và những người bán bắt đầu trở lên vội vã bán đi những cổ phiếu mình đang nắm giữ. Xu thế giảm giá bắt đầu tăng mạnh làm cho thị giá gần như dốc thẳng xuống và khối lượng giao dịch đạt đến mức đỉnh điểm. Giai đoạn này được gọi là hỗn loạn vì sự sụt giảm thường xảy ra rất trầm trọng thậm chí là thái quá với mức độ vượt quá cả thực trạng của các doanh nghiệp. Sau giai đoạn hỗn loạn có thể có giai đoạn hồi phục (một dạng xu thế cấp hai) hoặc một giai đoạn dao động ngang của thị trường (các dao động không có hướng đi lên hay đi xuống mà là dao động trong một khoảng cố định theo chiều ngang của thị trường) trong một thời gian tương đối dài. Giai đoạn này thể hiện tâm lý chán nản của một bộ phận nhà đầu tư, họ cũng chính là những người đã cố gắng nắm giữ cổ phiếu qua thời kỳ hỗn loạn trước đó hoặc cũng có thể là những người đã mua cổ phiếu trong thời kỳ đó bởi vì lúc đó giá của cổ phiếu rõ ràng là rẻ hơn rất nhiều so với trước đó vài tháng. Thông tin về các doanh nghiệp ngày càng xấu đi. Kết thúc giai đoạn này mới bước vào thời kỳ thứ ba.

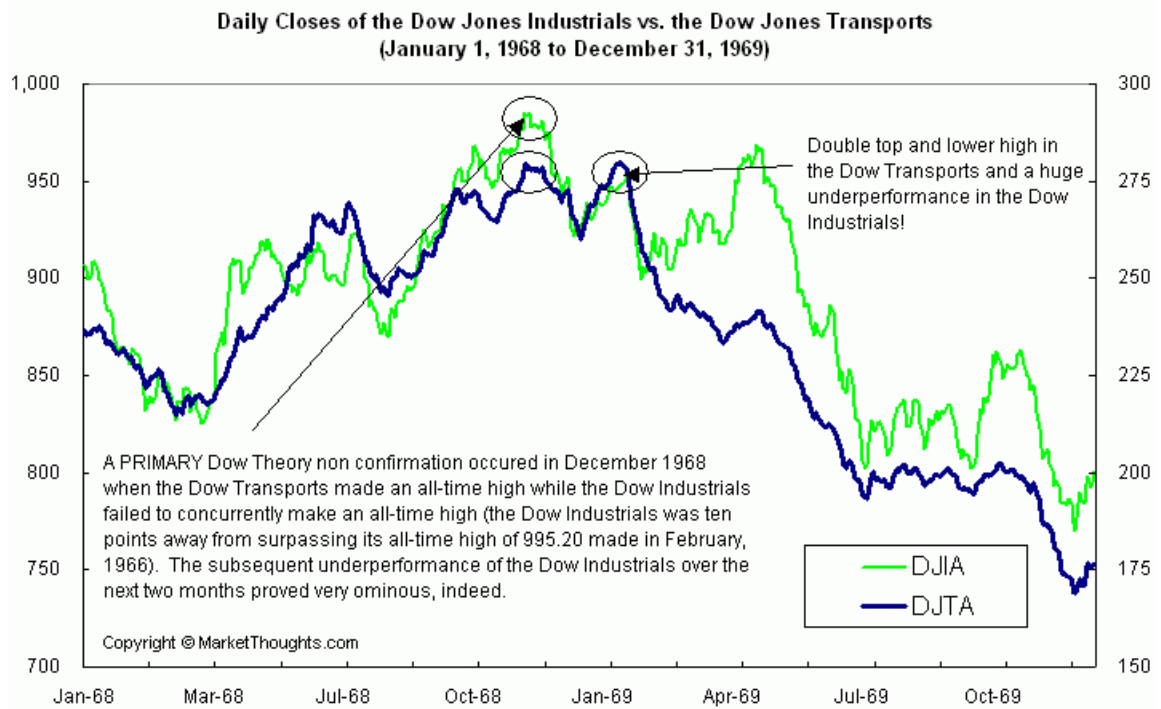
Vào thời kỳ thứ ba, xu thế đi xuống trên thị trường đã yếu dần, nhưng lại được duy trì bởi những lệnh bán nhiều và liên tục thể hiện “**nỗi buồn**” và sự lo lắng của những nhà đầu tư đang rất cần tiền cho những nhu cầu riêng của họ. Các cổ phiếu đều giảm đến mức thấp nhất, thậm chí gần như mất hoàn toàn giá trị. Những cổ phiếu có chất lượng cao hầu như không được giao dịch vì những người sở hữu chúng đều muốn nắm giữ đến cùng. Ở giai đoạn cuối của Bear Market, như một kết quả của toàn bộ thời kỳ giảm giá trước, cả thị trường chỉ tập trung vào giao dịch một số loại cổ phiếu. Bear Market kết thúc tất cả với những tin xấu về các doanh nghiệp, về thị trường ở mức có thể coi là tồi tệ nhất đã thể hiện ra và có thể đến.

8. Hai đường chỉ số bình quân của thị trường phải cùng xác nhận xu thế của thị trường. Đây là câu hỏi thường xuyên đặt ra nhất và cũng khó giải thích nhất đối với hệ thống các nguyên lý của lý thuyết Dow. Tuy nhiên từ khi được đưa ra cho đến nay nó đã được thời gian chứng minh tính đúng đắn và nó vẫn được vận dụng cho đến ngày nay và bất kỳ một ai đã xem xét những số liệu ghi lại thì đều không thể có ý kiến phản đối với nguyên lý này. Còn với những người ít quan tâm hay bỏ qua nguyên lý này thì trong thực tế kinh doanh đã và sẽ phải nhiều lần cảm thấy tiếc nuối. Điều nguyên lý này muốn nói đến là không thể có một dấu hiệu chính xác nào về sự thay đổi xu thế thị trường có thể được khẳng định chỉ thông qua xem xét biến động của duy nhất một loại chỉ số bình quân (ở đây muốn nói đến những thị trường bao gồm nhiều chỉ số bình quân, chẳng hạn như ở Mỹ, như nói ở phần đầu, có hai loại chỉ số bình quân).



- Chỉ số bình quân bên dưới chỉ ra thị trường đi xuống
- Chỉ số bình quân phía trên chỉ ra thị trường đi lên

Như vậy thị trường sẽ vẫn đi xuống do cả hai không cùng xác nhận một sự đảo chiều trong xu thế hiện tại của thị trường.



Chỉ khi nào cả chỉ số bình quân cũng chỉ ra là thị trường đang có xu thế đi lên thì ta mới có cơ sở xác nhận một dấu hiệu về sự đảo chiều của xu thế chính. Trong hình vẽ trên, trừ khi có một biến động nào khác nếu không chỉ duy nhất chỉ số bình quân bên dưới sẽ không để chuyển hướng chung của thị trường mà thậm chí còn bị kéo xuống. Xu thế cấp 1 của thị trường rõ ràng vẫn chưa rõ ràng. Đây là một ví dụ áp dụng nguyên lý về sự xác nhận. Không cần thiết cả hai chỉ số bình quân phải cùng xác nhận vào 1 ngày. Thường thì cả hai chỉ số này sẽ cùng chuyển động đến cùng một khoảng đỉnh hoặc đáy mới,

nhưng có nhiều trường hợp mà một trong hai chỉ số sẽ trễ hơn chỉ số kia vài ngày, vài tuần, thậm chí là một đến hai tháng. Trong những tình huống như vậy thì nhà đầu tư phải giữ kiên nhẫn và đợi cho đến khi thị trường thật sự thể hiện ra bản chất xu hướng của nó.

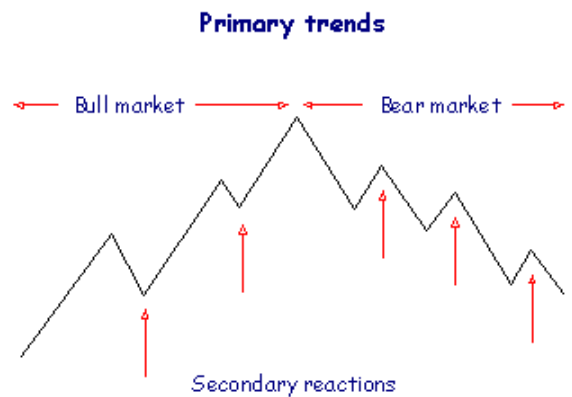
9. Khối lượng giao dịch áp dụng kèm với xu thế thị trường.

Điều này thể hiện một thực tế là khi giá biến động theo đúng xu thế cấp 1 thì các hoạt động kinh doanh trên có xu hướng mở rộng hơn. Do vậy, với Bull Market, khối lượng giao dịch sẽ tăng nếu giá tăng, và sẽ thu lại nếu giá giảm; với Bear Market giá trị giao dịch sẽ tăng nếu giá giảm và ít khi giá có dấu hiệu phục hồi. Điều này vẫn đúng ở mức độ thấp hơn tức là với những xu thế cấp 2, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của một xu thế hồi phục cấp 2 trong một Bear Market, khi mà các diễn biến của thị trường chỉ ra rằng giá sẽ tăng lên theo một số đợt tăng giá nhỏ, còn các biến động kéo giá xuống giảm đi. Các kết luận ở đây thường không có giá trị nếu chỉ dựa trên diễn biến trong vài ngày và càng không có giá trị với những kết luận dựa trên một phiên giao dịch đơn lẻ. Nguyên lý này chỉ phát huy hiệu quả nếu dựa trên những diễn biến của khối lượng giao dịch chung trong thời gian giao dịch tương đối dài. Hơn nữa, theo Lý thuyết Dow thì chỉ dựa trên những phân tích về giá mới có thể đưa ra được những dấu hiệu mang tính quyết định về xu thế thị trường, còn khối lượng giao dịch chỉ có thể cung cấp thêm những chứng cứ phụ để giải thích rõ hơn biến động của thị trường và sử dụng vào những tình huống khi dấu hiệu chính tỏ ra còn nhiều nghi ngờ.

10. Đường ngang có thể thay thế cho các xu thế cấp 2.

Đường ngang theo định nghĩa của Lý thuyết Dow là những chuyển động ngang có tính chất trung gian của thị trường phản ánh thời kỳ mà giá biến động rất ít (với thị trường Mĩ là nhỏ hơn hoặc bằng 5%). Đường ngang thường kéo dài từ 2 đến 3 tuần hoặc đôi khi là lâu hơn (trong vài tháng). Khi thị trường xuất hiện mô hình dạng đường ngang, điều này chỉ ra rằng áp lực của cung và cầu trên thị trường là tương đối cân bằng. Thực tế trong giai đoạn này các lệnh đặt mua hoặc bán đều thể hiện một sự kiệt sức. Những người muốn mua cổ phiếu thì phải tăng mức giá chào mua để khuyến khích người có cổ phiếu mà họ muốn bán cho họ, còn những người muốn bán thì với thị trường có biến động dạng đường ngang họ thấy rằng số lượng người mua đang ít dần và kết quả là họ phải giảm giá để có thể bán được những cổ phiếu của mình. Do vậy một mức giá dao động vượt ra ngoài mức dao động của mô hình đường ngang đang xuất hiện trên thị trường sẽ là một dấu hiệu rõ ràng cho một thị trường lên hoặc xuống giá tùy thuộc vào hướng của dao động vượt ra ngoài. Nhìn chung mô hình đường ngang càng kéo dài lâu và biên độ dao động càng nhỏ thì ý nghĩa của dao động vượt ra ngoài mô hình đường ngang càng lớn.

Mô hình đường ngang thường diễn ra dài vừa đủ để khoảng thời gian tồn tại của nó mang một ý nghĩa quan trọng đối với những người phân tích thị trường theo trường phái Dow. Những biến động vượt ra ngoài mô hình đường ngang có thể là dấu hiệu cho thấy mô hình này chính là những mức đỉnh hoặc đáy rất quan trọng của thị trường bởi nếu là đỉnh thì đó chính là giai đoạn “phân bổ” - giai đoạn ban đầu của một Bear Market; còn nếu dấu hiệu cho thấy nó có thể là mức đáy của thị trường thì đây là giai đoạn “tích tụ” - giai đoạn đầu của một Bull Market. Thông thường nhất, nó đóng vai trò như một thời kỳ yên tĩnh thuộc giai đoạn cuối cùng trong quá trình hình thành hoặc thuộc giai đoạn củng cố xu thế cấp 1 của thị trường. Trong những trường hợp đó mô hình này đóng vai trò như những sóng cấp 2. Mức biến động 5% cũng hoàn toàn chỉ là một mức biên độ được xác định theo kinh nghiệm bởi trên thực tế rằng mô hình đường ngang có rất nhiều điểm tương đồng với mô hình cũng có nhiều biến động ngang với biên độ lớn hơn nhưng hai biên của nó vẫn được xác định khá rõ ràng và tương đối chuẩn nên cũng được tính là một loại mô hình đường ngang.



11. Chỉ số dụng mức giá đóng cửa để nghiên cứu.

Lý thuyết Dow không quan tâm và ít đề cao đến các mức biến động giá (thậm chí là cả mức giá cao nhất và thấp nhất) trong ngày mà chỉ quan tâm đến những số liệu cuối ngày giao dịch, chẳng hạn như mức bình quân giá bán cuối cùng trong ngày.

Xem xét một thị trường với xu thế cơ bản là tăng giá và đang ở thời điểm giá tăng và đạt mức đỉnh của ngày hôm đó vào 11 giờ sáng, giả sử lúc đó chỉ số bình quân đang là 152.45 sau đó lại giảm xuống mức giá đóng cửa là 150.70. Để có thể xác nhận thị trường vẫn đang trong xu thế cơ bản là tăng giá thì ở đợt tăng giá tiếp theo mức giá đóng cửa phải cao hơn 150.70. Trong trường hợp này mức đỉnh 152.45 không được quan tâm đến. Trái lại nếu ở đợt thứ 2, dù giá có đạt đến mức đỉnh ở 152.60 nhưng giá đóng cửa lại nhỏ hơn 150.70 thì hoàn toàn có cơ sở để nghi ngờ liệu xu thế tăng giá hiện tại có còn tiếp tục hay không.

Trong những năm gần đây, nhiều ý kiến đã được đưa ra xung quanh vấn đề liệu chỉ số giá bình quân phải tăng thêm hay giảm đi bao nhiêu so với giới hạn đạt được của đợt dao động giá trước (đỉnh hoặc đáy) để có thể báo hiệu (xác nhận một xu thế mới hoặc xác nhận lại xu thế hiện tại) xu thế thị trường. Dow và Hamilton luôn rất cẩn thận trong việc xem xét bất cứ một dao động nhỏ nào xen vào xu thế hiện tại làm giá thay đổi thậm chí đến 0.01 và hai ông đều cho rằng dấu hiệu đó hoàn toàn có thể là một dấu hiệu đúng. Nhưng ngày nay nhiều nhà phân tích cho rằng mức thay đổi đó phải đạt ít nhất 1.00 mới có thể được coi là một dấu hiệu của thị trường.

12. Một xu thế cần được giả định rằng vẫn đang tiếp tục cho đến khi có một dấu hiệu thực sự về sự đảo chiều của xu thế đó được xác định.

Nguyên lý này là một trong những nguyên lý có nhiều ý kiến tranh cãi nhất. Nhưng khi được hiểu chính xác nó vẫn có giá trị rất lớn trong phân tích thị trường. Nguyên lý thứ mười hai giúp đề phòng với những thay đổi (phản ứng) quá sớm trong quan điểm về thị trường, theo như chúng ta hay nói là “cầm đèn chạy trước ô tô”, của bất kỳ nhà đầu tư nào. Điều này không nhằm làm nhà đầu tư trì hoãn hành động của mình lại một cách không cần thiết, cho dù là chỉ một phút, khi những dấu hiệu về sự thay đổi của xu thế thị trường là đã rõ ràng, nhưng nó nhắc nhở một điều rằng lợi thế sẽ nghiêng về phía những người biết chờ đợi cho đến khi họ chắc chắn về tình hình thị trường và rõ ràng sẽ không nghiêng về những người quá nôn nóng với hành động của họ. Khả năng xây không thể được phát hiện một cách rõ ràng bởi bản chất của nó là những biến động thực tế của thị trường và chúng thay đổi thường xuyên. Bull Market không thể lên giá mãi và Bear Market thì sớm muộn cũng đạt đến đáy của nó. Khi một xu thế cấp 1 của thị trường vừa mới được hình thành thì cho dù có những dao động trong ngắn hạn ta vẫn có thể chắc chắn rằng nó không thay đổi, nhưng nếu nó kéo dài càng lâu thì mức chắc chắn càng ít dần đi, các điểm tái xác nhận xu thế thị trường cũng có giá trị ít dần đi. Động lực của người mua và khả năng bán được những cổ phiếu với giá cao hơn giá mua để kiếm lời sẽ ngày càng thấp nếu như Bull Market đã tồn tại trong nhiều tháng và rõ ràng là thấp hơn khi nó mới hình thành. Nguyên lý thứ mười hai của Dow nói rằng “Making your position pending contrary orders”.

Một hệ quả tất yếu từ nguyên lý này đó là khi đã có những dấu hiệu về sự thay đổi của xu thế thị trường thì sự thay đổi đó có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Vì vậy bất cứ nhà đầu tư nào cũng cần phải theo dõi thị trường một cách thường xuyên.

Phân tích kỹ thuật P.8 - Sử dụng đường hỗ trợ và đường kháng cự trong phân tích

Đường hỗ trợ và kháng cự là một trong những công cụ cơ bản được các tay buôn chứng khoán sử dụng để phân tích và xác định vùng biến động của giá cổ phiếu trên thị trường. Có thể ở Việt Nam, khái niệm đường hỗ trợ, đường kháng cự còn rất lạ lẫm đối với nhiều nhà đầu tư song khái niệm này được nhắc tới và sử dụng rất phổ biến trong phân tích kỹ thuật, thậm chí còn được coi là kim chỉ nam, là sách gối đầu giường của nhiều tay chơi cổ phiếu. Bài viết này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản nhất về mức hỗ trợ, mức kháng cự cũng như cách xác định các mức giá có khả năng xảy ra trong tương lai.

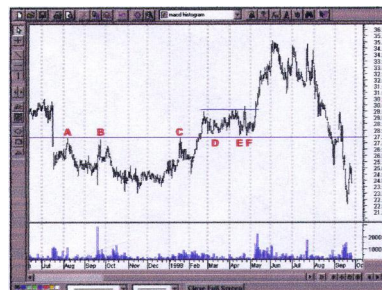
Một trong những tiên đề nổi tiếng, có tính kinh điển trong phân tích kỹ thuật đó là "giá cả của cổ phiếu chịu sự tác động mạnh mẽ của mức hỗ trợ và mức kháng cự". **Hỗ trợ** là thuật ngữ dùng để chỉ các tác động giữ cho giá cổ phiếu luôn cao hơn một mức nào đó, còn **kháng cự** ngược lại, là thuật ngữ được sử dụng để chỉ các tác động khiến cho giá cổ phiếu luôn

thấp hơn một mức nhất định nào đó. Người ta đã nghiệm ra rằng lịch sử luôn lặp lại, nếu trong quá khứ các mức giá đã từng đóng vai trò là giá kháng cự, thì chúng có xu hướng sẽ lặp lại vai trò đó trong tương lai. Việc biểu diễn được các đường hỗ trợ hay kháng cự trên đồ thị cổ phiếu sẽ giúp nhà đầu tư xác định được tầm quan trọng của chúng trong quá khứ cũng như tiên liệu được các biến động trong tương lai. Khi nhận thấy thị trường đang giao dịch với mức giá gần với và hướng về các mức trên, ta có thể đưa ra một số dự báo hợp lý về giá cả cổ phiếu trong thời gian tới, từ đó có được các quyết định đầu tư cho riêng mình.

Vậy thế nào là hỗ trợ, thế nào là kháng cự và hình thù của chúng trên các đồ thị cổ phiếu ra sao? Để giải quyết được câu hỏi này, hãy cùng quan sát một đồ thị có biểu diễn các đường kháng cự và đường hỗ trợ tại các mức giá hết sức rõ ràng và dễ nhận biết. Sử dụng các thông tin rút ra từ bảng này ta có thể biết được liệu các mức kháng cự hay hỗ trợ này có lặp lại không khi giá cổ phiếu có xu hướng chạm tới các mức giá đó. Tuy nhiên, trước khi đi sâu khám phá những bí ẩn đằng sau các biểu đồ, hãy cùng tìm hiểu một số thuật ngữ và các nguyên nhân dẫn tới sự hình thành của các đường này.

Bắt kì ai thường xuyên theo dõi các kênh thông tin tài chính, đọc các tạp chí đầu tư như Financial Times, vào các website chuyên ngành đầu tư chứng khoán của các thị trường lớn đều có thể nghe được và đọc được các lời nhận xét của các chuyên gia tài chính như, đại loại như là "Tôi cho rằng mức hỗ trợ của Dow là 7300" hay "Dow chắc chắn sẽ có mức kháng cự là 8100" Vậy thì bản chất tài chính của kháng cự hay hỗ trợ là gì, và tại sao người ta lại nhắc đến nó nhiều như vậy. Robert Edwards và John Magee trong tác phẩm kinh điển của họ có tựa đề "phân tích kĩ thuật xu thế biến động cổ phiếu" (Technical analysis of stock trend) đã định nghĩa như sau:

Hỗ trợ là việc mua, có thể trên thực tế hoặc tiềm năng, một khối lượng lớn cổ phiếu trong một giai đoạn nhất định nhằm ngăn chặn không cho giá của chúng giảm thêm nữa. Kháng cự, ngược với hỗ trợ, là việc bán một lượng lớn cổ phiếu nhằm đáp ứng các lệnh mua, khiến cho mức giá không tăng thêm nữa. Xét về quan hệ cung cầu thì hỗ trợ là mức giá mà tại đó cầu lớn hơn cung, còn kháng cự là mức giá tại đó cầu nhỏ hơn cung.



Hãy cùng quan sát bảng 1 để thấy rõ hơn. Đây là biểu đồ chứng khoán của công ty Rubbermaid từ tháng 6 năm 1997 đến tháng 9 năm 1998. Đồ thị thể hiện ba lần giá cổ phiếu lên cao hơn mức 27.5 điểm (tại A ,B ,C), sau đó lại đảo chiều và giảm giá. Kế đó, sau khi vượt qua mức 27.5 điểm vào tháng 1 năm 1998 giá cổ phiếu lại tụt xuống (điểm D ,E ,F) trước khi tăng lên tới mức 35 điểm. Một đường thẳng được kẻ sao cho càng gần với cả sáu điểm này càng tốt. Trong bảng này, ta thấy mức giá đóng vai trò kháng cự tại điểm A-C, sau đó đảo chiều và đóng vai trò hỗ trợ tại điểm D-E.

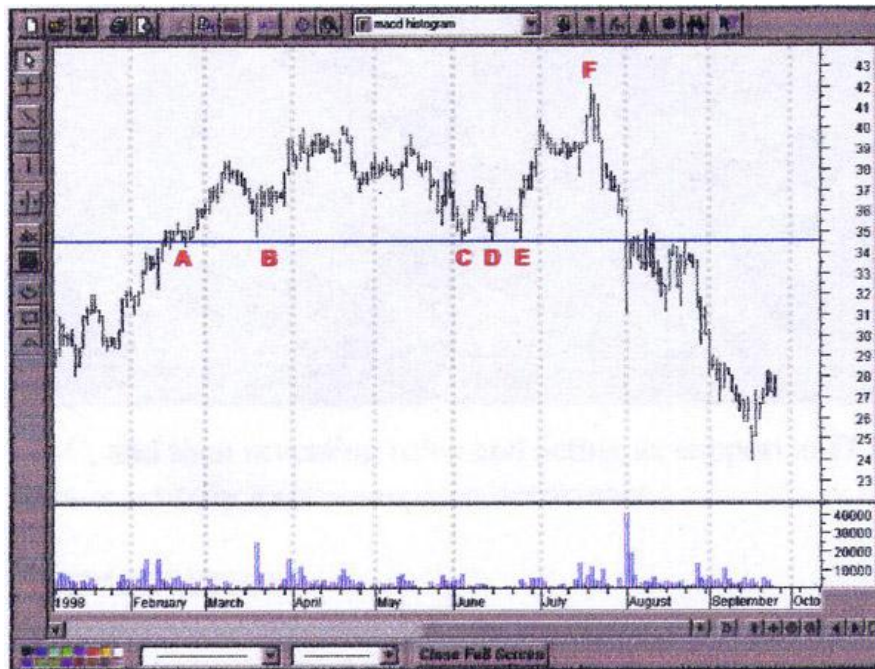
Để giải thích được hành vi của thị trường, chúng ta cần phân tích rõ đồ thị này hơn chút nữa. Sau khi sụt giảm mạnh từ mức 30 điểm vào giữa tháng 7 năm 1997, giá cổ phiếu sau đó đã tăng lên mức 27.5 (điểm A) vào tháng 8, lại sụt giảm, rồi tăng lên mức 27.25 điểm vào tháng 8, sau đó lại sụt giảm. Chu kì này lại tiếp diễn một lần nữa vào tháng 1 năm 1998, sau đó lại được đẩy từ mức 27.5 điểm lên mức 29.5 điểm vào tháng 2.

Giả định rằng trước khi diễn ra sự sụt giá vào giữa tháng 7 năm 1997, các nhà đầu tư mua cổ phiếu ở mức giá dưới 30 điểm đã kiếm được một khoản lợi nhuận sau khi bán lại các cổ phiếu này cho các nhà đầu tư mới ở mức giá 30 điểm. Nhưng ngay sau đó, nhiều người trong số các cổ đông mới này đã đau khổ khi phải chứng kiến tiền đầu tư của mình bỗng nhiên giảm đi mất 15% chỉ sau một đêm ngắn ngủi (giá giảm xuống mức 25.5 điểm) và đương nhiên ai cũng mong ngóng ngày giá tăng để giảm bớt khoản lỗ.

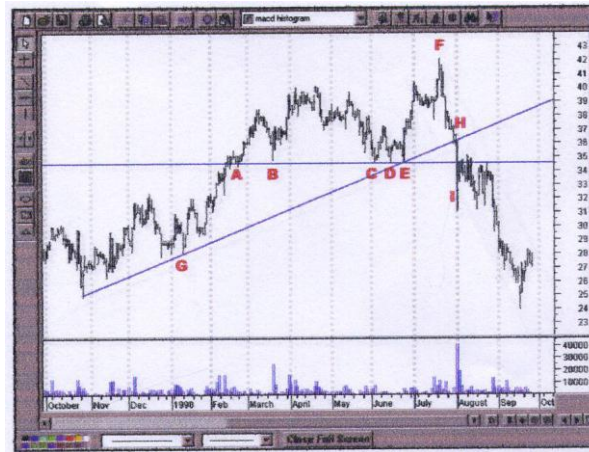
Mặt khác, các nhà đầu tư đã lỡ cơ hội kiếm lời từ việc tăng giá ngay trước đó (từ thấp hơn 30 lên 30 điểm) thì lại coi đây là một cơ hội tốt để mua vào, đơn giản vì mới chỉ hai ngày trước đó, mức giá còn ngất ngưỡng 30 điểm. Chính vì tâm lý này nên giá cổ phiếu đã tăng lên mức 27.5 (điểm A), và các cổ đông mua cổ phiếu ở mức giá 30 cũng nhẹ nhõm hơn một chút vì mức lỗ của họ chỉ còn 2.5 điểm thay vì 4.5 điểm như trước đây. Nhiều người chấp nhận mức lỗ này, và không muốn kéo dài tình trạng lo lắng cho túi tiền của mình, họ quyết định bán cổ phiếu ra, khiến cho giá sụt xuống. Chu trình này lặp lại (điểm B và C) cho đến khi một bộ phận lớn các nhà đầu tư không chấp nhận mức lỗ 2.5 điểm và vẫn quyết định nắm giữ cổ phiếu, khiến cho mức giá tiếp tục tăng và vượt qua mức 27.5 vào tháng 2 năm 1998, tiếp tục tăng lên mức 29.5 điểm.

Tại mức giá này, nhiều nhà đầu tư cảm thấy hài lòng với quyết định nắm giữ cổ phiếu của mình, chấp nhận mức lỗ 0.5 điểm, lo sợ vì mức giá duy trì yếu trong thời gian dài, họ quyết định liên lạc với người môi giới của mình để bán cổ phiếu, khiến cho giá lại giảm xuống mức 27.5 (điểm D). Hiện tượng này tiếp tục xảy ra thêm hai lần nữa (điểm E, F) cho đến khi những nhà đầu tư chấp nhận chịu mức lỗ nhỏ đã ra khỏi thị trường, lúc này giá cả lại được đẩy lên mức 30 điểm vào tháng 5 năm 1998.

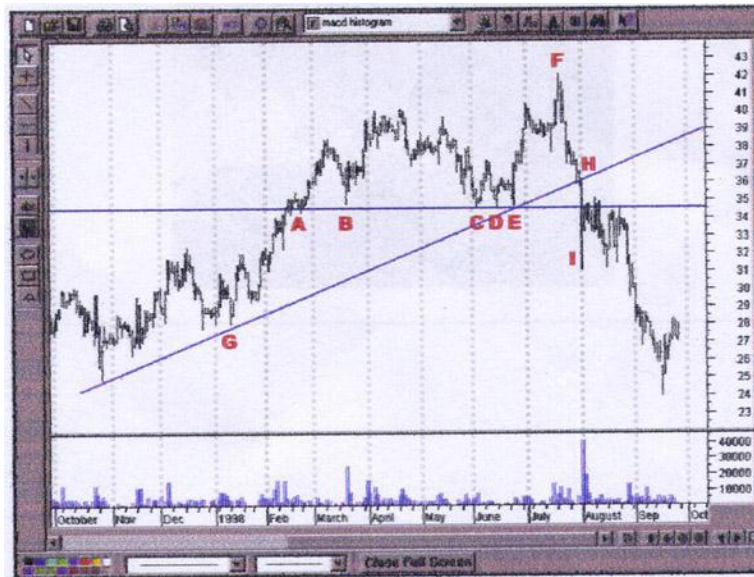
Quá trình trên không chỉ xảy ra tại mức giá này mà nó xảy ra ngay tại mỗi mức giá cổ phiếu được giao dịch. Mặc dù điều này có vẻ quá đơn giản, nhưng đó là một trong những kiểu ra quyết định của các nhà đầu tư giúp hình thành nên mức hỗ trợ và mức kháng cự. Một vài nhân tố quan trọng hơn cả sẽ có ảnh hưởng lớn đến biểu hiện của giá cả, tuy nhiên nếu không tính tới các nhân tố này, các mức hỗ trợ và kháng cự này có thể có những tác động rõ rệt đến hình dạng của bảng biểu chứng khoán thường ngày. Nhưng quan trọng hơn cả, bằng cách kết hợp kiến thức về mức hỗ trợ, mức kháng cự cùng với các công cụ [phân tích cơ bản](#) và phân tích kỹ thuật khác, chúng ta có thể có những sự so sánh, dự đoán xu hướng biến động của giá cả, chớp thời cơ làm giàu, hơn là bị động gánh chịu và sừng sốt trước những biến đổi bất ngờ của nó.



Bảng thứ hai lại là một ví dụ khác, thể hiện biến động theo từng ngày của cổ phiếu OSSi (Outback Steakhouse). Kể từ đầu năm 1998 tới giữa tháng 2, giá cổ phiếu tăng từ 28.5 lên 34.5 điểm (tại A). Hãy chú ý tới phần đường biểu diễn nằm sát nhau ngay trên đường hỗ trợ được kẻ tại mức 34.5, và những biến động của giá cả trong vài tháng tiếp đó khi nó tăng giảm chạm mức hỗ trợ 4 lần tại B, C, D, E. Từ điểm E cho đến cuối tháng 7, giá tăng lên tới tận mức đỉnh điểm là 41 (tại F), ngay sau đó lại tụt dốc rất nhanh xuyên qua đường hỗ trợ, xuống mức 32.5 vào đầu tháng 8.

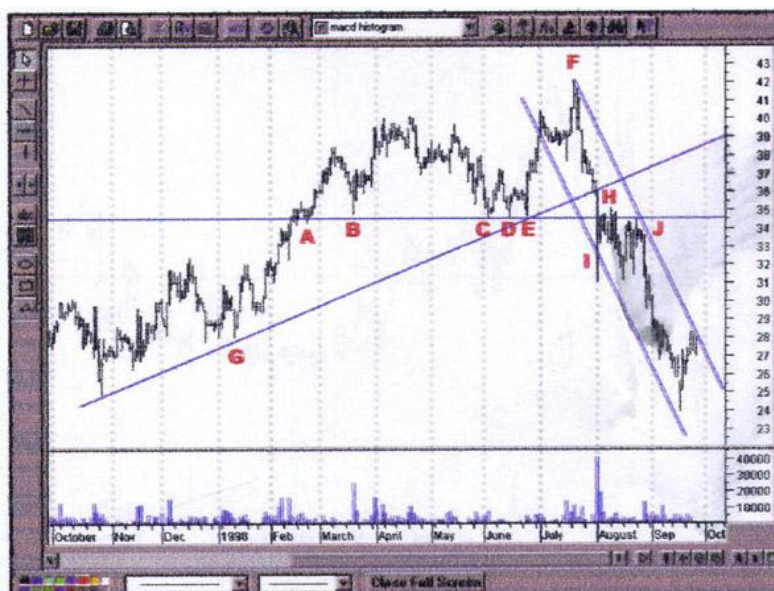


Vì F là điểm cao nhất trong cả thời kì phân tích, ta sẽ kẻ một đường thẳng từ điểm G đến điểm E, kéo thẳng đường này sang phía phải (gọi là đường xu thế). Hãy chú ý rằng điểm dừng H trước ngày giá giảm từ 36 xuống 32.5 điểm (I) nằm ngay trên đường này. Sự sụt giảm tương đối lớn ngay ngày sau đó cho thấy đường xu thế này đóng vai trò như một đường hỗ trợ, một khi vượt qua được "rào cản" này, giá sẽ rớt tự do. Đồng thời điều này cũng có nghĩa là đường hỗ trợ và kháng cự không nhất thiết phải là đường ngang, nó có thể là một đường xiên. Trên thực tế, cũng có thể coi chính các đường xu thế này như đường hỗ trợ hay kháng cự.



Quay lại với các điểm nằm trên đường hỗ trợ (A, B, C, D, E). Vì mức giá giảm xuống dưới 34.5 nên giá đã phá vỡ đường hỗ trợ và đường xu thế. Trong tháng 8 mức giá chủ yếu giao động nhẹ quanh mức 34.5, lúc này đường xu thế không còn đóng vai trò như một đường hỗ trợ nữa, nó đã đảo chiều và đóng vai trò như một đường kháng cự cho đến khi giá giảm xuống mức thấp hơn, đến tháng 9, cổ phiếu này được giao dịch ở mức 26.

Mức độ quan trọng và đáng tin cậy trong việc dự đoán tương lai của đường hỗ trợ hay kháng cự trong phân tích kĩ thuật liên quan trực tiếp đến số lần giá chạm tới các đường này và chuyển động ngược trở lại. Trong đồ thị số 4, có ít nhất là 7 lần giá đạt tới mức kháng cự/hỗ trợ và sau đó đảo chiều. Con số này chứng tỏ rằng các đường này rất có ý nghĩa và đáng tin cậy, có thể dùng để dự đoán các biến động của giá trong tương lai. Nó có đáng tin 100% không? Tất nhiên là không, chẳng có phương pháp phân tích nào lại đáng tin 100% bởi thị trường còn chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố, tuy nhiên theo như đồ thị này thì khả năng giá sẽ đảo chiều là rất lớn.



Theo đồ thị trên, khi mức giá không giữ xu thế tăng nữa, chúng ta sẽ kẻ một đường xu thế mới để thể hiện hướng biến động mới của giá cả. Một đường thẳng nối từ F, kéo dài qua J là đường xu thế mới. Một đường thẳng khác nối từ H, song song với đường xu thế trên có vẻ "bao trọn" được biên giao động của giá trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9, đây chính là một hình hỗ trợ-kháng cự đường xiên điển hình.

Nhìn chung, hỗ trợ và kháng cự không phải là công cụ dự đoán chính xác 100% sự biến động của giá cả trong tương lai, thay vào đó chúng là công cụ dùng để cảnh báo các nhà đầu tư về một số điểm cần xem xét thẩm tra kĩ càng. Bằng cách sử dụng đường hỗ trợ và kháng cự kèm với các chỉ số khác, chúng ta có thể biết được các tác động của chúng (nếu có) đối với giá cổ phiếu, với độ chính xác tùy theo số lần giá cả chạm mức kháng cự hay hỗ trợ.

Fibonacci trong phân tích kỹ thuật

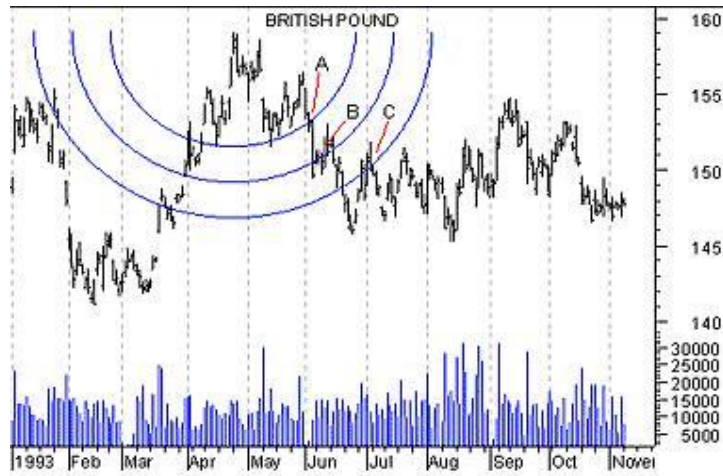
Có một "tỷ lệ" rất đặc biệt được sử dụng để mô tả tính cân đối của vạn vật từ những khối cấu trúc nhỏ nhất của thiên nhiên như nguyên tử cho đến những thực thể có kích thước cực kỳ khổng lồ như thiên thạch. Không chỉ thiên nhiên phụ thuộc vào nó để duy trì sự cân bằng mà thị trường tài chính có vẻ như cũng vận động theo một quy luật tương tự. Trong phạm vi bài viết, chúng ta sẽ xem qua một vài công cụ phân tích kỹ thuật được phát triển dựa trên các nghiên cứu trên cái mà người ta gọi là "tỷ lệ vàng" này.

Các nhà toán học, khoa học, và tự nhiên học đã biết đến "tỷ lệ vàng" này trong nhiều năm. Nó được rút ra từ dãy Fibonacci, do nhà toán học người Ý, Leonardo Fibonacci (1175-1250) tìm ra. Trong dãy Fibonacci (1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144, 610, etc), mỗi số trong dãy là tổng của hai số trước đó. Điều đặc biệt nhất trong dãy này là bất kỳ một số nào cũng đạt giá trị xấp xỉ 1.618 lần số đứng trước và 0.618 lần số đứng sau nó (0.618 là nghịch đảo của 1.618). Tỷ lệ này được biết đến với rất nhiều tên gọi: tỷ lệ vàng, tỷ lệ thần thánh, PHI ... Vậy thì, tại sao tỷ lệ này lại quan trọng đến vậy? Vạn vật dường như có thuộc tính gắn kết với tỷ lệ 1.618, có lẽ vì thế mà nó được coi là một trong những nhân tố cơ bản cấu thành nên các thực thể trong tự nhiên.

Nếu chia tổng số ong cái cho tổng số ong đực trong một tổ ong bất kỳ, bạn sẽ có giá trị là 1.618. Nếu lấy khoảng cách từ vai đến móng tay chia cho khoảng cách giữa cùi chỏ và móng tay thì bạn cũng có được giá trị 1.618. Tính xác thực của các ví dụ trên bạn có thể từ từ kiểm chứng nhưng chúng ta hãy cùng xem "tỷ lệ vàng" có ứng dụng gì trong tài chính.

Khi sử dụng phân tích kỹ thuật, "tỷ lệ vàng" thường được diễn giải theo 3 giá trị phần trăm: 38.2%, 50%, và 61.8%. Nhiều tỷ lệ khác có thể được sử dụng khi cần thiết, như 23.6%, 161.8%, 423%... Có 4 phương pháp chính trong việc áp dụng dãy Fibonacci trong tài chính: Retracements, arcs, fans, và time zones.

Fibonacci Arcs (FA) được thiết lập đầu tiên bằng cách vẽ đường thẳng kết nối 2 điểm có mức giá cao nhất và thấp nhất của giai đoạn phân tích. 3 đường cong sau đó được vẽ với tâm nằm trên điểm có mức giá cao nhất và có khoảng cách bằng 38.2%, 50.0%, 61.8% độ dài đường thẳng thiết lập



FA dùng để dự đoán mức hỗ trợ và kháng cự khi đồ thị giá tiếp cận với đường cong. Một kỹ thuật phổ biến là theo dõi cả hai đường FA, FF (Fibonacci Fan) và dự đoán mức hỗ trợ/kháng cự tại điểm giao giữa đồ thị giá và đường FA/FF.

Lưu ý rằng đồ thị giá cắt đường FA tại điểm nào còn tùy thuộc vào kích cỡ của đồ thị, nói cách khác đường FA được vẽ lên đồ thị nên nó có mối tương quan với kích cỡ cân đối của đồ thị trên màn hình vi tính hoặc trên giấy.

Đồ thị giá của Đồng Bảng Anh mô tả cách mà đường FA tìm ra các điểm hỗ trợ và kháng cự (điểm A, B, C)

Fibonacci Fan (FF) được vẽ bằng cách kết nối hai điểm giá cao nhất và thấp nhất của giai đoạn phân tích. Sau đó một đường thẳng đứng “vô hình” sẽ được vẽ qua điểm giá cao nhất. Tiếp theo đó 3 đường chéo sẽ được vẽ từ điểm giá thấp nhất cắt đường thẳng đứng “vô hình” tại 3 mức 38.2%, 50.0%, 61.8%.

Đồ thị sau của Taxaco cho thấy các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự trên đường FF



Bạn có thể thấy khi đồ thị giá gặp đường FF cao nhất (điểm A), đồ thị giá không thể vượt qua đường FF trong nhiều ngày. Khi giá vừa vượt qua đường FF, nó liền rút nhanh chóng đến điểm đáy trên đường FF thứ 3 (điểm B và C) trước khi tìm được ngưỡng hỗ trợ. Cũng lưu ý rằng khi giá di chuyển qua điểm đáy (điểm C), nó di chuyển một mạch tới điểm cao

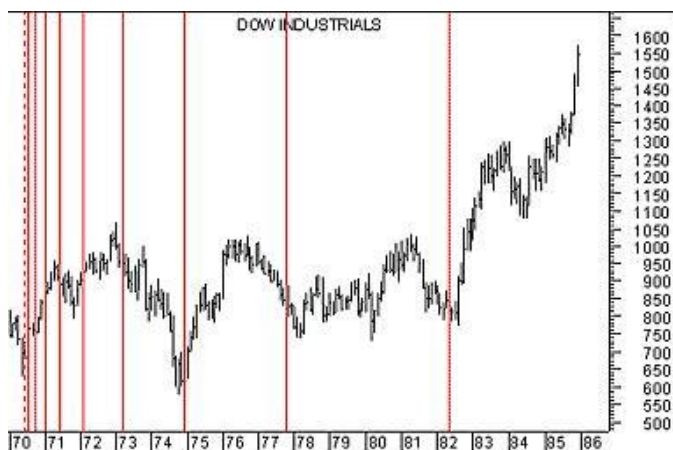
nhất (điểm D) trên đường FF thứ 1 và cũng là điểm kháng cự, sau đó rơi xuống điểm giữa trên đường FF thứ hai (điểm E) trước khi đổi chiều đi lên.

Fibonacci Retracements (FR) được xác định trước tiên bằng cách vẽ đường thẳng nối kết giữa hai điểm giá cao nhất và thấp nhất của đồ thị giá trong giai đoạn phân tích. Một loạt 9 đường nằm ngang sau đó được vẽ lên tại các mức Fibonacci 0.0%, 23.6%, 38.2%, 50%, 61.8%, 100%, 161.8%, 261.8%, và 423.6% tương ứng với chiều cao tính từ điểm giá cao nhất đến thấp nhất (một số đường có thể không được vẽ ra khi nằm ngoài quy mô phân tích của đồ thị)

Sau mỗi giai đoạn biến động giá chính (có thể lên hoặc xuống), giá thường có xu hướng đảo ngược xu hướng (toàn bộ hoặc một phần). Khi giá đảo chiều, các ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự mới thường nằm trên hoặc gần đường FR (xem đồ thị - ngưỡng hỗ trợ và kháng cự xuất hiện tại đường Fibonacci 23.6% và 38.2%)



Fibonacci Time Zones bao gồm một loạt các đường thẳng đứng. Sắp xếp theo trật tự của dãy Fibonacci 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, ... Cũng như các đường khác, diễn biến thay đổi của giá thường có mức hỗ trợ/kháng cự nằm gần hoặc trên các đường thẳng đứng này.



Các kết quả nghiên cứu về Fibonacci này không có ý định làm kim chỉ nam cho việc xác định thời gian xâm nhập hoặc thoát ra khỏi thị trường. Tuy nhiên, nó có thể hữu ích trong việc xác định vùng hỗ trợ và kháng cự. Đa phần các nhà đầu tư sử dụng kết hợp cả 4 phương pháp Fibonacci này để có thể đưa ra các mức dự đoán chính xác hơn. Một nhà phân tích có thể chỉ sử dụng Fibonacci Arcs và các điểm giao tại vùng hỗ trợ hoặc kháng cự. Nhiều người khác kết hợp các nghiên cứu về Fibonacci với các dạng thức phân tích kỹ thuật khác như “lý thuyết sóng Elliot” để dự đoán mức độ đảo ngược xu hướng sau mỗi bước sóng khác nhau. Trong phạm vi bài viết, tôi chỉ xin dừng lại ở mức độ ứng dụng cơ bản của dãy Fibonacci, hy vọng có thể cung cấp cho các bạn vài thông tin hữu ích.

Lý thuyết Dow- những hạn chế

Trái lại với việc nhiều người vẫn coi lý thuyết Dow là một dạng kim chỉ nam, một dạng bí kíp tuyệt học cho lĩnh vực phân tích đầu tư tài chính, thì nhiều nghiên cứu sử dụng các công cụ thống kê hiện đại lại cho thấy Lý thuyết Dow cũng có nhiều hạn chế. Dưới đây là một số hạn chế cơ bản.

Lý thuyết Dow quá trễ.

Đây là ý phê bình đúng. Đôi khi người ta còn thậm chí cho rằng nếu mỗi biến động lớn của thị trường được chia thành ba phần thì Lý thuyết Dow sẽ làm người tuân theo nó mất đi cơ hội kiếm lời ở phần đầu và cuối của biến động này, có khi là mất đi toàn bộ cơ hội.

Nhắc lại rằng đây là một điểm đúng về Lý thuyết Dow, nhưng trên thực tế những hành động theo đúng Lý thuyết Dow cũng đã mang lại lợi nhuận rất lớn và có rất ít người đạt được mức lợi nhuận này. Những ghi nhận và tính toán cho thấy lợi nhuận sẽ rất cao nếu đầu tư theo đúng Lý thuyết Dow.

Lý thuyết Dow không phải là luôn đúng.

Điều này hoàn toàn rõ ràng. Việc áp dụng Lý thuyết Dow hoàn toàn dựa vào khả năng giải thích tình hình thị trường và chịu sự rủi ro đối với tính chính xác của những giải thích này. Dẫu sao cũng cần nhắc lại rằng lịch sử đã chứng minh nếu tuân thủ đúng theo lý thuyết Dow thì lợi nhuận sẽ rất cao.

Lý thuyết Dow thường làm cho nhà đầu tư phải bán khoản.

Bất cứ lúc nào Lý thuyết Dow cũng có thể đưa ra những câu trả lời dựa trên cơ sở hợp lý về tình hình thực tế của thị trường. Câu trả lời có thể sai những chỉ là trong một thời gian ngắn tương đối ở giai đoạn đầu của xu thế cấp 1 mới hình thành. Sẽ cũng có lúc một nhà phân tích theo trường phái Dow nói với một nhà đầu tư rằng: “Xu thế cơ bản của thị trường có lẽ sẽ vẫn là lên giá nhưng thị trường đã bước vào thời kỳ nguy hiểm và tôi không thể khuyên bạn chính xác nên mua gì vào lúc này. Có lẽ đã quá muộn”.

Thường thì ý kiến phản đối này chỉ phản ánh những phản ứng đối với quan điểm của Lý thuyết Dow nguyên lý chỉ số bình quân phản ánh mọi thông tin và thông số của thị trường chứng khoán. Có thể ý kiến phản đối này là của những người có quan điểm bản thân về những biến động cổ phiếu không thống nhất với quan điểm của Lý thuyết Dow.

Trong những trường hợp khác, những lời chỉ trích nhằm vào Lý thuyết Dow chỉ phản ánh duy nhất một điều là sự thiếu kiên nhẫn của người đưa ra lời chỉ trích ấy. Sẽ có thể trong nhiều tuần hay nhiều tháng (điển hình là với thị trường đang xuất hiện mô hình đường ngang) Lý thuyết Dow không thể đưa ra một nhận định cụ thể nào. Khi đó nếu một nhà đầu tư “ưa hoạt động” phản ứng lại thì điều đó là hoàn toàn dễ hiểu. Nhưng tính kiên nhẫn là một phẩm chất không thể thiếu trên bất kì thị trường chứng khoán nào bởi nó sẽ giúp nhà đầu tư tránh được những sai lầm nghiêm trọng.

Lý thuyết Dow không giúp gì được cho những nhà đầu tư theo các biến động trung gian. Họ là những người đầu tư trong ngắn hạn. Lý thuyết Dow hầu như không đưa ra (nếu có thì chỉ rất ít) những dấu hiệu về sự thay đổi trong các xu thế trung gian. Tuy nhiên nếu có thể có được những dấu hiệu này thì rõ ràng lợi nhuận sẽ cao hơn nhiều so với chỉ đầu tư theo những biến động của xu thế cấp một. Một số nhà kinh doanh chứng khoán đã dựa trên Lý thuyết Dow để đưa ra những nguyên lý phụ áp dụng cho các biến động trung gian. Nhưng nhìn chung chưa có một nguyên lý nào loại này hoạt động thực sự có hiệu quả. Lý thuyết Dow chỉ là một công cụ - một chiếc máy để khi ta đưa dữ liệu vào thì nó đưa ra những kết quả về xu thế cấp 1 - xu thế chính của thị trường. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng bởi hầu hết các cổ phiếu trên thị trường đều vận động theo xu thế đó. Lý thuyết Dow không thể chỉ ra, không thể giúp bạn xác định nên mua hay bán loại cổ phiếu nào.

Dùng “Sóng Elliott và số Fibonacci” để dự đoán xu hướng giá chứng khoán

Lý Thuyết sóng Elliott:

Nguyên tắc sóng Elliott là một trong những công cụ [phân tích kỹ thuật](#) mà một số nhà kinh doanh chứng khoán dùng để phân tích những xu hướng giá trong các thị trường tài chính. “Cha đẻ” của nguyên tắc này là Ông Ralph Nelson Elliott

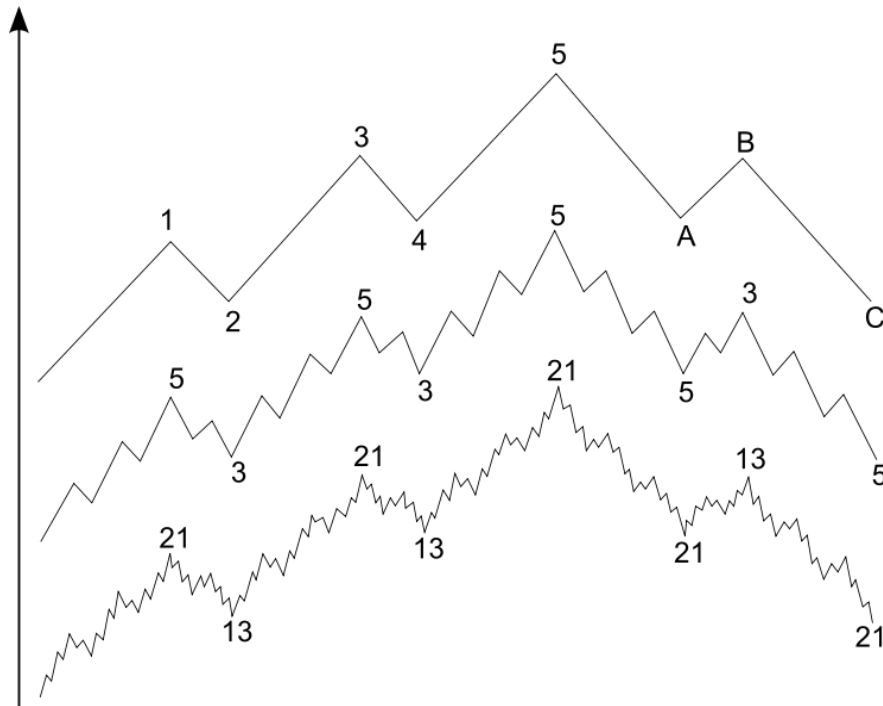
(1871-1948). Nghề chính của ông là kế toán và ông đã nghiên cứu và phát triển ra nguyên tắc này vào những năm 30 của thế kỷ trước.

Theo ông Elliott, sự thay đổi của giá cả sẽ tạo ra những con sóng, như hình vẽ. Trong đó một con sóng cơ bản sẽ có 5 con sóng “chủ” và 3 con sóng điều chỉnh. Trong 5 con sóng chủ thì sóng số 1, 3 và số 5 gọi là sóng “chủ và động”, và sóng 2, 4 gọi là sóng “chủ và điều chỉnh”. 2 con sóng điều chỉnh được gọi là sóng A,B, C.

Trong mỗi một con sóng như vậy lại có những con sóng nhỏ và cũng tuân theo quy luật của lý thuyết Elliot. Một đợt sóng chủ hoàn chỉnh sẽ có 89 sóng và đợt sóng điều chỉnh hoàn chỉnh sẽ có 55 sóng.

Tùy theo thời gian độ lớn của sóng sẽ được phân theo thứ tự sau

- Grant Supercycle: sóng kéo dài nhiều thập kỷ, đôi khi cả thế kỷ
- Supercycle: kéo dài từ vài năm đến vài thập kỷ
- Cycle: kéo dài từ 1 đến vài năm
- Primary: kéo dài từ vài tháng đến vài năm
- Intermediate: kéo dài từ vài từ tuần đến vài tháng
- Minor: kéo dài trong vài tuần
- Minute: Kéo dài trong vài ngày
- Minuette: Kéo dài trong vài giờ.
- Subminutte: Kéo dài trong vài phút.



Dãy số Fibonacci

Dãy số do nhà toán học người Ý Leonardo Fibonacci (1175-1250) phát minh ra. Bắt đầu là số 0 và số 1, sau đó là những số kế tiếp được tạo ra bằng cách cộng 2 số đứng trước. Ví dụ $1 = 1+0$, $5 = 3+2$, $34=21+13$. Điều kỳ diệu hơn là cứ lấy số lớn chia cho số nhỏ hơn một bậc, ví dụ $89/55$ ta sẽ được 1.618; lấy số nhỏ chia cho số lớn hơn 1 bậc, ví dụ $21/34$ ta sẽ được 0.6180, lấy số nhỏ chia cho số lớn hơn 2 bậc, ví dụ $13/34$ ta sẽ được 0.382.

Tất cả các con số thuộc dãy số Fibonacci 0, 1, 1, 2, 3, 5, 8 ... và các con số 0.618 và 0.382, trong đó đặc biệt nhất là con số được mệnh danh là “tỷ lệ vàng” 1.618 - xuất hiện rất nhiều trong tự nhiên, trong cơ thể con người, trong vũ trụ, trong kiến trúc, xây dựng.

Quan trọng hơn đối với chúng ta những nhà đầu tư, kinh doanh chứng khoán, những con số “đầy ma lực trên” bên trên xuất hiện ngay trong thị trường tài chính, nhất là những biến động về giá cả.

Ralph Nelson Elliott khẳng định rằng ông nghiên cứu và phát minh ra lý thuyết sóng trước khi biết Fibonacci nhưng những con số trùng hợp đến kỳ lạ: 5 sóng chủ, 3 sóng điều chỉnh, 89 sóng chủ, 55 sóng điều chỉnh cũng như tỷ lệ giá của các con sóng luôn ở chung quanh các tỷ lệ vàng 0.618, 1.618, 0.328. Do đó có một giả thuyết khác cho rằng Ông Elliott đã ứng dụng những con số Fibonacci vào lý thuyết của mình.

Dãy số Fibonacci	Số lớn/chia cho số nhỏ hơn 1 bậc	Số nhỏ/chia cho số lớn hơn 1 bậc	Số nhỏ/chia cho số lớn hơn 2 bậc
0			
1			
1			
2			
3			
5			
8			
13	1.6250	0.6154	0.3810
21	1.6154	0.6190	0.3824
34	1.6190	0.6176	0.3818
55	1.6176	0.6182	0.3820
89	1.6182	0.6180	0.3819
144	1.6180	0.6181	0.3820

233	1.6181	0.6180	0.3820
377	1.6180	0.6180	0.3820
610	1.6180	0.6180	0.3820
987	1.6180	0.6180	

Một dãy sóng 5-3 điển hình trong thị trường tăng trưởng “bò húc”

Dưới đây là phân tích một con sóng 5-3 điển hình của thị trường trong giai đoạn tăng trưởng - “bò húc”. Cũng con sóng 5-3 này trong Thị trường suy thoái – “gấu ngủ” sẽ được vẽ hoàn toàn ngược lại.

Sóng chủ số 1. Đợt sóng đầu tiên này là có điểm xuất phát từ thị trường con gấu (suy thoái), do đó sóng 1 ít khi được nhận biết ngay từ đầu. Lúc này thông tin cơ bản về các công ty niêm ước vẫn đang là thông tin tiêu cực. Chiều hướng của thị trường trước khi sóng 1 xảy ra chủ yếu vẫn là thị trường suy thoái. Những nhà phân tích cơ bản vẫn đang tiếp tục điều chỉnh thu nhập kỳ vọng thấp xuống so với dự kiến. Khối lượng giao dịch có tăng chút ít theo chiều hướng giá tăng. Tuy vậy việc tăng này là không đáng kể. Do đó nhiều nhà phân tích kỹ thuật không nhận ra sự có mặt của đợt sóng số 1 này.

Sóng chủ số 2. Sóng chủ 2 sẽ điều chỉnh sóng 1, nhưng điểm thấp nhất của sóng 2 không bao giờ vượt qua điểm xuất phát đầu tiên của sóng 1. Tin tức dành cho thị trường vẫn chưa khả quan. Thị trường đi xuống ở cuối sóng 2 để thực hiện việc “kiểm tra” độ thấp của thị trường. Những người theo phái con gấu vẫn đang tin rằng thị trường con gấu vẫn đang ngự trị. Khối lượng giao dịch sẽ ít hơn đợt sóng 1. Giá sẽ được điều chỉnh giảm và thường nằm trong khoảng 0.382 đến 0.618 của mức cao nhất của sóng 1.

Sóng chủ số 3. Thông thường đây là sóng lớn nhất và mạnh mẽ nhất của xu hướng lên giá. Ngay đầu sóng 3, thị trường vẫn còn nhận những thông tin tiêu cực vì vậy có nhiều nhà kinh doanh không kịp chuẩn bị để mua vào. Khi sóng 3 đang ở lưng chừng, thị trường bắt đầu nhận những thông tin cơ bản tích cực và những nhà phân tích cơ bản bắt đầu điều chỉnh thu nhập kỳ vọng. Mặc dù có những đợt điều chỉnh nhỏ nhỏ trong lòng của sóng 3, giá của sóng 3 tăng lên với tốc độ khá nhanh. Điểm cao nhất của sóng 3 thường cao hơn điểm cao nhất của sóng 1 với tỷ lệ 1,618:1

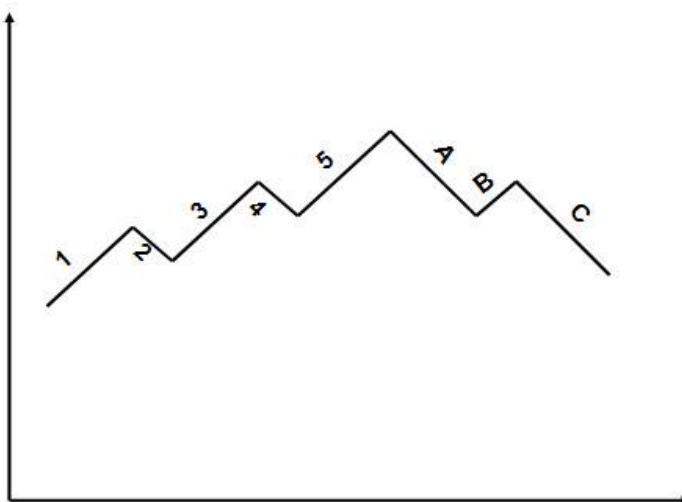
Sóng chủ số 4. Đây thật sự là một con sóng điều chỉnh. Giá có khuynh hướng đi xuống và đôi khi có thể răng cưa kéo dài. Sóng 4 thường sẽ điều chỉnh sóng 3 với mức 0.382 – 0.618 của sóng 3. Khối lượng giao dịch của sóng 4 thấp hơn của sóng 3. Đây là thời điểm để mua vào nếu như nhà kinh doanh nhận biết được tiềm năng tiếp diễn liên tiếp của con sóng 5. Tuy vậy việc nhận biết điểm dừng của sóng 4 là một trong những khó khăn của các nhà phân tích kỹ thuật trường phái sóng Elliot.

Sóng chủ số 5. Đây là đợt sóng cuối cùng của 5 con sóng “chủ”. Thông tin tích cực tràn lan khắp thị trường và ai cũng tin rằng thị trường đang ở trong thể bò húc. Khối lượng giao dịch của sóng 5 khá lớn, tuy vậy thông thường vẫn nhỏ hơn sóng 3. Điều đáng nói là những nhà kinh doanh “không chuyên nghiệp” thường mua vào ở những điểm gần cuối sóng 5. Vào cuối con sóng 5, thị trường nhanh chóng chuyển hướng.

Sóng điều chỉnh A. Sóng này bắt đầu cho đợt sóng điều chỉnh A,B,C. Trong thời gian diễn ra sóng A, thông tin cơ bản vẫn đang rất lạc quan. Mặc dù giá xuống, nhưng phần đông các nhà kinh doanh vẫn cho rằng thị trường đang trong thể bò húc. Khối lượng giao dịch tăng trưởng khá đều đặn theo con sóng A.

Sóng điều chỉnh B. Giá tăng trở lại và với mức cao hơn so với điểm cuối sóng A. Sóng B được xem là điểm kéo dài của thị trường bò húc. Đối với những người theo trường phái phân tích kỹ thuật cổ điển, điểm B chính là vai phải của đồ thị Đầu và Vai ngược. Khối lượng giao dịch của sóng B thường thấp hơn của sóng A. Vào lúc này, những thông tin cơ bản của các công ty không có những điểm tích cực mới, thế nhưng cũng chưa chuyển hẳn qua tiêu cực.

Sóng điều chỉnh C. Giá có khuynh hướng giảm nhanh hơn các đợt sóng trước. Khối lượng giao dịch tăng. Hầu như tất cả mọi nhà kinh doanh, đầu tư đều nhận thấy rõ sự ngượng ngùng của “gấu ngủ” trên thị trường, chậm nhất là trong đợt sóng nhỏ thứ 3 của sóng C. Sóng C thường lớn như sóng A. Điểm thấp nhất của sóng C ít nhất bằng điểm thấp nhất của sóng A nhân với 1.618.



Thay cho lời kết:

Tuy Lý thuyết sóng Elliott kết hợp với dãy số Fibonacci bị một số chỉ trích phê bình, nó vẫn được rất nhiều nhà nghiên cứu và kinh doanh các sản phẩm tài chính cổ vũ và sử dụng trong việc phân tích giá. Và ngày nó càng trở nên phổ biến vì sự chính xác đôi khi đến bất ngờ của nó. Trong hội thảo đầu tư tài chính châu Á, ngày 26/7/2007 tại Thành Phố Hồ Chí Minh, ông Joe DiNapoli, một chuyên gia về kỹ thuật Fibonacci đã chứng minh rằng trong năm v ừa rồi, có hai con sóng của VNIndex đã theo đúng các con số Fibonacci. Dĩ nhiên chúng ta có thể tìm ra thêm nhiều chứng cứ xác thực của VNIndex cho “lý thuyết sóng Elliott kết hợp với Fibonacci”. Điều đó cũng giống như nhiều dụng cụ phân tích kỹ thuật khác: khá chính xác khi chứng minh quá khứ, nhưng chính xác “vừa phải” khi dự đoán tương lai. Do đó khi sử dụng lý thuyết trên cũng như bất cứ phương pháp/dụng cụ phân tích kỹ thuật nào khác, chúng ta phải hết sức thận trọng, sáng suốt và quan trọng hơn hết là chuẩn bị chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định.

Phân tích kỹ thuật Metastock P1

Metastock là một phần mềm phân tích kỹ thuật khá phổ biến. Ngoài việc cung cấp công cụ phân tích kỹ thuật thông qua các biểu đồ, chỉ số v.v, Metastock cho phép người sử dụng kết nối dữ liệu Online, thực hiện lệnh mua và bán chứng khoán tự động (nếu công ty môi giới có hạ tầng kỹ thuật cho phép điều này) và nhiều chức năng khác. Nhiều phần mềm phân tích chứng khoán khác cũng rất phổ biến và có những tính năng riêng, ví dụ thực hiện marketing scanning (lọc ra một số chứng khoán đáp ứng tiêu chí nhất định), đưa ra một vài loại biểu đồ “độc quyền”. Ngược lại, lợi thế của Metastock là giao diện đơn giản, dễ sử dụng, phù hợp với mọi thị trường, và đặc biệt có công cụ Metastock Formula Language (một dạng như công thức của Excel), cho phép tạo ra những tính năng cao cấp tùy nhu cầu của người sử dụng. Chính vì thế có rất nhiều những sản phẩm được tạo ra để gắn vào Metastock (gọi là plug-ins), ví dụ các công cụ phân tích của các công ty như Profitunity, PS, Robert Deel v.v. Nói chung là Metastock phù hợp với mọi trình độ phân tích kỹ thuật.

Phần 1: Cài đặt: Cài đặt phiên bản MS Professional 8.0 (có thể mua đĩa ở ngoài) là phù hợp đối với thị trường Việt Nam rồi, không nhất thiết phải download phiên bản mới hơn (9.0) cho mất công.

Phần 2: Sau khi cài đặt: The Downloader dùng để xử lý data (tải, nhập, chỉnh sửa, copy, xoá, sắp xếp v.v), còn Metastock Professional dùng để thực hiện phân tích kỹ thuật trên dữ liệu của The Downloader.

Giao diện và cách sử dụng: Nếu ai đã từng sử dụng MS Word, MS Excel hoặc Powerpoint sẽ thấy sự tương đồng giữa hai ứng dụng trên đây và Metastock. Metastock và The Downloader nút shortcut tương tự (về hình dạng và chức năng) như các phần mềm Office, như New, Open, Save, Print, Undo, Redo v.v. Ngoài ra có những nút khác của riêng Metastock mà tôi sẽ nói kỹ hơn ở phần sau.

Đặc biệt, Metastock cho phép các thao tác: double-click (kích đúp chuột), righ-click (kích chuột phải), drag-and-drop (kích và rê chuột), context sensitive help (trợ giúp tùy theo từng tình huống) hoàn toàn tương tự như khi sử dụng Word, Excel hay Powerpoint, vì thế khi các bạn lúng túng với một chức năng hay object nào đó, chỉ cần nhớ right-click, double-click hoặc click vào biểu tượng Help hoặc dấu hỏi bên cạnh mũi tên là có câu trả lời.

Phần 3: Dữ liệu sử dụng cho Metastock

Trước khi đi sâu tìm hiểu cách sử dụng Metastock, tôi sẽ nói sơ qua về dữ liệu sử dụng để phân tích bằng Metastock. Metastock sử dụng dữ liệu Online (được cung cấp qua Internet, có thể ở dạng Real time nghĩa là ngay lập tức, hoặc có độ trễ nhất định tùy nhà cung cấp), hoặc dữ liệu Local (do mình tự load vào máy). Ở đây xin giới hạn đến bối cảnh của TTCK Việt Nam là phải dùng Local data, và nguồn dữ liệu hiện có duy nhất theo tôi biết hiện nay là từ website của BSC. Các bạn truy cập vào trang web www.bsc.com.vn, sau đó chọn Giá thống kê / Download Price và tải file dữ liệu về máy tính.

Dữ liệu của BSC có dưới dạng file .dat theo từng ngày, tên file là StockDay hoặc MarketDay, hoặc toàn bộ dữ liệu từ đầu đến một ngày nào đó (BSC thường gom toàn bộ dữ liệu 1-2 lần một tháng), tên file là StockData hoặc MarketData (lưu ý phân biệt chữ Day hoặc Data trong tên file).

File StockDay hoặc StockData chứa dữ liệu từng chứng khoán, còn file MarketDay hoặc MarketData chứa dữ liệu của chỉ số VNINDEX.

Dữ liệu trong file được chứa thành từng record (từng hàng), mỗi record cho một ngày cho một chứng khoán và có các thông tin sau:

Ticker,Date,Open,High,Low,Close,Volume
(Mã chứng khoán, Ngày, Giá mở cửa, Giá cao, Giá thấp, Giá đóng cửa, Khối lượng GD)

Dữ liệu Date được quy ước theo dạng mm/dd/yyyy (tháng/ngày/năm). Trình tự sắp xếp trên đây và quy ước dữ liệu Date này cũng chính là mặc định về quy ước sắp xếp dữ liệu nguồn dạng ASCII sử dụng cho Metastock. Khi các bạn tự tạo ra dữ liệu bằng tay (giả sử là Excel, ví dụ để xây dựng chỉ số Advance-Decline Line, các bạn phải tự tạo dữ liệu về số lượng chứng khoán giảm giá trong ngày, số lượng chứng khoán tăng giá trong ngày v.v là những dữ liệu không được cung cấp sẵn) thì cũng phải tuân theo những quy ước về dữ liệu nguồn phù hợp với từng dạng file (Excel, Quattro, ASCII). Tôi không đi sâu vào chi tiết, trong phạm vi của phần này dữ liệu của BSC đã phù hợp với mục đích của Metastock rồi.

Về lý thuyết, đối với một file dữ liệu dùng để nhập vào, Metastock chỉ cần 2 trường là Date và Close (nếu nhập dữ liệu vào một chứng khoán đã có sẵn thì không cần Ticker, nếu không có ticker và chưa có chứng khoán thì Metastock tự tạo và hỏi mình đặt tên). Tuy nhiên vì Metastock lưu dữ liệu theo 6 trường (fields): Ticker, Date, Open, High, Low, Close, Volume và Open Interest, nên những trường không có sẽ bị gán giá trị = 0, các bạn nên lưu ý trường hợp này.

Open Interest là một thông tin quan trọng cho phân tích kỹ thuật, tuy nhiên nó liên quan đến Options (quyền mua / quyền bán) vốn chưa có trên TTCK Việt Nam, chứ nó không phải là khối lượng dư mua hay dư bán sau mỗi phiên như một số người lầm tưởng. Vì vậy chúng ta có thể bỏ qua Open Interest.

Lưu ý quan trọng: sau này khi sử dụng tốt Metastock, các bạn cần kiểm tra (Test) dữ liệu vì dữ liệu của BSC có nhiều chỗ sai. TTCK Việt Nam lấy giá Open là giá Close của hôm trước, với phương thức khớp lệnh theo phiên như hiện nay giá Open có thể không nằm trong khoảng High – Low. Bên cạnh đó BSC thường nhập lộn giá trị của High – Low – Close (nhất là của VNINDEX) nên đôi khi thấy High nhỏ hơn Low, hoặc Close lớn hơn High v.v. Ngoài ra, khi trong một ngày chứng

khoán X không có giao dịch, BSC sẽ quy giá trị của High = Low = Close = Volume = 0, điều này không đúng (chỉ có volume = 0 thôi, còn Close nên lấy bằng Open nếu không có giao dịch, nếu quy tất cả về zero thì sẽ làm biểu đồ giá bị tụt xuống dưới, tất cả các chỉ số khác bị sai lệch). Tôi sẽ nói kỹ hơn về cách Test dữ liệu ở phần sau

Phần 4: Nhập dữ liệu cho Metastock

Chúng ta đã có ý tưởng sơ qua về loại dữ liệu sử dụng cho Metastock, và chúng ta cũng tạm hài lòng với những gì BSC cung cấp. Trước khi tìm hiểu kỹ hơn, tôi sẽ nói về cách nhập dữ liệu của BSC vào Metastock. Các bạn sử dụng những nguồn dữ liệu khác nếu chưa rành có thể liên lạc với tôi để biết cụ thể hơn.

Trong website của BSC cũng có hướng dẫn cách nhập dữ liệu vào Metastock thông qua công cụ Convert. Ở đây tôi xin hướng dẫn vắn tắt:

Trước hết các bạn hãy lưu file dữ liệu của BSC vào một thư mục nào đó. Bất kỳ thư mục nào trên máy tính cũng được, đặt tên thư mục là gì cũng được. Đây là thư mục chứa file nguồn, giả sử tôi đặt tại My Documents / DataCK. Giả sử chúng ta có các file dữ liệu của toàn bộ chứng khoán tải từ www.bsc.com.vn tính đến ngày 1/12/2006, đặt tên file là StockData1.12, và dữ liệu của VNINDEX tính đến 1/12/2006, đặt tên file là MarketData1.12.

Khi cài đặt Metastock thì phần mềm sẽ tự động tạo ra thư mục Metastock Data trong ổ C: trong đó có folder Sample chứa các dữ liệu mẫu kèm theo Metastock. Chúng ta sẽ tạo thư mục BSC Data bên trong thư mục Metastock Data để chứa các file dữ liệu Metastock sau khi chúng đã được Convert từ dạng file .dat của BSC qua dạng file của Metastock. Tương tự như trên, chúng ta mở thư mục ở đâu cũng được, đặt tên gì cũng được. Đặt ở thư mục này chỉ là cho tiện thôi.

Sau đó các bạn mở *The Downloader*, chọn Convert (từ menu Tools / Convert hoặc ấn nút Convert hình 2 cái vali có mũi tên trên Toolbar). Dưới đây là phần Convert dữ liệu các chứng khoán. Cách convert dữ liệu VNINDEX làm tương tự.

Trong cửa sổ *Convert Securities*, phần Source, chọn File type là ASCII Text. Chọn nút Browse để mở file StockData1.12 trong thư mục chứa file nguồn (My Documents / DataCK / StockData1.12).

Trong phần *Destination*, chọn File type là Metastock. Chọn Browse, sẽ hiện ra cửa sổ Save, chúng ta chọn thư mục C: / Metastock Data / BSC Data, sau đó chọn Save. Không cần quan tâm đến nút "Security" trong cửa sổ Save.

Bây giờ trong cửa sổ Convert Securities các bạn hãy vào Options, các mục khác cứ để như mặc định (trong cửa sổ Source không cần điền vào Date Range, không cần thay đổi Message Limits, Periodicity để Daily, trong cửa sổ Destination chọn Append data to end of file, Replace matching dates, Create new files, chọn cả Include Open & Open Interest để có dữ liệu giá mở cửa, còn Open Interest như tôi nói ở trên chúng ta không cần quan tâm).

Lưu ý: các bạn nên chọn Traverse Source Folder và bỏ chọn Traverse Destination Folder, tôi không giải thích kỹ phần này, tuy nhiên làm như vậy sẽ tạo tất cả các file dữ liệu Metastock trong cùng một folder thay vì mỗi file (cho mỗi chứng khoán) trong 1 folder riêng. Việc này có những ích lợi nhất định mà tôi sẽ nói ở phần sau.

Sau khi đã đặt các tùy chọn như trên, nhấn OK để thực hiện việc chuyển đổi dữ liệu. Nếu nhập toàn bộ dữ liệu từ đầu có thể sẽ mất khá nhiều thời gian. Khi hoàn tất việc convert dữ liệu sẽ hiện ra Conversion Report. Tác dụng của conversion report là cho chúng ta biết việc convert dữ liệu có trọn vẹn hay không, có bị lỗi hay không. Có ba biểu tượng: dấu X màu đỏ biểu thị các records bị lỗi (ví dụ lỗi High < Low hoặc Close > High), dấu tam giác vàng biểu thị warnings (ví dụ có thay đổi quá lớn từ High – Close), dấu tick màu xanh biểu thị mọi thứ OK. Thông thường dấu tick màu xanh sẽ xuất hiện bên trái cạnh mỗi mã chứng khoán được convert, ngoài ra phía sát lề phải giả sử có số 1 xuất hiện ở cột tương ứng với dấu X màu đỏ, nghĩa là dữ liệu của mã chứng khoán đó đã được convert, tuy nhiên bị errors.

Bảng conversion report có tác dụng trong những trường hợp việc convert dữ liệu vì một lý do gì đó mà không trọn vẹn (ví dụ thường xảy ra khi convert dữ liệu Excel qua Metastock nhưng định dạng file không đúng cách). Khi đó nếu kích đúp vào mỗi mã chứng khoán, ta sẽ biết Metastock đã xử lý như thế nào: có thể đã không thực hiện (xuất hiện số 0), hoặc được convert nhưng một số record bị discarded (không được convert). Khi đó cần xem lại quá trình convert, file dùng để convert và phải thực hiện lại thao tác Convert Securities.

Như vậy là chúng ta đã có dữ liệu để phân tích. Từ đây về sau, hàng ngày bạn có thể tải dữ liệu từ website của BSC vào và thực hiện Convert tương tự như trên, giữ nguyên tất cả những tùy chọn trong mục Options.

Phần 5: Tìm hiểu các menu của The Downloader

Sau đây tôi trình bày về các menu của The Downloader. Mỗi khi chọn một chức năng nhất định, một cửa sổ sẽ hiện ra, tôi xin không đi chi tiết vào tất cả các nút trong mỗi cửa sổ. Các bạn có thể đặt câu hỏi trong topic này hoặc gặp tôi tại địa chỉ Trà Quán Padme ở bài đầu tiên, tôi sẽ giải thích thêm. Ngoài ra cũng xin nhắc lại là Metastock có chức năng Context Sensitive Help, trong mỗi cửa sổ sẽ có nút Help giải thích chi tiết chức năng của mỗi nút trong từng cửa sổ, các bạn có thể click vào đó để tìm hiểu.

The Downloader / File:

Trong mục File có chức năng New để tạo một chứng khoán mới (chưa có dữ liệu), Open để mở một chứng khoán hiện có, Print để in. Thông thường khi các bạn có dữ liệu, ví dụ của BSC (www.bsc.com.vn) hoặc dữ liệu các bạn tự tạo qua Excel và chuyển dữ liệu đó thành dữ liệu của Metastock thì các chứng khoán sẽ được tự động tạo ra trong quá trình nhập dữ liệu, vì vậy các bạn không cần quan tâm lắm đến chức năng New.

Trong File / New có hai lựa chọn: Security hoặc Composite. File / New / Security nghĩa là tạo ra một chứng khoán “gốc”, nghĩa là chứng khoán “thật” để nạp dữ liệu của chứng khoán đó vào phân tích. Ví dụ tôi tạo ra chứng khoán GMD và nạp dữ liệu của GMD vào (như tôi nói ở trên, nếu các bạn đã có sẵn data của GMD và trong dữ liệu của GMD có ticker thì khi nhập data của GMD vào Metastock bằng chức năng Convert, chứng khoán GMD sẽ tự động được tạo ra).

File / New / Composite dùng để tạo ra một chứng khoán (đúng ra cứ gọi nó là Composite cho khỏi lộn) bằng cách kết hợp 2 chứng khoán khác thông qua các phép toán cộng, trừ, nhân, chia. Ví dụ: tôi muốn biết GMD tăng trưởng so với toàn bộ thị trường như thế nào, tôi sẽ lấy GMD chia cho VNINDEX và theo dõi hiệu số này qua thời gian. Như vậy tôi sẽ tạo ra một Composite bằng GMD / VNINDEX.

File / New / Open dùng để mở dữ liệu của một chứng khoán. Dữ liệu của chứng khoán trong Metastock như đã nói ở trên gồm có các trường Ticker, Date, Open, High, Low, Close, Volume và Open Interest, và được lưu trữ dưới dạng datasheet (một dạng như bảng tính Excel).

Trong Downloader / File, mỗi khi mở dữ liệu một chứng khoán dưới dạng datasheet sẽ có các chức năng khác như Close, Save, Page Setup, Print v.v cũng tương tự như các phần mềm Office, tôi không đi sâu vào chi tiết.

Bây giờ giả sử các bạn hãy mở dữ liệu của GMD (sau khi đã qua phần convert dữ liệu của BSC thành dữ liệu Metastock mà tôi trình bày ở trên). Chọn File / Open hoặc ấn vào nút Open trên thanh công cụ. Cửa sổ Open sẽ hiện ra, bạn chọn GMD trong danh sách các mã chứng khoán hoặc gõ vào GMD ở ô Security. Lưu ý là nếu convert data của BSC theo cách ở trên và không làm thêm thao tác gì khác thì tên chứng khoán (Name) và mã chứng khoán (Symbol) là giống nhau, ví dụ đều là GMD – GMD chứ không phải là Gemadpet – GMD. Click vào Open và datasheet của GMD sẽ hiện ra.

Phần 6: Tìm hiểu các menu của The Downloader (tiếp)

Chào mừng các bạn trở lại. Chúng ta đã mở datasheet của GMD. Phần trên của datasheet là các thông tin chung về chứng khoán GMD, các bạn có thể đổi symbol, đổi tên, nhập lại First date là ngày tương ứng với record đầu tiên, chỉnh lại đơn vị tính, có các cột Open và Open Interest hay không. Sau khi các bạn sửa những thông tin đó thì datasheet sẽ được tự động thay đổi theo. Để lưu lại những thay đổi các bạn có thể nhấn Ctrl + S, hoặc vào File / Save, hoặc click vào biểu tượng Save trên thanh công cụ. Nếu không làm vậy, khi đóng datasheet lại, Downloader cũng sẽ có câu hỏi có lưu lại những thay đổi không.

Downloader / Edit

Phần dưới của datasheet tương tự như bảng tính Excel, trong đó có các cột là các trường (fields), có các ô (cells), mỗi hàng là một record tương ứng với một ngày. Trong menu Edit có các chức năng cho phép xử lý các cells như: Cut, Copy,

Paste, Clear. Ngoài ra có chức năng tìm ngày (Find date), ví dụ sau này các bạn Test dữ liệu và thấy trong quá khứ có những record bị lỗi, cần sửa lại thì sẽ dùng chức năng Find date để tìm record đó; chức năng chèn thêm dòng (insert row), xoá dòng (delete row). Tất cả các chức năng trong menu Edit thao tác hoàn toàn giống như Excel, kể cả phím tắt cũng tương tự (Ctrl + C là copy, Ctrl + X là Cut, Ctrl + V là paste v.v).

Thông thường chức năng Edit được sử dụng để chỉnh sửa trực tiếp trên datasheet các dữ liệu của BSC (bị lỗi khá nhiều). Nếu đối với một chứng khoán số lỗi ít thì có thể sửa tay trên datasheet, còn nếu lỗi nhiều (ví dụ VNINDEX như tôi nói ở trên) thì có thể phải chuyển data từ dạng file .dat của BSC hoặc từ dạng file của Metastock qua Excel, sau đó chỉnh sửa dữ liệu tự động trên Excel rồi convert trở lại Metastock.

Khi các bạn di chuyển con trỏ trong các cells của datasheet, nếu một record có lỗi thì sẽ bị báo lỗi, ví dụ VNINDEX thường xuyên bị báo lỗi “The High-Low-Close relationship for <date> is unusual. Do you want to edit this record?”. Lý do như đã nói, có thể do nhập lộn giá trị của High và Low.

Downloader / View

Trong menu View không có gì đặc biệt. “Last Conversion Report” dùng để xem kết quả của lần convert data cuối cùng (bài trước đã nói kỹ về conversion report).

Downloader / Tools

Đây là menu quan trọng nhất cho việc xử lý dữ liệu của Downloader. Chúng ta đã biết chức năng Convert (các bạn muốn tìm hiểu cách convert các dạng file khác có thể đọc thêm trong phần Help, giải thích khá chi tiết, hoặc trao đổi thêm với tôi). Sau đây tôi sẽ nói về chức năng Test, và các chức năng khác.

Chức năng Test cũng khá đơn giản. Các bạn chọn Tools / Test hoặc click vào icon Test trên thanh công cụ (biểu tượng một hình chữ nhật có dấu tick). Cửa sổ Test Securities sẽ hiện ra. Nút Browse để bạn vào thư mục nơi chứa các file data Metastock. Bạn chọn các Securities để test xem dữ liệu có vấn đề không. Để chọn toàn bộ các Securities có thể chọn 1 security bất kỳ, sau đó nhấn Ctrl+A (y chang Word hay Excel!). Để chọn 1 loạt securities liền nhau, sử dụng phím Shift + mũi tên. Để chọn 1 số securities riêng lẻ, nhấn giữ Ctrl trong khi chọn. Trước khi Test, các bạn hãy vào Options. Trong cửa sổ Options sẽ có một số lựa chọn: Các loại lỗi nào bạn muốn kiểm tra xem dữ liệu bị lỗi. Có thể chọn tất cả các loại lỗi, tuy vậy vì thị trường CKVN giao dịch theo phiên, lấy giá Close hôm trước làm giá Open hôm sau nên hay bị lỗi 1100 “Open outside of High-Low range”, đây là một lỗi đối với Metastock nhưng không phải là một lỗi đối với TTCKVN nên cần bỏ chọn lỗi 1100 – nếu không số lượng lỗi báo quá nhiều, khó theo dõi và khi số lỗi vượt qua ngưỡng Maximum errors mà mình đặt ở dưới thì sẽ ngưng lại, các lỗi sau đó không được report.

Bên dưới, chọn Show securities with errors only, không chọn Strict test, đặt Maximum errors khoảng 3000 chẳng hạn. Sau đó OK và quay trở lại cửa sổ Test Securities. Nhấn Test để thực hiện việc kiểm tra dữ liệu, sau đó Test Report sẽ hiện ra báo cho các bạn biết mỗi chứng khoán bị những lỗi gì.

Kinh nghiệm của tôi là lỗi bị nhiều ở VNINDEX, và bị ở cả những record gần nhất nên phải được sửa lại. Còn các chứng khoán khác bị nhiều ở những records của các năm trước nên bỏ qua cũng không sao (trừ khi bạn muốn chạy backtesting một trading system nào đó và cần sử dụng dữ liệu của toàn bộ quá khứ).

Phần 7: Tìm hiểu các menu của The Downloader (tiếp)

Tools / Adjust : chức năng này dùng để điều chỉnh dữ liệu (chỉnh ngày Start lui về trước để bổ sung thêm dữ liệu quá khứ, chỉnh dữ liệu của một chứng khoán bằng cách cộng trừ nhân chia với một giá trị nào đó, chỉnh Start / End time của dữ liệu trong ngày – intraday data). Trong phạm vi của bài viết này tôi không đi sâu vào chi tiết vì không cần thiết.

Tools / Copy, Delete : khác với các lệnh Copy / Delete trong menu Edit dùng để copy hoặc delete dữ liệu của các cells hoặc các records trong một datasheet của một chứng khoán nào đó đang được mở, các lệnh Copy / Delete trong menu Tools dùng để copy toàn bộ một file dữ liệu của một chứng khoán (từ folder này qua folder khác hoặc trong cùng một folder), delete (xoá) một chứng khoán hoặc xoá toàn bộ data của một chứng khoán.

Tools / Merge : chức năng này dùng để gộp dữ liệu của 2 chứng khoán (lưu ý là dữ liệu của mỗi chứng khoán đều được tổ chức dưới dạng datasheet với 7 cột: Date, Open, High, Low, Close, Volume, Open Interest, các records được phân biệt với nhau bởi giá trị Date). Sử dụng chức năng này ví dụ khi data của cùng một loại chứng khoán được chứa ở 2 file khác nhau, file thứ nhất chứa data từ 2000 đến 2003, file thứ hai từ 2003 đến nay. Khi đó thực hiện thao tác merge dữ liệu từ file nguồn (file 1) qua file đích (file 2) để có được một file đầy đủ dữ liệu từ 2000 đến nay. Sử dụng file nào làm file nguồn, file nào làm file đích cũng được. Chức năng này ít dùng nên tôi cũng không đi vào chi tiết.

Tools / Sort : chức năng này dùng để sắp xếp dữ liệu của một chứng khoán (Sort Data) theo trình tự tăng giảm dần về thời gian và loại bỏ những records trùng trong datasheet của chứng khoán đó, hoặc sắp xếp thứ tự lưu và xuất hiện các file chứng khoán theo thứ tự abc (Sort Securities). Thông thường các chứng khoán mới nhất sẽ đứng ở cuối danh sách, chứng khoán lâu nhất đứng ở đầu (đây là cách sắp xếp ngầm định theo Start Date của Metastock).

Ngoài ra menu Tools còn có các chức năng khác để tải dữ liệu online (download, vendor options v.v) ít sử dụng nếu chỉ dùng data của BSC.

Phân tích kỹ thuật Metastock P2

Phần 8: Tìm hiểu giao diện của Metastock

Các phần trước tôi đã nói sơ về việc sử dụng The Downloader và các thao tác trên dữ liệu. Ngoài những chức năng đã đề cập, khi mở datasheet của một chứng khoán, trên hàng menu sẽ có thêm menu Adjust (không phải chức năng Adjust trong menu Tools) sử dụng để điều chỉnh dữ liệu khi có các nghiệp vụ tách, gộp cổ phiếu. Tuy nhiên, quan trọng nhất trong The Downloader vẫn là 2 chức năng Convert và Test trong menu Tools mà các bạn mới tìm hiểu nên nắm rõ. Ngoài ra, các bạn cũng đừng quên chức năng Context Sensitive Help của The Downloader.

Bây giờ các bạn có thể mở *Metastock (offline mode)*. Giả sử các bạn cài đặt bình thường và chưa có bất kỳ thay đổi nào đối với giao diện Metastock, thì màn hình Metastock sẽ có những phần sau đây (khi chưa mở chart của bất kỳ chứng khoán nào).

Bên dưới hàng Menu (File, View, Tool, Help) đầu tiên là thanh công cụ chuẩn (Standard Toolbar) gồm có lần lượt các nút: New, Open, Save, Print, Print Preview, Copy, Paste, Undo (Redo) với hình dáng và chức năng hoàn toàn giống như các nút tương tự của các phần mềm Office. Tiếp theo cũng trong Standard Toolbar còn có các nút lần lượt từ trái qua phải như sau:

Data Window : khi chọn nút này sẽ hiện lên một cửa sổ có dữ liệu tương ứng với các điểm trên đồ thị đang mở trên màn hình, tùy theo vị trí của con trỏ.

Zoom box : dùng để phóng lớn một đoạn biểu đồ nào đó. Để sử dụng nút này, các bạn hãy nhớ thao tác drag-and-drop mà tôi nhấn mạnh ở những bài đầu tiên. Click vào biểu tượng Zoom box, sau đó chọn vị trí trên biểu đồ, giữ và rê chuột. Để quay trở về trạng thái như cũ, chúng ta sử dụng nút Zoom Reset ở góc phải phía dưới màn hình mà tôi sẽ nói ở dưới đây.

Cạnh nút Zoom box là *Indicator QuickList*: nơi đây có tất cả các chỉ số (indicator) của Metastock cũng như các chỉ số plug-in (do các công ty tạo ra gắn kèm với Metastock), hoặc chỉ số customized do người sử dụng tự tạo ra. Để vẽ biểu đồ cho một chỉ số, có thể sử dụng chức năng Tool / Insert, hoặc chọn chỉ số trong Indicator QuickList, giữ và rê chuột đến nơi định vẽ biểu đồ cho chỉ số đó (thao tác drag-and-drop mà tôi đã nói ở trên). Tất nhiên còn nhiều chi tiết khác khi vẽ biểu đồ cho chỉ số (plotting an indicator) mà tôi sẽ nói kỹ hơn sau, ví dụ như xây dựng chỉ số cho cái gì, cho chứng khoán (base security) hay chỉ số của một chỉ số khác v.v.

Kế bên *Indicator QuickList* là một loạt các chức năng quan trọng và tương đối cao cấp của Metastock, để hiểu các chức năng này cần có kiến thức về Metastock Formula Language (tôi sẽ dần dần trình bày sau). Các chức năng này gồm:

The Downloader : đã nói ở phần trước

Expert Advisor : đưa ra những phân tích, nhận định cho từng biểu đồ (ví dụ bạn vẽ đường MACD, nếu bật chức năng Expert Advisor của MACD thì màn hình sẽ hiện ra những vùng xanh đỏ, vùng xanh là ám chỉ MACD đang bullish (xu hướng tăng giá), vùng đỏ là bearish (xu hướng giảm giá), cung cấp commentary (MACD hiện tại đang ra sao), khi có một signal (dấu hiệu mua hoặc bán) thì thông báo có thể hiện lên màn hình hoặc gửi đến email (tất nhiên mọi người sử dụng bản crack thì không thể thực hiện chức năng này) v.v

Indicator Builder : cho phép xây dựng các chỉ số tùy theo cách phân tích của người sử dụng. Ví dụ chỉ số MACD sử dụng trong Metastock được xây dựng từ 2 đường trung bình trượt với những trọng số nhất định gán cho 2 đường (phương pháp exponential), người sử dụng có thể tự tạo ra chỉ số MACD từ hai đường trung bình trượt do mình quy định, ví dụ 12-day và 26-day simple moving averages. Tuy nhiên số lượng các chỉ số có sẵn trong Metastock cũng tương đối đủ dùng rồi.

OptionScope : dùng để phân tích các hợp đồng quyền mua/ quyền bán (options) hoặc hợp đồng kỳ hạn (futures), hiện chưa có ở thị trường CKVN.

Enhanced System Tester : cho phép thiết lập các trading systems theo phương pháp PTKT thuần túy. Ví dụ thay vì bạn phân tích và mua/ bán chứng khoán GMD tùy theo tình hình thị trường mà bạn theo dõi hàng ngày, bạn sẽ thiết lập một hệ thống tự động mua (hoặc cung cấp dấu hiệu mua – buy signal) mỗi khi đường MACD của GMD từ dưới vượt lên trên đường trung bình trượt 9 ngày của nó (trigger line), và tự động bán (hoặc cung cấp dấu hiệu bán – sell signal) khi nó đi từ trên xuống dưới qua đường trigger line. Ngoài ra, có thể sử dụng chức năng này để kiểm chứng xem một chỉ số mình sử dụng đã được thiết lập phù hợp chưa, ví dụ bạn bán khoán không biết nên sử dụng đường MA 20 ngày hay 30 ngày, có thể backtesting một mô hình trading dựa trên đường MA 20 ngày, và một mô hình dựa trên đường MA 30 ngày. Mô hình nào tốt hơn sẽ cho câu trả lời nên lựa chọn 20 ngày hay 30 ngày.

The Explorer : đây là chức năng cho phép lọc ra các chứng khoán đáp ứng những tiêu chuẩn nào đó và cung cấp các chứng khoán đó theo một danh sách, kèm thêm một số giá trị mình chọn. Ví dụ: cứ cuối tuần, bạn lọc ra các chứng khoán tăng giá trong 3 ngày liên tiếp, hiện các chứng khoán này thành một danh sách trong đó có các cột tên CK, mức giá trong từng ngày, thay đổi về giá v.v.

Các nút khác có trên thanh Standard Toolbar là Metastock Community (chỉ có ở phiên bản cao hơn 8.0) để kết nối với các website/ forum liên quan đến Metastock, và nút Context Sensitive Help (hình mũi tên+dấu hỏi). Khi bạn không hiểu một biểu tượng trên màn hình có ý nghĩa gì, chỉ việc click vào nút Context Sensitive Help, và click vào biểu tượng muốn tìm hiểu.

Sau đây là sơ lược về các toolbar khác:

Kế bên *Standard Toolbar* (cạnh biểu tượng Context Sensitive Help) là *Window toolbar*, cho phép sắp xếp các cửa sổ khi có nhiều cửa sổ cùng mở một lúc trên màn hình.

Dòng dưới cùng sát đáy màn hình có các toolbars: *Style*, dùng để định dạng biểu đồ các đường chỉ số (như dạng đồ thị, nếu là line thì vẽ nét liền hay nét rời v.v), độ dày của các đường (thickness). *Color*, dùng để đặt màu cho các biểu đồ. Để áp dụng *Style* hoặc *Color*, chỉ cần click trên đối tượng muốn định dạng, sau đó click trên *style* hoặc *color* mong muốn.

Tiếp theo là *Custom Toolbar*, có các biểu tượng Internet browser để truy cập các trang web của Equis (công ty tạo ra Metastock), các nút Apply Clean Template và Apply Popular Template, dùng để tạo thêm 1 biểu đồ của chứng khoán đang mở trên màn hình (gọi là “base security”), biểu đồ mới được tạo ra sẽ ở dạng Clean Template hoặc Popular Template. Các bạn sử dụng phần mềm Office cũng biết template là một định dạng có sẵn, trong Metastock, mỗi template sẽ có một định dạng về màu sắc, kiểu chart, những chỉ số nào được trình bày cùng với biểu đồ giá v.v. Clean Template chỉ thuần túy có đường biểu diễn giá của chứng khoán (dưới dạng bar), còn Popular Template ngoài đường giá theo dạng bar còn có các chỉ số RSI, Stochastic, MACD và Volume.

Kế tiếp là các biểu tượng mà khi click vào đó, màn hình sẽ trình bày Broad Layout của thị trường tiền tệ, NASDAQ và NYSE (có thể các phiên bản thấp không có những layout này). Layout hiểu nôm na là một hình thức trình bày các chart trên một màn hình, một layout có thể chứa nhiều chứng khoán (khác với template là cách triển khai biểu đồ cho 1 chứng khoán

nhất định). Broad Layout cho phép có những thông tin bao quát nhất về thị trường. Ngoài ra thuật ngữ layout cũng được sử dụng để chỉ định dạng in ấn.

Kế bên Custom Toolbar là *Trading Toolbar* với những công cụ thực hiện giao dịch trực tuyến, tôi không đi sâu vào chi tiết.

Bên phải hoặc bên trái của màn hình sẽ có các toolbar khác: Trendline, có các đường kẻ dọc, kẻ ngang, kẻ chéo để vẽ trendline. Để sử dụng các đường này, hãy nhớ nguyên tắc click-and-drop hoặc drag-and-drop. Các toolbars Line Studies, Gann, Regression, Data, Text v.v tương đối dễ thao tác, tuy nhiên việc sử dụng phụ thuộc nhiều vào kiến thức phân tích kỹ thuật nên tôi không đi vào chi tiết.

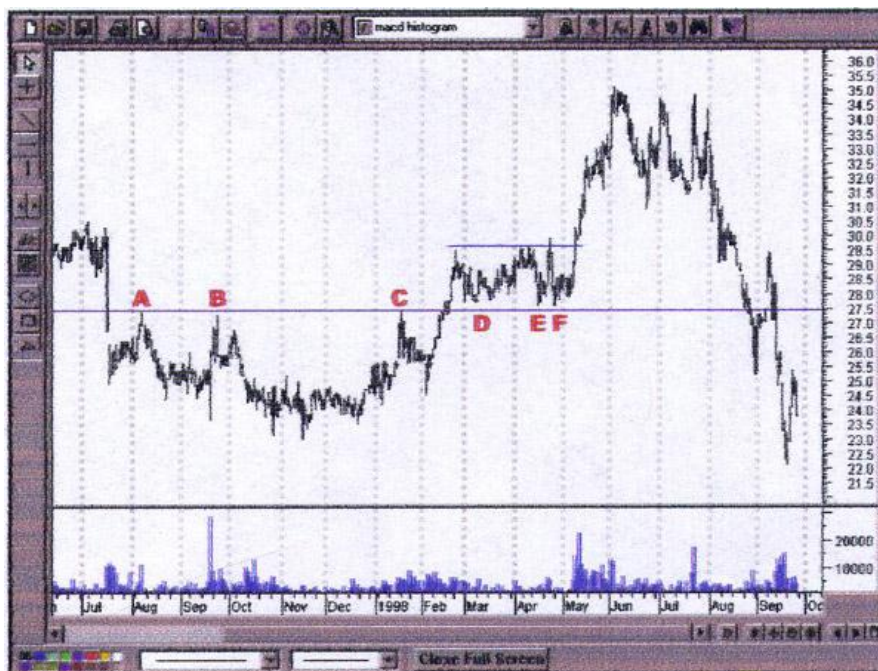
Cuối cùng, khi một biểu đồ đang được mở trên màn hình thì ngoài những toolbars ở trên, bên dưới góc phải, phía trên Trading toolbars là một số nút khác rất tiện lợi (chỉ xuất hiện khi có chart đang mở), đó là các nút sau (theo thứ tự từ trái qua):

Refresh Data, ví dụ khi các bạn sử dụng online data (dữ liệu truyền qua mạng nhưng không phải real time), click vào đây để cập nhật dữ liệu mới nhất về (nó giống như thao tác khi soạn văn bản trong Word cứ vài phút lại nhấn Ctrl+Save để lưu vậy).

Periodicity : dùng để thay đổi đơn vị thời gian (periods) để biểu diễn dữ liệu trên biểu đồ (vd dữ liệu ngày chuyển thành dữ liệu tuần, dữ liệu tuần chuyển thành dữ liệu tháng). Quy định về dữ liệu thì các bạn biết rồi, Open là giá close cuối cùng của period trước, close là giá cuối cùng của period này v.v Vì thế nếu dữ liệu ngày chuyển thành tuần thì Open là giá close của thứ 6 tuần trước, close là giá close của thứ 6 tuần này. Để thay đổi periodicity, click vào biểu tượng và chọn tương ứng. Nếu không sử dụng các periods có sẵn (ngày / tháng / năm) mà tính period theo cách riêng, ví dụ cứ 10 ngày thì tính là 1 period, thì chọn Other và chọn con số mình muốn. Cách khác để thay đổi Periodicity là right click vào trục X (trục ngang), chọn Periodicity hoặc X-axis properties (hãy nhớ nguyên tắc right click).

Kế tiếp là nút Rescale Y axis, sử dụng khi chúng ta có một số thay đổi về đơn vị trên trục tung (trục đứng) như là để maximum value quá cao, và cần điều chỉnh lại. Click vào nút này sẽ tự động chuyển trục tung về thang đo hợp lý sao cho biểu đồ trông vừa vặn.

Nút Zoom Reset, Zoom In hay Zoom Out sẽ thay đổi view của biểu đồ, biểu thị toàn bộ data để mình thấy rõ xu hướng, hay chỉ biểu thị một vài ngày gần nhất để nhìn candlesticks cho rõ hơn.



Kế đến là các nút mũi tên tới, lui dùng để di chuyển qua các chứng khoán tiếp theo (theo trình tự alphabet). Trong một bài trước tôi đã lưu ý các bạn là khi Convert dữ liệu thì nên chọn Traverse Source Folder và bỏ chọn Traverse Destination Folder, như vậy các file dữ liệu sẽ nằm trong cùng 1 folder, và sử dụng các nút này bạn có thể duyệt qua tất cả các chứng khoán.

Cuối cùng là nút *Choose Security*, click vào đây sẽ hiện ra cửa sổ chứa danh sách các chứng khoán xếp theo alphabet. Các bạn có thể chọn 1 chứng khoán bất kỳ để xem chart của nó. Tuy nhiên có một cách khác để chuyển qua một chứng khoán khác, đó là các bạn cứ gõ vào bàn phím ký tự đầu tiên liên quan đến tên (hoặc mã) chứng khoán, cửa sổ *Choose Security* cũng sẽ tự động hiện ra. Lưu ý các tính năng này chỉ có khi đang có ít nhất một chứng khoán đang được mở trên màn hình.

Lưu ý quan trọng : trong cửa sổ *Choose Security* có *Options*, trong đó có 2 tùy chọn là *Use Smartcharts* và *Use chart as template*. Tôi sẽ giải thích về smartchart sau, tuy nhiên nếu chọn *Use Smartcharts* thì chứng khoán bạn chọn sẽ được mở ra y như lần cuối cùng nó được lưu lại, còn nếu chọn *Use chart as template* thì chứng khoán bạn chọn sẽ được mở ra y như chứng khoán đang được mở trên màn hình. Tác dụng của việc này là giả sử bạn nghĩ ra một kiểu vẽ chart mà bạn ưa thích và muốn kiểu đó được áp dụng cho tất cả chart của các chứng khoán khác, bạn sẽ làm 2 cách:

Lưu kiểu chart mà bạn nghĩ ra thành một dạng template, sau đó mở chart của chứng khoán khác ra và áp dụng template đó (click chuột phải trên biểu đồ của chứng khoán, chọn *Apply template* và chọn đúng template bạn muốn).

Hoặc mở sẵn chứng khoán có kiểu chart mà bạn ưng ý, mở *Choose Security*, chọn *Options / Use chart as template*, khi đó mỗi chứng khoán tiếp theo được mở ra sẽ được quy luôn về dạng chart của chứng khoán đang mở sẵn. Bạn chỉ việc *Ctrl+Save* là xong.

Phần 12: Tạo biểu đồ

Hẳn ai cũng muốn tôi phải nói ngay vào phần này, vì ai mà không muốn “ra sản phẩm” liền để còn coi ngó xem chứng khoán đang tăng giảm thế nào, đừng còn kiểng chút cháo cho kịp! Tuy nhiên khi các bạn đã sử dụng tương đối tốt *Metastock* rồi thì sẽ thấy rằng những gì tôi trình bày ở trên, nếu không nhìn từ góc độ đầu tư mà nhìn từ góc độ sử dụng một phần mềm, là rất cần thiết để mình sử dụng sao cho tiện nhất. Ngoài ra, tin tôi đi, cuốn sách dạy *Metastock* nào cũng nói về *Metastock Formula Language* và những thứ cao siêu đại loại thế, nhưng không có cuốn nào nói kỹ về dữ liệu và giao diện như “cuốn sách” của tôi đâu.

Có ba dạng biểu thị biểu đồ (tôi cũng không biết phải dùng ngôn ngữ tiếng Việt thế nào để các bạn khỏi lẫn lộn): *Smartchart* là dạng biểu đồ mà tất cả những gì bạn tạo ra hay chỉnh sửa trên đó đều được lưu lại tức thì (được coi là những chỉnh sửa cuối cùng mà không cần nhấn *Ctrl+Save* hay chọn *Save* từ menu *File*). *Smartchart* như vậy rất tiện cho chúng ta thao tác. Tuy nhiên mỗi chứng khoán chỉ có 1 *smartchart* nhưng có thể tạo vô số chart cho chứng khoán đó. Đối với *Chart*, cần *Save* và đặt tên thì mới lưu lại được. Giả sử trên màn hình có 2 cửa sổ, một cửa sổ là *Smartchart*, một cửa sổ là *Chart* nhưng tất cả những gì được vẽ là y chang nhau, thì để phân biệt ta để ý rằng *Smartchart* sử dụng tên của chứng khoán (mã CK) làm tên *Smartchart*, còn *Chart* thì sẽ có tên bắt đầu bằng *Chart1-*, *Chart2-*, v.v trừ khi ta lưu và đặt tên khác. Ngoài *Smartchart* và *Chart*, còn có *Layout* mà tôi đã nói ở bài trước. *Smartchart* được lưu tại chính folder dùng để chứa dữ liệu của *Metastock* sau khi convert từ data của *BSC*.

Để cho tiện, từ đây về sau chúng ta sẽ ngầm hiểu rằng ta đang thao tác trên *Smartchart*. Thao tác trên *Chart* hoàn toàn tương tự (nhưng mất công hơn vì phải *Save*).

Bây giờ hãy mở biểu đồ của một chứng khoán nào đó, giả sử là *AGF*. Click vào biểu tượng *Open* trên thanh công cụ hoặc *File / Open*. Trong cửa sổ *Open*, phần *Files of Type* cần chắc chắn là *Smartchart*.

Nếu bạn chọn một CK trong danh sách và click *Open* thì *Smartchart* của *AGF* sẽ được mở. *Smartchart* này tương ứng với những thay đổi lần cuối cùng mà bạn áp dụng đối với *AGF*. Nếu bạn chưa từng mở *AGF*, thì *Smartchart* của *AGF* sẽ tự động được tạo ra theo *Default template* (tôi đã giải thích template ở bài trước rồi). Nếu bạn muốn mở theo một template

khác thì trước hết bôi đen AGF, sau đó cạnh nút Open có một mũi tên nhỏ, click vào đó chọn Open with template, chọn template muốn áp dụng và OK.

Đây là cách mà tôi làm: tôi không quá phức tạp chuyện phân tích kỹ thuật, chỉ cần tạo Smartchart cho mỗi chứng khoán là đủ chứ không cần tạo nhiều Chart để phân tích nhiều góc độ khác nhau. Trong Smartchart, ngoài đường giá, tôi sẽ đưa vào Volume, Bollinger Band, MACD, Stochastic và CMF và chỉ sử dụng những thông số này cho mọi chứng khoán. Do đó tôi sẽ tạo smartchart cho một chứng khoán theo đúng ý mình gồm những thông số trên, và định dạng màu sắc sao cho dễ theo dõi. Sau đó chuyển dạng smartchart này thành default template bằng cách right click trên chart và chọn Save as Default Template. Từ đây về sau, mọi chứng khoán mới được bổ sung vào danh sách, khi lần đầu mở lên sẽ đều có Smartchart như tôi muốn, sẽ tiết kiệm rất nhiều thao tác. Các bạn cũng có thể làm tương tự: xác định cho mình một phương hướng đầu tư dựa trên PTKT, tạo Smartchart phục vụ phương hướng đó, lưu dạng Smartchart đó thành Default template và alê háp!

Bây giờ giả sử bạn đã mở Smartchart của AGF, bất kể trông nó như thế nào. Bạn hãy click trên biểu đồ (hiện tại đang là đường giá) và chọn style phù hợp (dạng bar hay candlestick, đường liền hay đường không liền nét, dày mỏng cỡ nào nếu là dạng line), chọn color v.v dựa vào các biểu tượng trên thanh công cụ phía dưới mà tôi đã giải thích ở bài trước.

Bạn cũng có thể right click trên biểu đồ, vào phần Properties để chỉnh lại dạng biểu đồ thành Line, Bar, Candlestick v.v tùy vào phương pháp PTKT mà bạn theo, chỉnh màu sắc của candlesticks v.v

Bạn cũng có thể chọn biểu đồ, chọn Format / Selected Objects và chỉnh sửa hoàn toàn tương tự như khi sử dụng thanh công cụ hoặc nhấp chuột phải.

Chắc chắn bạn muốn vẽ thêm nhiều thứ khác liên quan đến AGF chứ không chỉ trợ trọng đường giá. Có thể bạn muốn vẽ thêm đường MA trên đường giá, thêm Bollinger Band, thêm Volume v.v, tất cả những cái này sẽ được plot trên cửa sổ hiện tại của đường giá. Để làm điều này rất đơn giản: hãy vào Indicator QuickList, chọn indicator mà bạn muốn (giả sử là Volume, đây không phải là một indicator tuy nhiên vẫn có trong danh sách Indicator QuickList), giữ và rê nó đến cửa sổ của đường giá (price chart). Khi đó biểu đồ đường giá sẽ đổi qua màu khác, bạn thả chuột (drag-and-drop). Một cửa sổ Scaling Options sẽ hiện ra trong đó có 4 lựa chọn: display new scale on left (giá trị của trục tung được biểu diễn bên trái), display new scale on right (giá trị của trục tung được biểu diễn bên phải), merge with scale on left (sử dụng trục tung có sẵn bên trái làm trục giá trị), merge with scale on right (sử dụng trục tung có sẵn bên phải làm trục giá trị), overlay without scale (cứ biểu diễn đồ thị nhưng không cần trục tung). Bạn cần lựa chọn kỹ option nào phù hợp. Vì sao? Trên một cửa sổ có thể bạn muốn biểu diễn rất nhiều thứ, ví dụ: đường giá, volume, MA, Bollinger Band, Relative Performance. Có những thứ cùng đơn vị đo, ví dụ đường giá và đường MA (khi đó nếu đã có đường giá rồi thì đường MA nên sử dụng trục tung có sẵn của đường giá, thường là ở bên phải), có những thứ khác đơn vị như đường Volume và đường giá (khi đó phải chọn trục tung bên trái). Tối đa trên một màn hình chỉ có 2 trục tung ở bên trái hoặc bên phải, nếu đã có đường giá và MA (biểu diễn bên phải), volume (biểu diễn bên trái) rồi thì nếu thêm đường Relative Performance, phải chọn overlay without scale thôi.

Bạn cần để ý đến chi tiết “đường giá sẽ đổi qua màu khác” mà tôi nói ở trên. Khi trong cửa sổ ngoài biểu đồ đường giá còn có biểu đồ đường khác, như Volume hoặc đường trung bình trượt 5 ngày (5-day MA), nếu bạn kéo chỉ số - giả sử chỉ số MA - từ Indicator QuickList vào cửa sổ đó, biểu đồ nào đổi màu thì chỉ số MA mà bạn đang kéo sẽ là MA của biểu đồ đó. Ví dụ nếu đường giá đổi màu thì bạn đang tạo MA của đường giá, nếu Volume đổi màu thì bạn đang tạo MA của volume, nếu đường 5-day MA đổi màu thì bạn đang tạo MA của một MA. Đường nào đổi màu là do bạn di chuyển con trỏ qua lại trong khu vực của cửa sổ đó. Còn tất nhiên khi trong cửa sổ mới chỉ có một biểu đồ đường giá, thì bạn di chuyển con trỏ cỡ nào cũng chỉ có đường giá đổi màu thôi.

Bây giờ giả sử bạn muốn biểu diễn một chỉ số nhưng ở trong cửa sổ riêng. Trong khu vực của cửa sổ hiện tại, nhấp chuột phải, chọn Inner Window, chọn tiếp New (hoặc vào menu Window, chọn New Inner Window). Bạn sẽ tạo biểu đồ của một chỉ số cũng bằng thao tác drag-and-drop từ Indicator QuickList vào cửa sổ con mới mở. Lưu ý cũng phải để ý khi rê chỉ số từ QuickList vào cửa sổ mới mở, thì ở cửa sổ kia đường nào đổi màu.

Giả sử bạn tạo biểu đồ đường MA trong một cửa sổ riêng mới mở (chưa có gì hết), nhưng ở các cửa sổ khác vừa có đường giá của chứng khoán X, volume của chứng khoán X, đường giá của chứng khoán Y và volume của chứng khoán Y (Y cũng có thể là VNINDEX nếu bạn vừa muốn nhìn biến động của X vừa nhìn biến động của thị trường). Khi đó nếu kéo MA từ Indicator QuickList vào cửa sổ con mới mở, thì đó sẽ là MA của cái gì (giá hay volume, X hay Y?). Lúc đó bạn để ý cái gì đổi màu thì là MA của cái đó. Nguyên tắc chung là dù trên màn hình có nhiều chứng khoán, nhiều đường, nhưng có một chứng khoán chính – gọi là base security – đó là chứng khoán mà bạn mở biểu đồ theo thao tác Open. Các biểu đồ của chứng khoán khác bạn mở sau đó nếu cũng trong cùng màn hình, thì bạn phải mở bằng cách chọn menu Insert / Security. Khi bạn không chỉ định MA của cái gì thì ngầm định sẽ là MA của giá Close của chứng khoán gốc – base security. Nếu bạn muốn minh họa MA của cái khác thì phải rê MA từ Indicator QuickList đến trên biểu đồ của cái đó. Sau khi đường MA đó hình thành rồi thì kéo nó đi chỗ nào cũng được. Tuy nhiên còn cách khác nữa là tạo một Customized Indicator, sử dụng cái gọi là “the “P” data array identifier”, nếu ai biết Metastock Formula Language sẽ biết dùng.

Quay trở lại việc tạo biểu đồ cho một chỉ số, thay vì drag-and-drop bằng cách chọn chỉ số từ Indicator QuickList, có thể làm cách khác sử dụng menu: vào Insert / Security. Cửa sổ Indicators sẽ hiện ra, bên trái là danh sách các indicators, giả sử bạn chọn Moving Average. Bên phải là danh sách inner window để biểu thị indicator MA đó. Có thể chọn “new inner window” để tạo một inner window mới để biểu thị đường MA, hoặc chọn một Inner Window đang có (#1, #2 v.v). Trong inner window đang có, nếu có sẵn đường giá (biểu thị bằng mã chứng khoán) và các chỉ số khác, chọn cái nào thì sẽ biểu thị MA của cái đó.

Đến đây các bạn đã có thể tạo biểu đồ theo ý mình. Các bạn có thể thực hành mở 4 cửa sổ, trong cửa sổ thứ nhất có đường giá, hãy bổ sung thêm volume và bollinger band. Ở 3 cửa sổ còn lại, hãy tạo biểu đồ cho RSI, MACD và OBV hoặc bất cứ cách kết hợp chỉ số nào theo gu của bạn. Trong quá trình thao tác, sẽ có những tùy chọn mà bạn phải chọn để xác định thông số cho từng indicators. Ngoài ra bạn cũng sẽ format màu nền cho từng cửa sổ (bằng cách click chuột phải, chọn Properties), format màu cho các đường đồ thị, có thể bỏ title của các cửa sổ con cho thoáng màn hình (click chuột phải – inner window – properties – bỏ chọn show title bar) v.v. Các bạn cũng nghiên cứu tất cả các chi tiết nhỏ trong quá trình vẽ biểu đồ (horizontal line, parameters v.v). Xong xuôi rồi, hãy click chuột phải để Save as default template. Từ đây về sau, mọi chứng khoán bạn mở ra theo Smartchart sẽ được tự động tạo biểu đồ theo cách bạn ưa thích.